

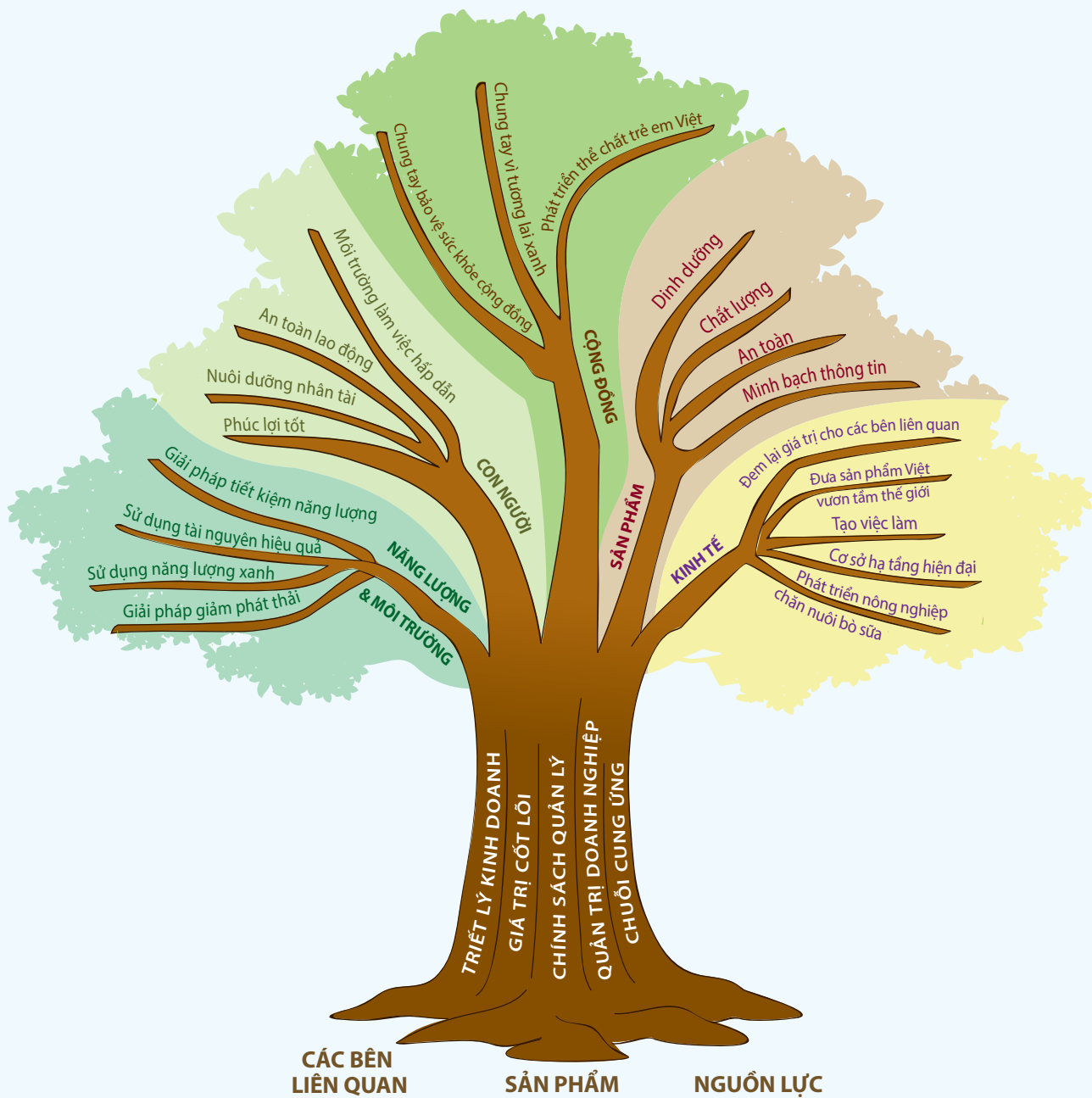


VINAMILK



BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN **BỀN VỮNG**
2 0 1 5





NỘI DUNG

THÔNG điệp CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	4
CÂU CHUYỆN VINAMILK	6
1. Vinamilk - 39 năm hình thành và không ngừng phát triển	8
2. Triết lý kinh doanh, Giá trị cốt lõi và Chính sách quản lý	22
3. Cơ cấu quản lý	26
4. Báo cáo Phát triển bền vững 2015 và cách xác định cơ sở trọng yếu	32
ĐỒNG HÀNH CÙNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	38
1. Bối cảnh phát triển bền vững tại Việt Nam	40
2. Vinamilk - Phát triển bền vững và hội nhập	42
Định hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững	42
Mục tiêu và kế hoạch hành động	44
NỀN TẢNG BỀN VỮNG NUÔI DƯỠNG NHỮNG MẦM XANH	46
1. Vươn cao Việt Nam, vươn tầm thế giới	48
2. Sản phẩm chất lượng	60
Sống khỏe, sống “chất”	62
Sản phẩm Vinamilk đồng hành cùng vòng đời dinh dưỡng	64
Sản phẩm Việt Nam, chất lượng quốc tế	68
Các chỉ số đo lường về Trách nhiệm sản phẩm	71
3. Nguồn lực con người	72
Đa dạng và bình đẳng	74
An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	75
Thu hút và giữ chân nhân tài	77
Nuôi dưỡng và phát triển nhân viên	82
4. Môi trường và năng lượng	84
Năng lượng	86
Phát thải	96
Nước	99
5. Hỗ trợ và phát triển cộng đồng	100
Vinamilk – vì sự phát triển của trẻ em Việt Nam	101
Chung tay bảo vệ sức khỏe cộng đồng	102
Chung tay cùng cộng đồng, vì một tương lai xanh	103
Tuân thủ, chống hạn chế cạnh tranh, chống độc quyền, chống tham nhũng và xung đột lợi ích	104
DANH MỤC ĐỐI CHIẾU G4	106
PHỤ LỤC	118



THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Năm 2015 được đánh dấu là năm quan trọng trong việc triển khai các bước đi quan trọng để hoàn thành mục tiêu 5 năm giai đoạn 2012 - 2016 và cũng là năm bản lề cho việc chuẩn bị các chiến lược phát triển trong giai đoạn mới 2017 - 2021. Xuyên suốt những chặng đường phát triển đã qua và định hướng phát triển trong tương lai, mục tiêu phát triển bền vững sẽ luôn là con đường mà Vinamilk cam kết hướng đến và là cốt lõi trong tất cả các kế hoạch của mình. Trong đó, định hướng phát triển bền vững của Vinamilk sẽ chú trọng vào 03 nhóm mục tiêu chính:

Trách nhiệm sản phẩm

Sự thành công của Vinamilk được đặt trên nền tảng cốt lõi là chất lượng sản phẩm. Yếu tố này sẽ luôn được Vinamilk gìn giữ và phát huy bằng những hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm trên nền tảng cập nhật những thành tựu về dinh dưỡng và sức khỏe, tạo sản phẩm bằng những công nghệ hiện đại của thế giới với những mức giá hợp lý cho mọi đối tượng người tiêu dùng.

Trách nhiệm về môi trường & năng lượng

Hiện nay, biến đổi khí hậu đã trở thành một vấn đề toàn cầu và ngày càng tác động nghiêm trọng đến điều kiện môi trường sống trên trái đất. Trong đó, Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu với tình trạng hạn hán, lũ lụt, ngập mặn kéo dài. Theo thống kê trong giai đoạn từ 1994 - 2013, trung bình mỗi năm, các thiệt hại liên quan đến biến đổi khí hậu mà Việt Nam phải gánh chịu là hơn 1% GDP và có xu hướng tiếp tục tăng cao.

Năm 2015 cũng là mốc son quan trọng khi Bản Thỏa thuận về Ứng phó biến đổi khí hậu được thông qua tại Paris với sự tham gia của 195 quốc gia, trong đó có Việt Nam. Điều này ghi nhận sự chung tay của thế giới trong việc ngăn chặn và từng bước giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu. Để thực hiện được mục tiêu này, mỗi tổ chức, cá nhân cần nâng cao nhận thức, tuyên truyền trong cộng đồng và triển khai thực hiện những biện pháp thiết thực.

Là một tổ chức hoạt động trong nền kinh tế, Vinamilk cam kết tiếp tục thực hiện những giải pháp phù hợp với những sự đầu tư về cả tài chính, nhân lực và hệ thống quản lý để đảm bảo việc xử lý tốt các nguồn thải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, tối ưu hóa hiệu suất sử dụng năng lượng và tiếp tục áp dụng sử dụng các nguồn nguyên liệu sạch để góp phần vào mục tiêu lớn là giảm lượng phát thải khí nhà kính.

Trách nhiệm đối với các vấn đề xã hội

Đội ngũ nhân sự

Năm 2015, Vinamilk tiếp tục được đánh giá là một trong các tổ chức có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam. Điều này cho thấy Vinamilk đang đi đúng hướng trong việc xây dựng một môi trường làm việc thu hút người lao động với chính sách tiền lương, phúc lợi hấp dẫn, tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên được phát huy năng lực, cơ hội được đào tạo và thăng tiến, với văn hóa làm việc cởi mở, năng động và các quyền lợi người lao động được đảm bảo.

Vinamilk sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc đầu tư vào đội ngũ nhân sự với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự đáp ứng với nhu cầu phát triển của tổ chức và thực hiện những chính sách nhằm nâng cao sự thỏa mãn về môi trường làm việc của đội ngũ nhân viên.

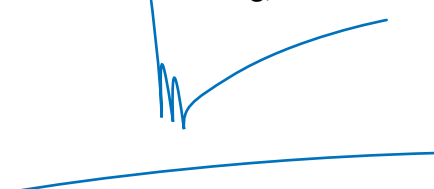
Tuân thủ

Chính sách hoạt động của Vinamilk là minh bạch, tuân thủ pháp luật và các chế định mà Vinamilk tham gia. Minh bạch trong hoạt động, trong mối quan hệ với các bên liên quan và tôn trọng cạnh tranh lành mạnh là nền tảng bền vững cho sự tồn tại và phát triển của mọi tổ chức.

Hoạt động cộng đồng

Các hoạt động cộng đồng từ lâu đã trở thành một truyền thống và là một phần không tách rời trong hoạt động tổng thể của Vinamilk. Năm 2015, Vinamilk đã tham gia tích cực vào các hoạt động vì lợi ích cộng đồng trong sự đồng hành với các hoạt động của Nhà nước, các đoàn thể, tổ chức xã hội. Trong tương lai, Vinamilk cam kết sẽ tiếp tục và đẩy mạnh các hoạt động với những chương trình hành động nhằm mang lại những lợi ích thiết thực cho cộng đồng.

Cảm ơn & trân trọng,



MAI KIỀU LIÊN

Tổng Giám đốc

Câu chuyện

VINAMILK

1. Vinamilk - 39 năm hình thành và không ngừng phát triển
2. Triết lý kinh doanh, Giá trị cốt lõi và Chính sách quản lý
3. Cơ cấu quản lý
4. Báo cáo Phát triển bền vững 2015 và cách xác định cơ sở trọng yếu





MÓN QUÀ

SỨC KHỎE

TỪ THIÊN NHIÊN

mới





VINAMILK - 39 NĂM HÌNH THÀNH VÀ KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

MÃ CỔ PHIẾU: VNM

Tên tiếng Anh : Vietnam Dairy Products Joint Stock Company
Tên viết tắt : Vinamilk
Vốn điều lệ : 12.006.621.930.000 đồng
Trụ sở chính : 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM
Điện thoại : (84-8) 54 155 555
Fax : (84-8) 54 161 223
Email : vinamilk@vinamilk.com.vn
Website : <https://www.vinamilk.com.vn>
: <http://www.vuoncaovietnam.com>
: <https://www.youtube.com/user/Vinamilk>

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế: 0300588569



VINAMILK - 39 NĂM HÌNH THÀNH VÀ KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)



Sản xuất và kinh doanh nước giải khát.

Chế biến, kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa.

Hoạt động chăn nuôi bò sữa, sản xuất sữa tươi nguyên liệu (thông qua công ty con sở hữu 100% vốn).

CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

CÓ HƠN 200 SẢN PHẨM

được chia thành các
ngành hàng sau:

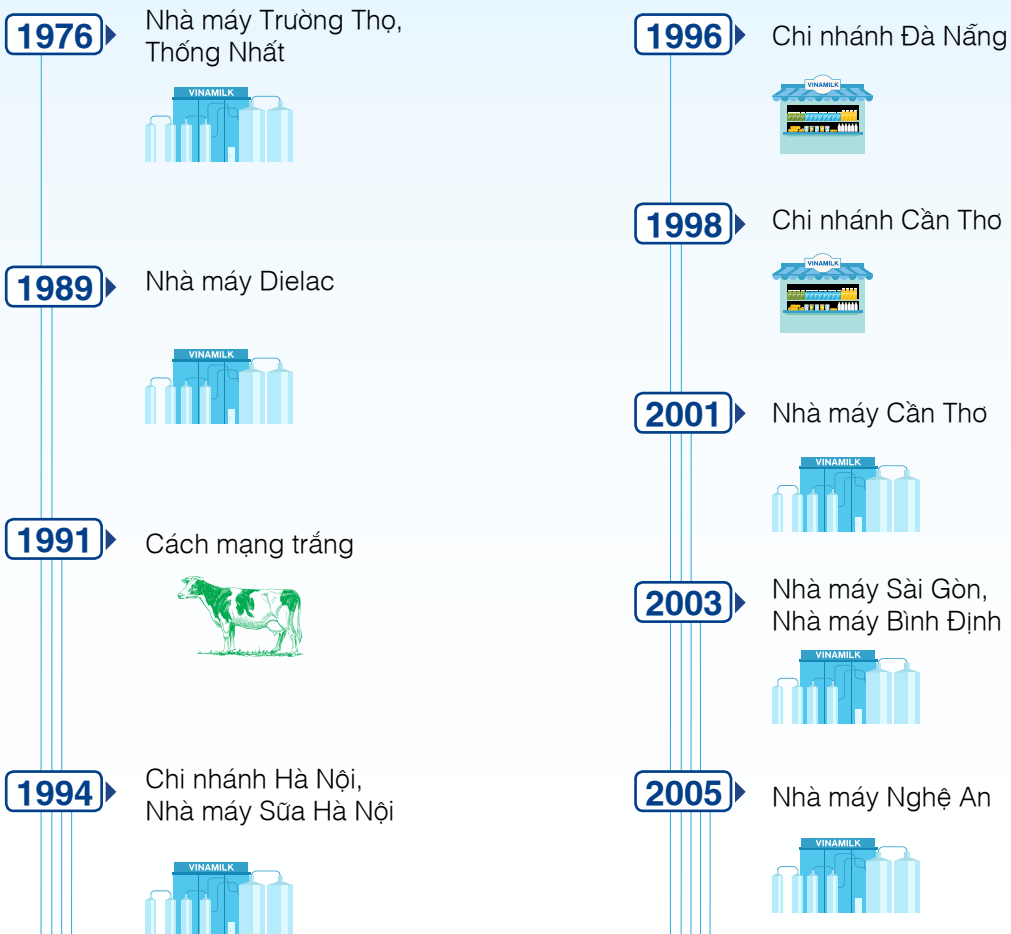
- Sữa nước
- Sữa chua
- Sữa bột
- Bột ăn dặm
- Ca cao lúa mạch
- Sữa đặc
- Kem ăn
- Phô mai
- Sữa đậu nành
- Nước giải khát

Vui lòng xem thêm thông tin về sản phẩm của Công ty tại:
<https://www.vinamilk.com.vn/vi/nhan-hieu>



VINAMILK - 39 NĂM HÌNH THÀNH VÀ KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

VINAMILK - CHẶNG ĐƯỜNG 39 NĂM



2006

Phòng khám An Khang, trang trại Tuyên Quang
Niêm yết trên sàn CK



2008

Nhà máy Tiên Sơn



2009

Trang trại Nghệ An, Nhà máy Lam Sơn, Trang trại Thanh Hóa, Trang trại Bình Định, phát triển ở New Zealand và 20 quốc gia khác



2010

Nhà máy Nước giải khát



2011

Trang trại Lâm Đồng



2012

Nhà máy Đà Nẵng



2013

Sữa bột Việt Nam, Sữa Việt Nam, Trang trại Bò Sữa Thống Nhất & Thanh Hóa, Đầu tư vào Driftwood Dairy Holdings Corporation tại Mỹ



2014

Thành lập Angkor Dairy Products Co. tại Campuchia, Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia tại Ba Lan



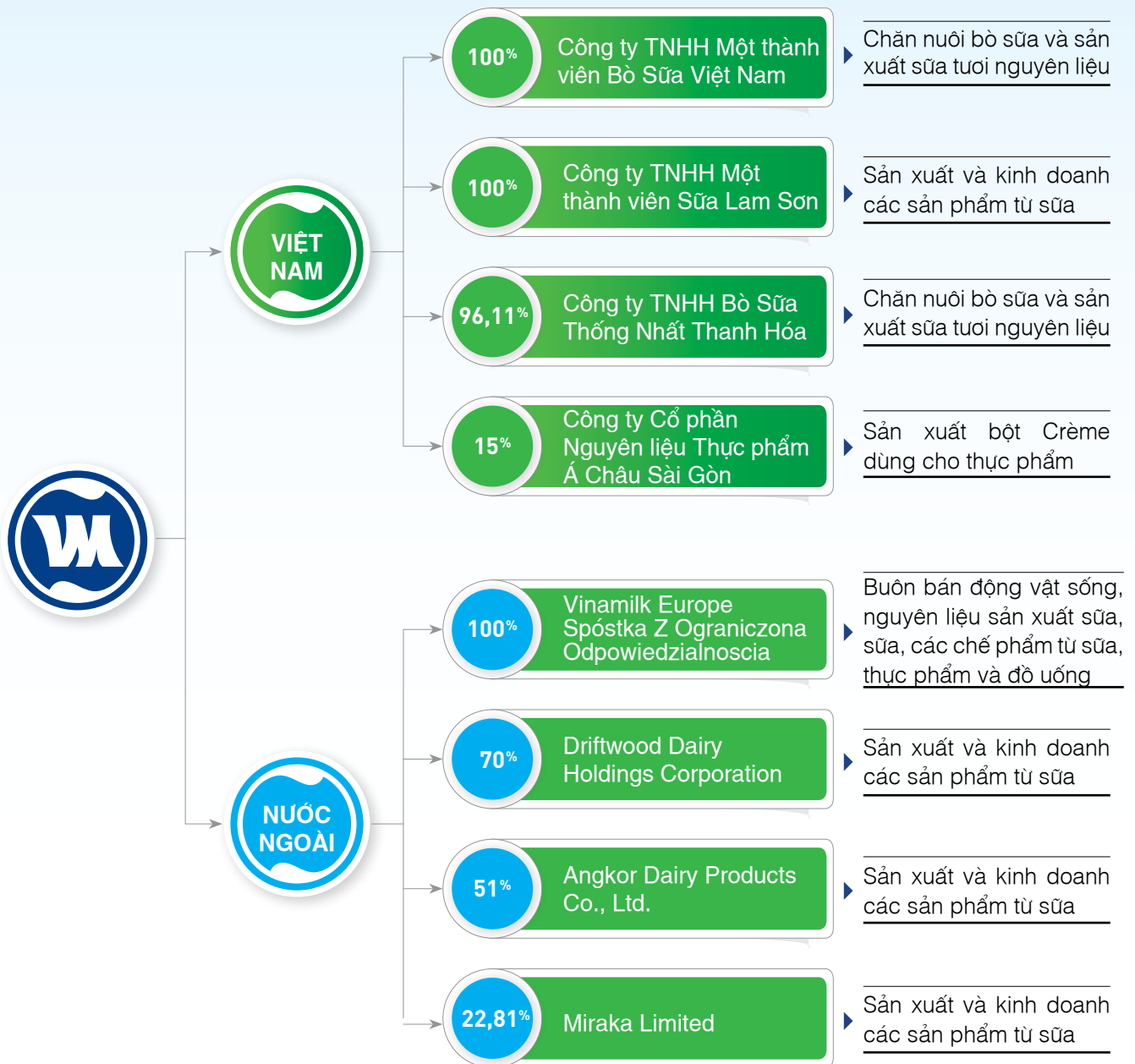
QUA GẦN 4 THẬP KỶ KHÔNG NGỪNG ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN, VINAMILK ĐÃ TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG CÔNG TY CÓ QUY MÔ LỚN NHẤT VIỆT NAM, TRỞ THÀNH THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA, NGÀY CÀNG QUEN THUỘC VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC VÀ KHÔNG NGỪNG VƯƠN XA MỞ RỘNG ĐẦU TƯ ĐA NGÀNH NGHỀ.



VINAMILK - 39 NĂM HÌNH THÀNH VÀ KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)




CÔNG TY CON, LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Ngành nghề kinh doanh



CÁC DANH HIỆU TIÊU BIỂU ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2015

Năm 2015, Vinamilk tự hào với những thành tích được ghi nhận bởi Nhà nước, cộng đồng và các bên liên quan.

		
KINH TẾ	XÃ HỘI	MÔI TRƯỜNG
Top 10 Bảng xếp hạng 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2015	Giấy chứng nhận Danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao 2015”	Nhà máy Sữa Trường Thọ - Giải thưởng môi trường Việt Nam 2015
Bảng xếp hạng V1000 - 2015 (1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam)	Quản trị công ty tốt nhất Việt Nam - khu vực Asean tại Manila, Philippines	Chứng nhận đóng góp tích cực “Diễn đàn đổi mới phát triển hướng đến kinh tế xanh” do Báo Tài nguyên Môi trường tổ chức
Top 100 Asean - Top 300 Asia	Top 100 Thương hiệu Tin và Dùng	Bằng khen “Thành tích tốt trong công tác tiết kiệm điện năng 2015”
Giải thưởng New Zealand - ASEAN	Top 10 “Sản phẩm Vàng thương hiệu Việt hội nhập WTO lần thứ 10 - 2015”	Doanh nghiệp xanh
Top 50 Thương hiệu có giá trị lớn nhất Việt Nam	Doanh nghiệp văn hóa có nhiều đóng góp cho xã hội	
1 trong 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam	Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam	
Công ty tăng trưởng bền vững giai đoạn 2011 - 2014	Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2014 (đứng hạng thứ 2)	

Ghi chú: Chi tiết các giải thưởng vui lòng tham khảo phụ lục.



VINAMILK - 39 NĂM HÌNH THÀNH VÀ KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

TRỤ SỞ CHÍNH



Số 10, Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7,
TP. Hồ Chí Minh

02



Xí nghiệp kho vận
Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh

03



Chi nhánh bán hàng
Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ

13



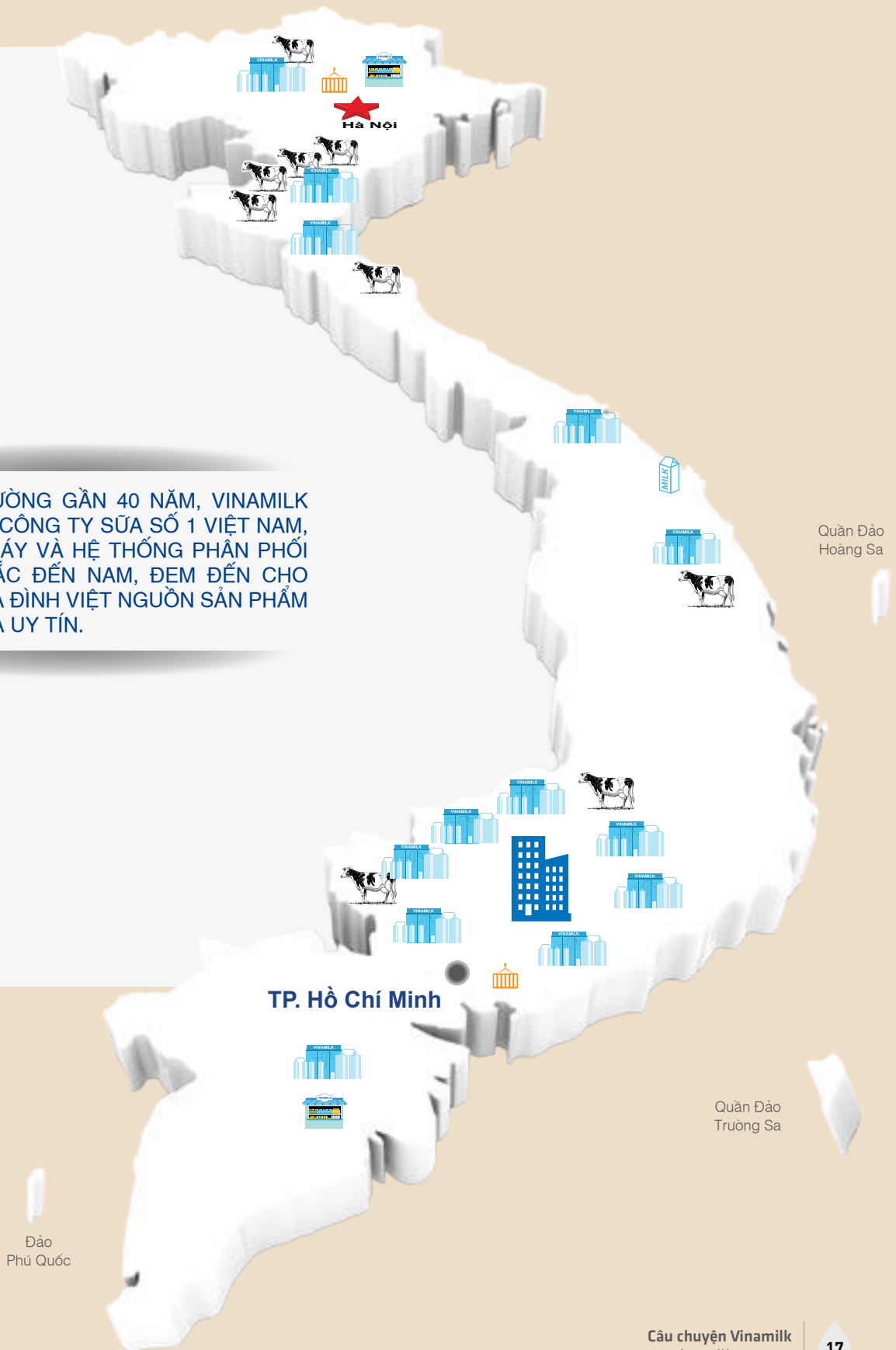
Nhà máy đang hoạt động

01



Phòng khám đa khoa tại TP. Hồ Chí Minh

QUA CHẶNG ĐƯỜNG GẦN 40 NĂM, VINAMILK ĐÃ TRỞ THÀNH CÔNG TY SỮA SỐ 1 VIỆT NAM, VỚI CÁC NHÀ MÁY VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI TRẢI DÀI TỪ BẮC ĐẾN NAM, ĐEM ĐẾN CHO HÀNG TRIỆU GIA ĐÌNH VIỆT NGUỒN SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG VÀ UY TÍN.



Quần Đảo
Hoàng Sa

Quần Đảo
Trường Sa

Đảo
Phú Quốc

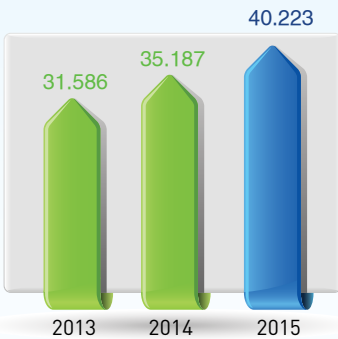


VINAMILK - 39 NĂM HÌNH THÀNH VÀ KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

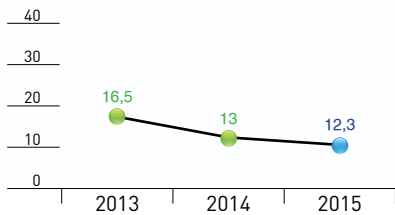
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

DOANH THU

40.223 —ĐVT:—
TỶ ĐỒNG

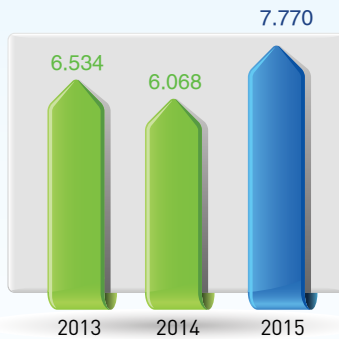


Tỷ lệ
tăng trưởng doanh thu (%)

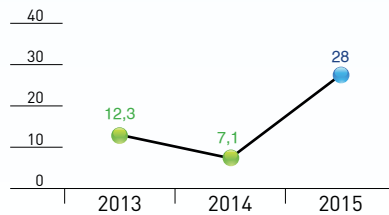


LỢI NHUẬN SAU THUẾ

7.770 —ĐVT:—
TỶ ĐỒNG

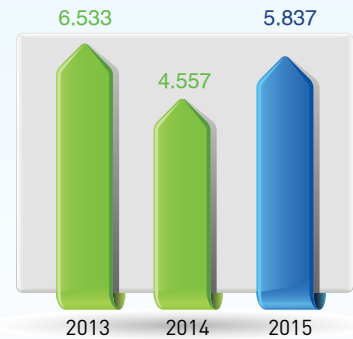


Tỷ lệ
tăng trưởng LNST (%)

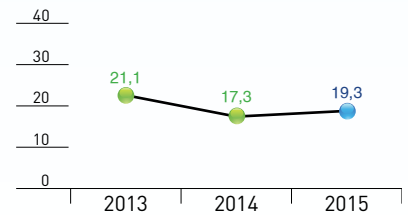


LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

5.837 —ĐVT:—
ĐỒNG

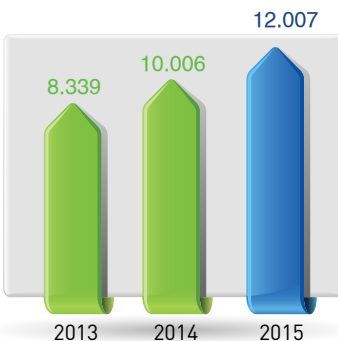


Tỷ suất
lợi nhuận/doanh thu thuần (%)



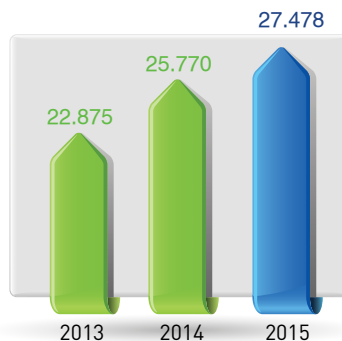
VỐN ĐIỀU LỆ

12.007 —ĐVT:—
TỶ ĐỒNG



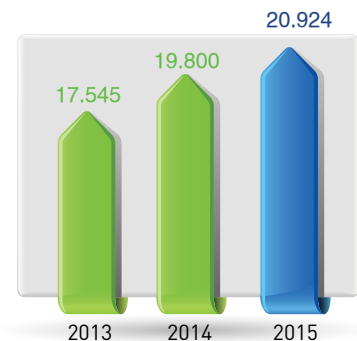
TỔNG TÀI SẢN

27.478 —ĐVT:—
TỶ ĐỒNG



VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.924 —ĐVT:—
TỶ ĐỒNG

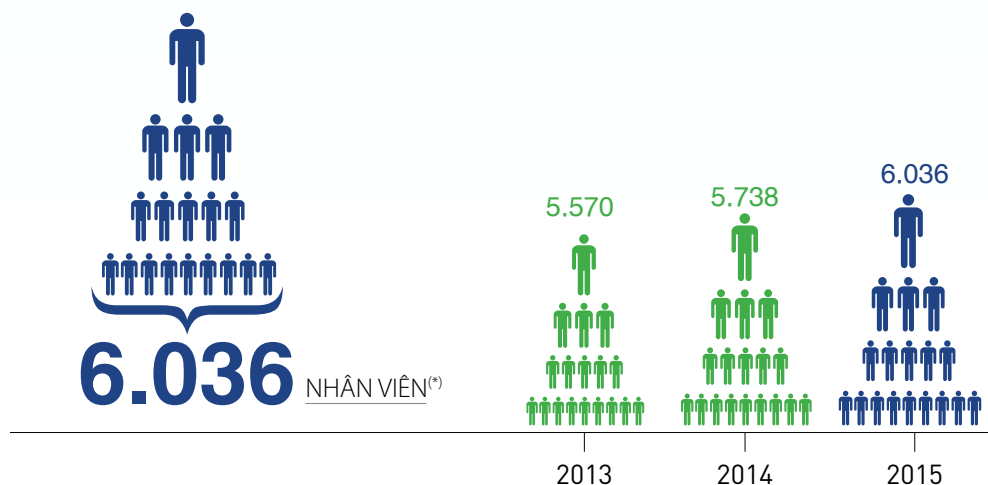


CƠ CẤU SỞ HỮU VỐN ĐẾN CUỐI NĂM 2015

Tại ngày 31/12/2015, Vinamilk có 11.961 cổ đông, trong đó:

	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	% vốn điều lệ
Cổ phiếu đang lưu hành	11.960	1.200.139.398	99,96%
Cổ phiếu quỹ	1	522.795	0,04%
	11.961	1.200.662.193	100,00%
Trong đó:			
Cổ đông trong nước	10.831	612.296.437	51,00%
• Tổ chức	99	549.106.370	45,74%
• Cá nhân	10.732	63.190.067	5,26%
Cổ đông nước ngoài	1.130	588.365.756	49,00%
• Tổ chức	241	584.168.234	48,65%
• Cá nhân	889	4.197.522	0,35%

QUY MÔ VỀ NHÂN VIÊN



(*) Số nhân viên chỉ bao gồm nhân viên của Vinamilk và 2 Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Sữa Lam Sơn và Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam.

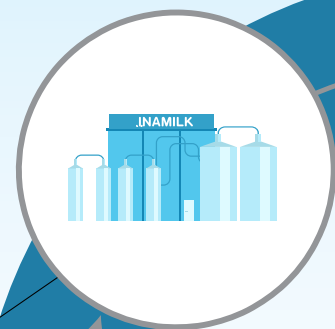


VINAMILK - 39 NĂM HÌNH THÀNH VÀ KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

HỆ THỐNG CHUỖI CUNG ỨNG: TỪ TRANG TRẠI ĐẾN BÀN ĂN

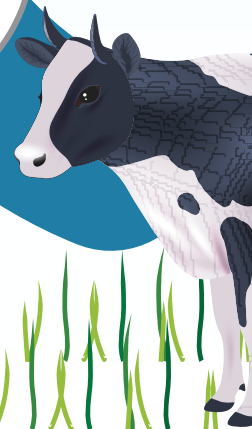
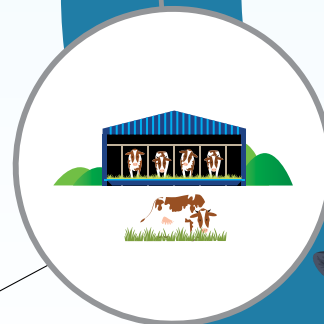
Hệ thống nhà máy chế biến và đóng gói

Nguồn nguyên liệu đạt chuẩn được đưa vào chế biến trong hệ thống 13 nhà máy cho ra hơn 200 loại sản phẩm bao gồm sữa bột và bột dinh dưỡng, sữa đặc, nước giải khát, sữa chua, kem, phô mai, sữa đậu nành... Bao bì chuyên dụng với thiết kế đặc biệt đảm bảo sản phẩm luôn tươi mới, lưu giữ được hương vị tự nhiên và an toàn.



Chuỗi cung ứng nguyên vật liệu và hệ thống trang trại

Với 110.000 con bò từ hệ thống 7 trang trại của Vinamilk và các hộ nông dân đã cung cấp 216.485 tấn sữa tươi nguyên liệu trong năm 2015, bình quân 600 tấn sữa tươi nguyên liệu mỗi ngày. Nguồn sữa tươi này kết hợp với nguồn nguyên vật liệu được tuyển chọn từ hơn 200 nhà cung cấp để tạo nên các sản phẩm chất lượng từ Vinamilk.



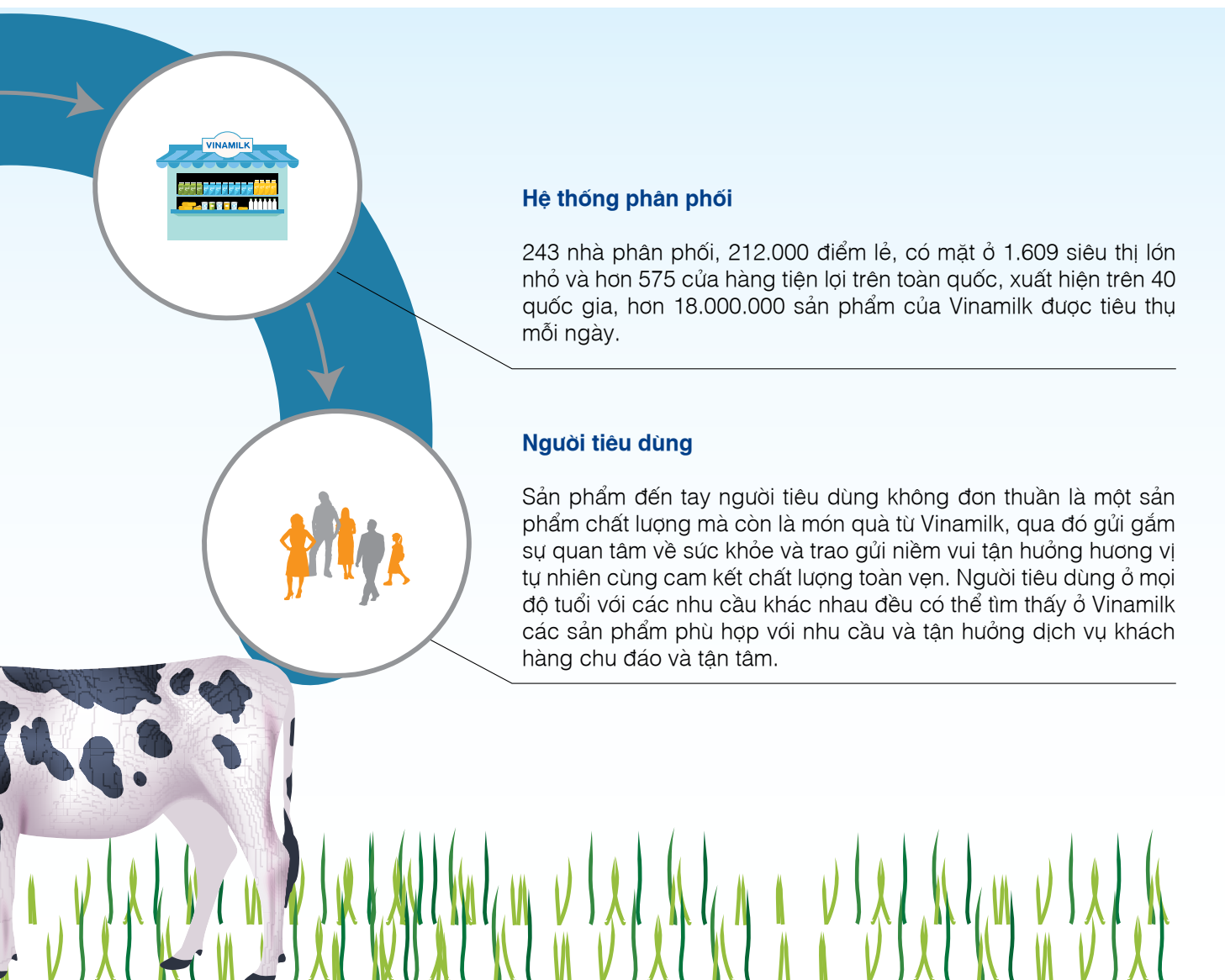
Chuỗi cung ứng nguyên vật liệu và hệ thống trang trại

**Hệ thống quản lý đang áp dụng
tại Vinamilk**

ISO 9001, Global GAP, FSSC 22000

**Các khía cạnh phát triển
bền vững liên quan**

Phát triển kinh tế
Nguồn lực và Con người
Môi trường và Năng lượng



Hệ thống phân phối

243 nhà phân phối, 212.000 điểm lẻ, có mặt ở 1.609 siêu thị lớn nhỏ và hơn 575 cửa hàng tiện lợi trên toàn quốc, xuất hiện trên 40 quốc gia, hơn 18.000.000 sản phẩm của Vinamilk được tiêu thụ mỗi ngày.

Người tiêu dùng

Sản phẩm đến tay người tiêu dùng không đơn thuần là một sản phẩm chất lượng mà còn là món quà từ Vinamilk, qua đó gửi gắm sự quan tâm về sức khỏe và trao gửi niềm vui tận hưởng hương vị tự nhiên cùng cam kết chất lượng toàn vẹn. Người tiêu dùng ở mọi độ tuổi với các nhu cầu khác nhau đều có thể tìm thấy ở Vinamilk các sản phẩm phù hợp với nhu cầu và tận hưởng dịch vụ khách hàng chu đáo và tận tâm.



Hệ thống nhà máy chế biến và đóng gói

ISO 9001, FSSC 22000, ISO 17025, PAS 99, ISO 27001

Sản phẩm chất lượng
Môi trường và Năng lượng
Nguồn lực và Con người
Phát triển kinh tế

Hệ thống phân phối

ISO 9001, FSSC 22000, ISO 27001

Sản phẩm chất lượng
Phát triển kinh tế

Người tiêu dùng

ISO 9001, FSSC 22000

Sản phẩm chất lượng
Hỗ trợ và phát triển cộng đồng



TRIẾT LÝ KINH DOANH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

TẦM NHÌN



Trở thành biểu tượng mang tầm vóc thế giới trong lĩnh vực thực phẩm và thức uống, nơi mà tất cả mọi người đặt trọn niềm tin vào sản phẩm an toàn và dinh dưỡng.



SỨ MỆNH

Mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng giá trị nhất bằng tất cả sự trân trọng, tình yêu và có trách nhiệm với cuộc sống.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

“Trở thành biểu tượng niềm tin hàng đầu Việt Nam về sản phẩm dinh dưỡng và sức khỏe phục vụ cuộc sống con người”

CHÍNH TRỰC



Liên chính, trung thực trong ứng xử và trong tất cả các giao dịch.

TÔN TRỌNG



Tôn trọng bản thân, tôn trọng đồng nghiệp. Tôn trọng Công ty, tôn trọng đối tác. Hợp tác trong sự tôn trọng.

CÔNG BẰNG



Công bằng với nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp và các bên liên quan khác.

TUÂN THỦ



Tuân thủ luật pháp, bộ Quy tắc Ứng xử và các quy chế, chính sách, quy định của Công ty.

ĐẠO ĐỨC



Tôn trọng các tiêu chuẩn đã được thiết lập và hành động một cách đạo đức.



Triết lý kinh doanh và mục tiêu của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm: Mang đến nguồn sản phẩm dinh dưỡng chất lượng cho người tiêu dùng, mang lại lợi ích bền vững cho các cổ đông; không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động; làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước và tích cực gắn kết với các hoạt động cộng đồng.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Vinamilk mong muốn trở thành sản phẩm được yêu thích ở mọi khu vực, lãnh thổ. Vì thế chúng tôi tâm niệm rằng chất lượng và sáng tạo là người bạn đồng hành của Vinamilk. Vinamilk xem khách hàng là trung tâm và cam kết đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Luôn thỏa mãn và có trách nhiệm với khách hàng bằng cách đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm với giá cả cạnh tranh, tôn trọng đạo đức kinh doanh và tuân theo luật định.

CHẤT LƯỢNG >

NEEDS

CREATIVITY



TRIẾT LÝ KINH DOANH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ (tiếp theo)

CHÍNH SÁCH AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG

Với ý thức đảm bảo an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường, chúng tôi nhận thức được trách nhiệm thực hiện An toàn – Sức khỏe – Môi trường là một việc quan trọng như bất kỳ hoạt động nào khác trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Tất cả nhân viên của Khối Sản xuất đã được triển khai thực hiện các nguyên tắc và cam kết tuân theo các quy định của Công ty nhằm góp phần vào công tác an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường cũng như đóng góp vào việc xây dựng môi trường xanh, cuộc sống lành.



An toàn



Sức khỏe



Môi trường



Với mục tiêu hướng đến sự phát triển bền vững và toàn diện, Khối Sản xuất cam kết:

1		Tuân thủ pháp luật và các quy định khác về an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường, đồng thời phát huy vai trò tiên phong trong việc cải thiện điều kiện lao động; bảo tồn, bảo vệ và cải thiện môi trường;
2		Phát triển và sản xuất các sản phẩm được hoạch định theo định hướng làm giảm tác động đến môi trường và thúc đẩy bảo vệ môi trường;
3		Thiết lập, duy trì và không ngừng cải tiến điều kiện làm việc an toàn, phòng ngừa các thương tật và suy giảm sức khỏe cho nhân viên; áp dụng thực hành 5S và chương trình “Sản xuất sạch hơn”;
4		Xây dựng và không ngừng cải tiến liên tục để nâng cao hiệu lực và hiệu quả Hệ thống tích hợp ISO 14001 và OHSAS 18001 theo PAS 99:2012 nhằm mục tiêu bảo vệ và cải thiện môi trường, cải thiện điều kiện lao động;
5		Luôn nỗ lực tìm kiếm các giải pháp để cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa ô nhiễm, giảm chất thải, tăng hiệu quả sử dụng năng lượng, tài nguyên, vật liệu nhằm ngăn chặn hoặc giảm thiểu các tác động bất lợi đến môi trường và cuộc sống theo tiêu chí an toàn lao động, thân thiện với môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu;
6		Nâng cao nhận thức cho toàn thể nhân viên thông qua công tác đào tạo và tham gia các hoạt động vì an toàn, sức khỏe; môi trường xanh, sạch, đẹp.

Để chính sách An toàn – Sức khỏe – Môi trường được hiểu rõ và được áp dụng trong thực tế, toàn bộ nhân viên, nhà thầu, nhà cung cấp cũng như những người có thể bị ảnh hưởng bởi tác nghiệp của Công ty được hướng dẫn và phổ biến chính sách một cách đầy đủ. Cam kết nỗ lực thực hiện và duy trì thành công chương trình an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp và bảo vệ môi trường hướng đến phát triển bền vững. Thực hiện điều kiện lao động tốt; môi trường xanh, sạch, đẹp, với phương châm:

“An toàn - sức khỏe - môi trường tốt, cuộc sống tốt”

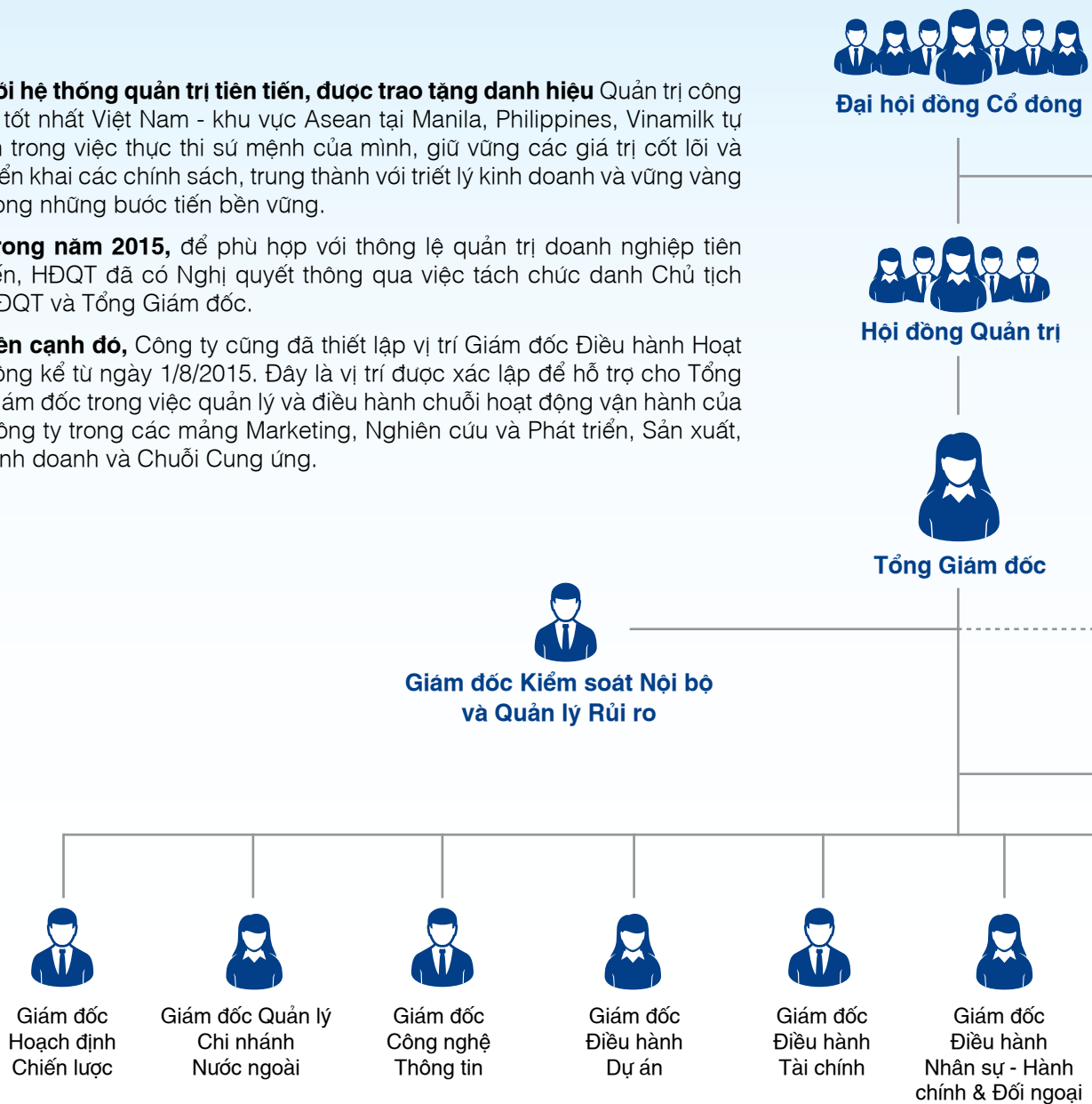


CƠ CẤU QUẢN LÝ

Với hệ thống quản trị tiên tiến, được trao tặng danh hiệu Quản trị công ty tốt nhất Việt Nam - khu vực Asean tại Manila, Philippines, Vinamilk tự tin trong việc thực thi sứ mệnh của mình, giữ vững các giá trị cốt lõi và triển khai các chính sách, trung thành với triết lý kinh doanh và vững vàng trong những bước tiến bền vững.

Trong năm 2015, để phù hợp với thông lệ quản trị doanh nghiệp tiên tiến, HĐQT đã có Nghị quyết thông qua việc tách chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã thiết lập vị trí Giám đốc Điều hành Hoạt động kể từ ngày 1/8/2015. Đây là vị trí được xác lập để hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành chuỗi hoạt động vận hành của Công ty trong các mảng Marketing, Nghiên cứu và Phát triển, Sản xuất, Kinh doanh và Chuỗi Cung ứng.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Ban Kiểm soát



Giám đốc Kiểm toán Nội bộ



Giám đốc Điều hành Hoạt động



Giám đốc Điều hành Phát triển Vùng nguyên liệu



Giám đốc Điều hành Marketing



Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển



Giám đốc Điều hành Sản xuất



Giám đốc Điều hành Kinh doanh



Giám đốc Điều hành Chuỗi cung ứng

◆ Ghi chú:

- Báo cáo trực tiếp
- Báo cáo theo chức năng bộ phận
- ~~~~~ Báo cáo theo tính chất công việc được quy định



CƠ CẤU QUẢN LÝ (tiếp theo)

Nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được phát triển bền vững, trong các năm qua, Vinamilk đã tập trung vào 4 lĩnh vực chính:

Xây dựng chiến lược phát triển dài hạn.

Quản lý các rủi ro mà Công ty có thể gặp phải để đảm bảo đi đúng định hướng của chiến lược dài hạn.

Phát triển nhân sự đủ năng lực chuyên môn.

Cơ chế cải tiến liên tục hoạt động kinh doanh.

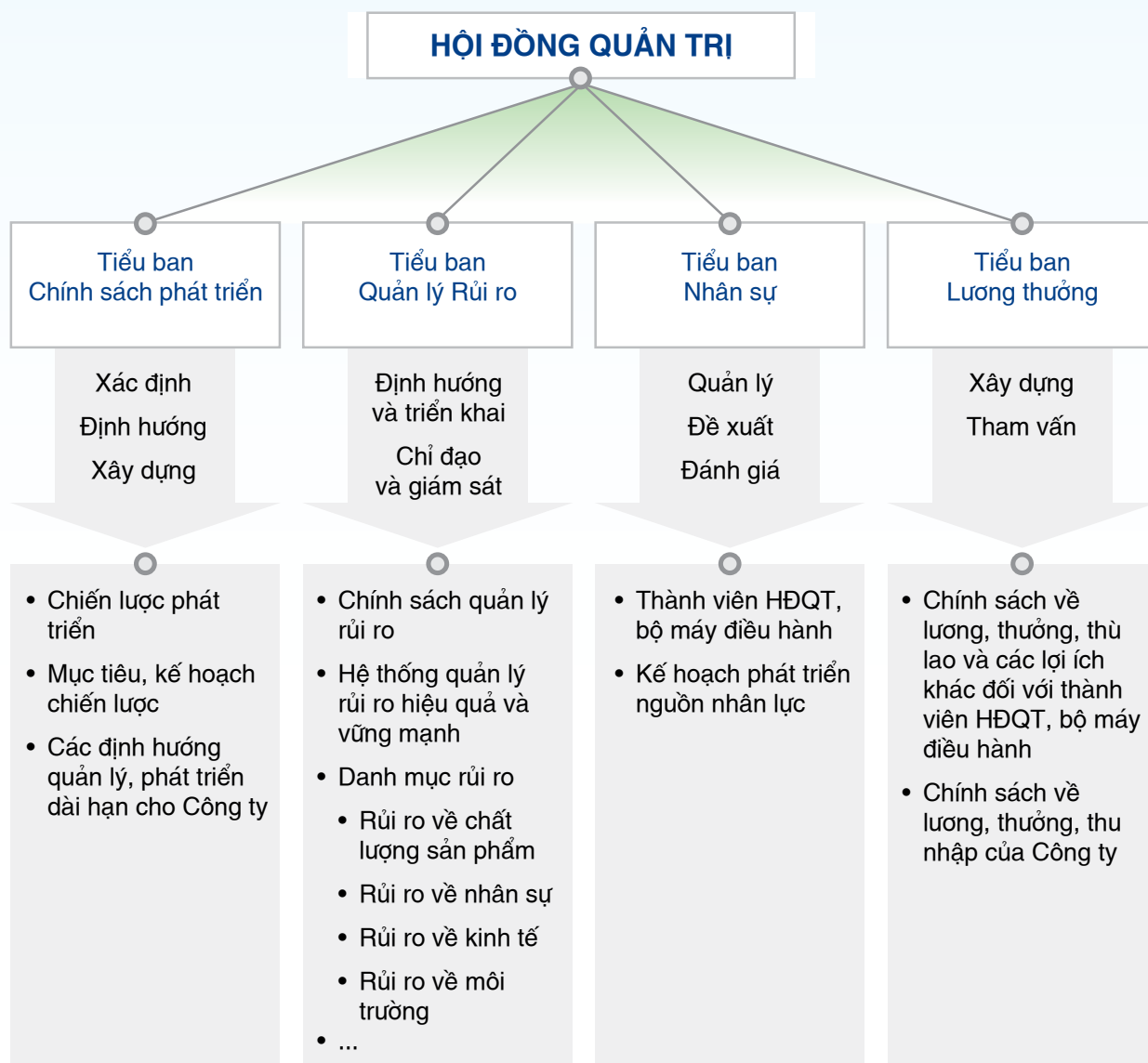
Và để thành công, Vinamilk đã xây dựng Cơ cấu Công ty theo hướng tập trung, có sự thống nhất từ trên xuống với các nhiệm vụ và quyền hạn được phân công cụ thể cho từng bộ phận và từng cấp, bao gồm: Hội đồng Quản trị, Tiểu ban Quản lý Rủi ro, Hội đồng Quản lý Rủi ro, Kiểm soát nội bộ, Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ và các Giám đốc Điều hành.

Việc hình thành và xác định chiến lược và mục tiêu phát triển luôn gắn kết với việc xác định và đánh giá các rủi ro nhằm định hướng và triển khai quản lý các rủi ro hiệu quả. Trong các rủi ro được xác định, rủi ro về chất lượng sản phẩm, rủi ro về nhân

sự, kinh tế và môi trường... luôn được quan tâm và đặt lên hàng đầu. Bên cạnh đó, để đảm bảo các chiến lược được triển khai, các rủi ro được quản lý hiệu quả nhằm đạt được mục tiêu, việc phân công trách nhiệm và quyền hạn nhân sự được phân cấp rõ ràng và xuyên suốt từ HĐQT đến BĐH, cấp quản lý và nhân viên. Đồng thời, các chỉ tiêu về đánh giá hiệu quả hoạt động của các cấp cũng được thiết lập thông qua chính sách thù lao công bằng, khách quan và hợp lý. Thù lao của BĐH bao gồm lương, thưởng và lợi ích khác, được đề xuất bởi Tiểu ban Lương thưởng của HĐQT, được HĐQT xem xét và phê duyệt.

Các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của các cấp quản lý và căn cứ để tính thù lao

Phạm vi trách nhiệm	Mức lương trong Công ty và trong ngành nói chung
Chất lượng, năng lực yêu cầu	Năng lực và chỉ số tài chính của Công ty
Kinh nghiệm	Yếu tố thị trường về nhân sự và các yếu tố khác
Năng lực cá nhân và khả năng kinh doanh	





CƠ CẤU QUẢN LÝ (tiếp theo)

TIỂU BAN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN



ÔNG LÊ SONG LAI

Trưởng Tiểu ban



BÀ MAI KIỀU LIÊN

Thành viên



BÀ NGÔ THỊ THU TRANG

Thành viên

TIỂU BAN QUẢN LÝ RỦI RO



ÔNG NG JUI SIA

Trưởng Tiểu ban



ÔNG LÊ ANH MINH

Thành viên



BÀ NGÔ THỊ THU TRANG

Thành viên

TIỂU BAN NHÂN SỰ



BÀ LÊ THỊ BĂNG TÂM
Trưởng Tiểu ban



BÀ MAI KIỀU LIÊN
Thành viên



ÔNG LÊ SONG LAI
Thành viên

TIỂU BAN LƯƠNG THƯỞNG



ÔNG LÊ ANH MINH
Trưởng Tiểu ban



ÔNG NG JUI SIA
Thành viên



BÀ LÊ THỊ BĂNG TÂM
Thành viên



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2015 VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH CƠ SỞ TRỌNG YẾU



TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO

Báo cáo Phát triển bền vững được lập hàng năm và đề cập đến các khía cạnh về phát triển bền vững của Vinamilk. Năm 2015, Báo cáo Phát triển bền vững tiếp tục được lập thành báo cáo riêng biệt với Báo cáo thường niên. Tất cả các số liệu được báo cáo cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2015.

Báo cáo này được lập dựa trên mức độ quan tâm và giá trị đối với các bên liên quan và nội tại Vinamilk. Phương thức quản lý, mục tiêu, định hướng và các hoạt động trong năm của Vinamilk được trình bày trong báo cáo này, nhằm phác họa toàn cảnh bức tranh hoạt động của Công ty trong năm và hướng phát triển của Công ty trong những năm tới.

PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo này được lập cho phạm vi hoạt động của:

- Vinamilk;
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam, bao gồm hoạt động của 4 trang trại;
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn, bao gồm hoạt động của 1 nhà máy và 1 trang trại;

Báo cáo không bao gồm phạm vi hoạt động của:

- Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế: Đã hoàn tất giải thể vào tháng 1/2015;
- Phòng khám An Khang: Hoạt động phòng khám có các đặc thù khác với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu và không chiếm tỷ trọng đáng kể trong hoạt động của Vinamilk;

Các bên liên quan

Các bên liên quan được xác định dựa trên mức độ tương tác với Vinamilk. Họ là những nhóm đối tượng có tác động ở một mức độ nào đó với Vinamilk, trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc ngược lại, Vinamilk có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến nhóm đối tượng đó.

Mục tiêu tiên quyết và tối quan trọng của Vinamilk là tạo ra giá trị lâu dài cho các bên liên quan. Để thực hiện được mục tiêu đó, Vinamilk hiểu tầm quan trọng của việc duy trì sự tương tác và đối thoại hiệu quả với các bên, dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp.

Dữ liệu và thông tin trình bày trong báo cáo bao gồm tình hình hoạt động và thành tựu đạt được trong năm 2015; tiến trình hướng đến phát triển bền vững; cam kết của Vinamilk đối với các bên liên quan. Một số thông tin phi tài chính được trình bày trong báo cáo này có thể không hoàn toàn chính xác do giới hạn về bản chất của việc đo lường định tính. Tuy nhiên, chúng tôi cam kết trình bày thông tin chính xác nhất và đáng tin cậy nhất đối với các bên liên quan và với công chúng.

Báo cáo được lập theo Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển bền vững Global Reporting Initiative (GRI), Guidelines 4 về lĩnh vực sản xuất thực phẩm (G4 Content Index - Food Processing Sector Supplement). Ngoài ra, chúng tôi còn tham khảo Hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với Tổ chức IFC (International Finance Corporation) phát hành.

- Công ty Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa: Công ty đang trong giai đoạn triển khai xây dựng cơ sở vật chất và tái cơ cấu;
- Công ty Angkormilk: Công ty đang trong giai đoạn xây dựng cơ sở vật chất;
- Công ty Driftwood: Đang trong giai đoạn thiết lập cơ chế thống kê, phân loại dữ liệu.

Dữ liệu và thông tin trình bày trong báo cáo bao gồm tình hình hoạt động và thành tựu đạt được trong năm 2015; tiến trình hướng đến mục tiêu lâu dài của Công ty; cam kết của Vinamilk đối với các bên liên quan, bao gồm nhà đầu tư, chính quyền, xã hội, môi trường và các đối tượng liên quan khác.

Duy trì mối quan hệ hiệu quả với các bên liên quan:

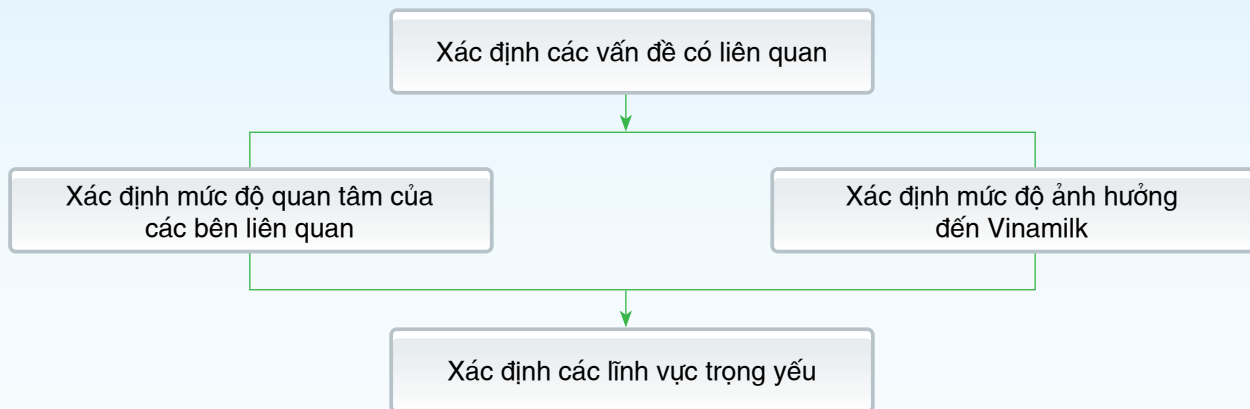
Việc đối thoại và tương tác với các bên liên quan được thực hiện và duy trì qua các phương thức tiếp cận khác nhau, tùy thuộc vào từng nhóm đối tượng. Từ kết quả thu thập được qua quá trình tiếp cận, tương tác và đối thoại, Vinamilk đưa ra mục tiêu và cam kết đem lại giá trị mà các bên liên quan đang mong đợi.

Đối tượng	Cách tiếp cận	Vinamilk cam kết
Cổ đông 	<ul style="list-style-type: none"> Gặp gỡ và tham vấn trực tiếp. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo khoản đầu tư an toàn, sinh lợi bền vững.
Người tiêu dùng 	<ul style="list-style-type: none"> Thu thập thông tin từ nhân viên bán hàng/các nhà phân phối. Bộ phận hỗ trợ khách hàng trực tuyến và hotline. Các cuộc điều tra thị hiếu của các tổ chức chuyên gia. 	<ul style="list-style-type: none"> Đa dạng hóa sản phẩm, tối ưu hóa các lựa chọn cho khách hàng. Đảm bảo chất lượng về dinh dưỡng và sức khỏe cho người sử dụng sản phẩm. Đảm bảo mức giá phù hợp và cạnh tranh nhất.
Nhân viên 	<ul style="list-style-type: none"> Khảo sát toàn bộ nhân viên về môi trường làm việc: lương, thưởng và phúc lợi, công việc, cấp trên, đồng nghiệp, đào tạo và phát triển. Thông báo nội bộ. Chương trình đào tạo và hội nghị thường niên. 	<ul style="list-style-type: none"> Không ngừng cải thiện môi trường làm việc nhằm mang lại sự hài lòng cho nhân viên bằng những cơ hội học tập và phát triển, cùng các chính sách phúc lợi và thu nhập. Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được chăm lo.
Đối tác 	<ul style="list-style-type: none"> Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp. Thu thập thông tin từ bộ phận mua hàng, sử dụng dịch vụ. Hợp đồng, thỏa thuận mua hàng hóa, dịch vụ. 	<ul style="list-style-type: none"> Hợp tác phát triển trên cơ sở cùng có lợi, minh bạch và có trách nhiệm với xã hội. Xây dựng chuỗi giá trị bền vững.
Nhà nước 	<ul style="list-style-type: none"> Tham gia các hội nghị, hội thảo do Nhà nước tổ chức. Liên tục cập nhật các chính sách, quy định do Nhà nước ban hành. 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ các chính sách, quy định của Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động. Tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ về thuế một cách đầy đủ, kịp thời.
Cộng đồng 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức sự kiện tại nhiều tỉnh thành trên cả nước. Phối hợp với chính quyền địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> Có trách nhiệm, chia sẻ giá trị và chung tay phát triển cộng đồng.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2015 VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH CƠ SỞ TRỌNG YẾU (tiếp theo)

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH CƠ SỞ TRỌNG YẾU CỦA BÁO CÁO



Bước 1: Xác định các vấn đề có liên quan

Mục tiêu của bước đầu tiên này là phác thảo tổng quan về các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Vinamilk. Danh sách các vấn đề cơ bản được tham khảo từ hướng dẫn GRI, các vấn đề đối với ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm và các báo cáo liên quan về ngành hàng.

Các vấn đề này được xác định riêng rẽ, mối liên hệ (nếu có) được ghi nhận dựa trên sự tác động đối với Vinamilk, dưới góc độ tổ chức và chuỗi cung ứng.

Bước 2: Xác định mức độ quan tâm và tầm ảnh hưởng của các vấn đề liên quan

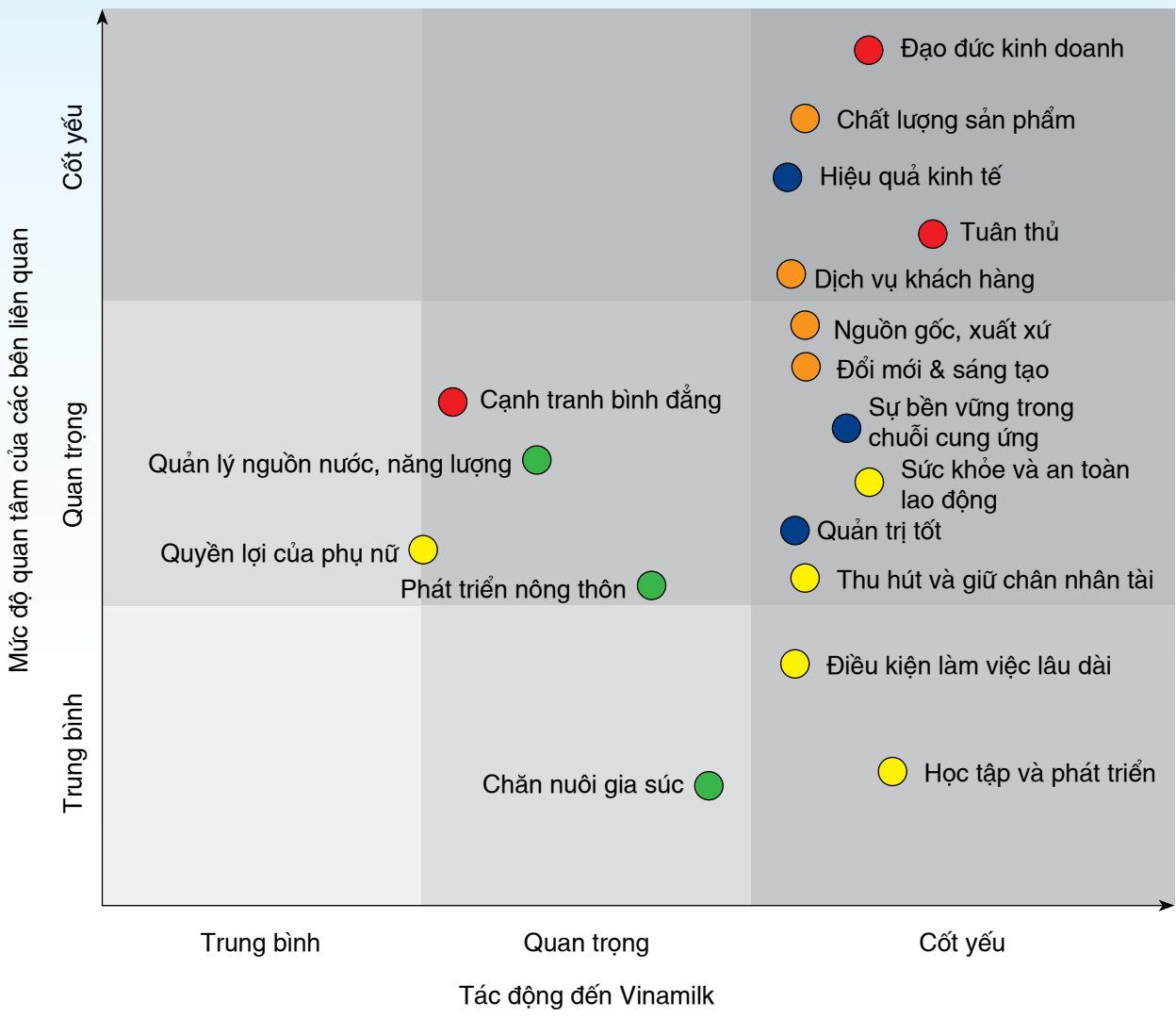
Mức độ quan tâm của các bên liên quan được xác định dựa trên nguồn tài liệu về bên liên quan được lưu hành công khai và tài liệu nội bộ, bao gồm việc ghi nhận qua quá trình tiếp xúc trực tiếp và tham vấn từ các bên liên quan, và các bài phỏng vấn, khảo sát với các nhóm liên quan. Chúng tôi cũng tham khảo các mối quan tâm của nhà đầu tư được ghi nhận đối với ngành hàng thực phẩm dinh dưỡng.

Mức độ tác động của các vấn đề này đến hoạt động của Vinamilk được xác định dựa trên tình hình hoạt động của Công ty trong quá khứ và hiện tại, có sự tham vấn của cấp lãnh đạo.

Việc đo lường này mang tính tương đối nhất định do bị giới hạn trong thước đo các thông tin mang tính định tính. Tuy nhiên, Vinamilk cam kết trình bày thông tin trung thực và hợp lý nhất có thể.

Bước 3: Xác định lĩnh vực trọng yếu

Kết quả phân tích của chúng tôi được thể hiện theo ma trận dưới đây, đã trình bày mức trọng yếu của mỗi vấn đề liên quan dưới góc độ quan tâm của các bên liên quan, và mức ảnh hưởng của chúng đến hoạt động của Vinamilk.



- Nguồn lực con người
- Môi trường và năng lượng
- Sản phẩm chất lượng
- Hỗ trợ và phát triển cộng đồng
- Phát triển kinh tế

THÔNG TIN LIÊN HỆ VỀ BÁO CÁO

Mọi ý kiến đóng góp hoặc câu hỏi liên quan đến báo cáo xin vui lòng liên hệ trực tiếp trên Website của Vinamilk, tại mục Phản hồi thông tin (<http://www.vinamilk.com.vn/?vnm=FAQ>) hoặc Email đến thành viên phụ trách Chương trình Phát triển bền vững.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2015 VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH CƠ SỞ TRỌNG YẾU (tiếp theo)

THÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo chương trình và các thành viên tham gia chương trình bao gồm:

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC – HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Bà BÙI THỊ HƯƠNG

Giám đốc Điều hành Nhân sự - Hành chính & Đối ngoại
Email: bthuong@vinamilk.com.vn

Phụ trách chung

Bà VŨ BÍCH NGHĨA

Giám đốc Nhân sự
Email: vbnghia@vinamilk.com.vn

Phụ trách các vấn đề về nhân sự và môi trường làm việc

Ông NGUYỄN QUỐC VIỆT

Trưởng ban Quản lý Nguồn nhân lực
Email: nqviet@vinamilk.com.vn

Phụ trách các vấn đề về quản lý đội ngũ nguồn nhân lực, đề bạt thăng tiến

Ông LÊ MỸ HÀ

Trưởng ban Đào tạo
Email: lmha@vinamilk.com.vn

Phụ trách các vấn đề về đào tạo

Bà DUƠNG THỊ TRÚC LY

Trưởng ban Tuyển dụng
Email: dttly@vinamilk.com.vn

Phụ trách các vấn đề tuyển dụng

Ông ĐỖ THẾ TUYẾN

Trưởng ban Tiền lương & phúc lợi
Email: dttuyen@vinamilk.com.vn

Phụ trách các vấn đề về tiền lương, thưởng và phúc lợi cho nhân viên

Bà PHẠM HỒNG HẠNH

Trưởng ban Đối ngoại
Email: phhanh@vinamilk.com.vn

Phụ trách các hoạt động cộng đồng

TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM

Ông NGUYỄN QUỐC KHÁNH

Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển
Email: nqkhanh@vinamilk.com.vn

Phụ trách chung về vấn đề Sản phẩm

Bà CÙ THỊ THU VÂN

Trưởng ban Hoạch định Nghiên cứu
Email: cttvan@vinamilk.com.vn

Phụ trách về hoạch định, định hướng về cải tiến sản phẩm

Bà HUỖNH THỊ NGỌC DUNG

Trưởng ban Phát triển Sản phẩm,
Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Sản phẩm
Email: htndung@vinamilk.com.vn

Phụ trách về nghiên cứu và phát triển sản phẩm

MÔI TRƯỜNG & NĂNG LƯỢNG

Ông TRẦN MINH VĂN

Giám đốc Điều hành Sản xuất
Email: tmvan@vinamilk.com.vn

Phụ trách các vấn đề về
Môi trường - Năng lượng trong hoạt
động sản xuất.

Ông TRỊNH QUỐC DŨNG

Giám đốc Điều hành Phát triển Vùng nguyên liệu
Email: tqdung@vinamilk.com.vn

Phụ trách các vấn đề về
Môi trường - Năng lượng trong hoạt
động các trang trại.

Ông NGUYỄN QUỐC PHONG

Trưởng ban Quản lý Năng lượng & Môi trường
Email: nqphong@vinamilk.com.vn

Phụ trách triển khai các hoạt động
quản lý môi trường và tiết kiệm năng
lượng.

Ông NGUYỄN ĐĂNG KHOA

Giám đốc Kỹ thuật Công ty Bò sữa Việt Nam
Email: ndkhoa@vinamilk.com.vn

Phụ trách triển khai các hoạt động
quản lý môi trường và năng lượng tại
các trang trại.

NHÓM ĐIỀU PHỐI VÀ LẬP BÁO CÁO

Phụ trách điều phối, tổng hợp chương trình và công tác lập báo cáo, bao gồm các thành viên:

Ông NGUYỄN TƯỜNG HUY

Giám đốc Kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro
Email: nthuy@vinamilk.com.vn

Bà LÊ HOÀNG ANH

Chuyên viên Hệ thống Quản lý Chất lượng,
email: lhanh@vinamilk.com.vn

Bà HÀ THỊ DIỆU THU

Chuyên viên Kiểm soát hệ thống,
email: htdthu@vinamilk.com.vn





Đồng hành cùng
phát triển **BỀN VỮNG**

-
1. Bối cảnh phát triển bền vững tại Việt Nam
 2. Vinamilk - Phát triển bền vững và hội nhập



BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM

VIỆT NAM ĐÃ XÁC ĐỊNH TĂNG TRƯỞNG XANH LÀ MỘT NỘI DUNG QUAN TRỌNG CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHANH, HIỆU QUẢ, BỀN VỮNG VÀ GÓP PHẦN QUAN TRỌNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU.



“

Biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên... đang ảnh hưởng tới sự ổn định môi trường sống của loài người, khiến các quốc gia phải nghĩ tới việc phát triển bền vững. Trước xu hướng phát triển bền vững trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường, Việt Nam đang triển khai Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh với nhiều kết quả đáng ghi nhận, đóng góp tích cực vào nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

Việt Nam đã xác định tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng thực hiện Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược Tăng trưởng xanh là “Tăng trưởng xanh, tiến tới nền kinh tế các-bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế bền vững; giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.

”

*Nguyễn Thế Phương - Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Nguồn: Theo Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 23, tháng 12/2015*

“

Phải phát triển bền vững về kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức. Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

”

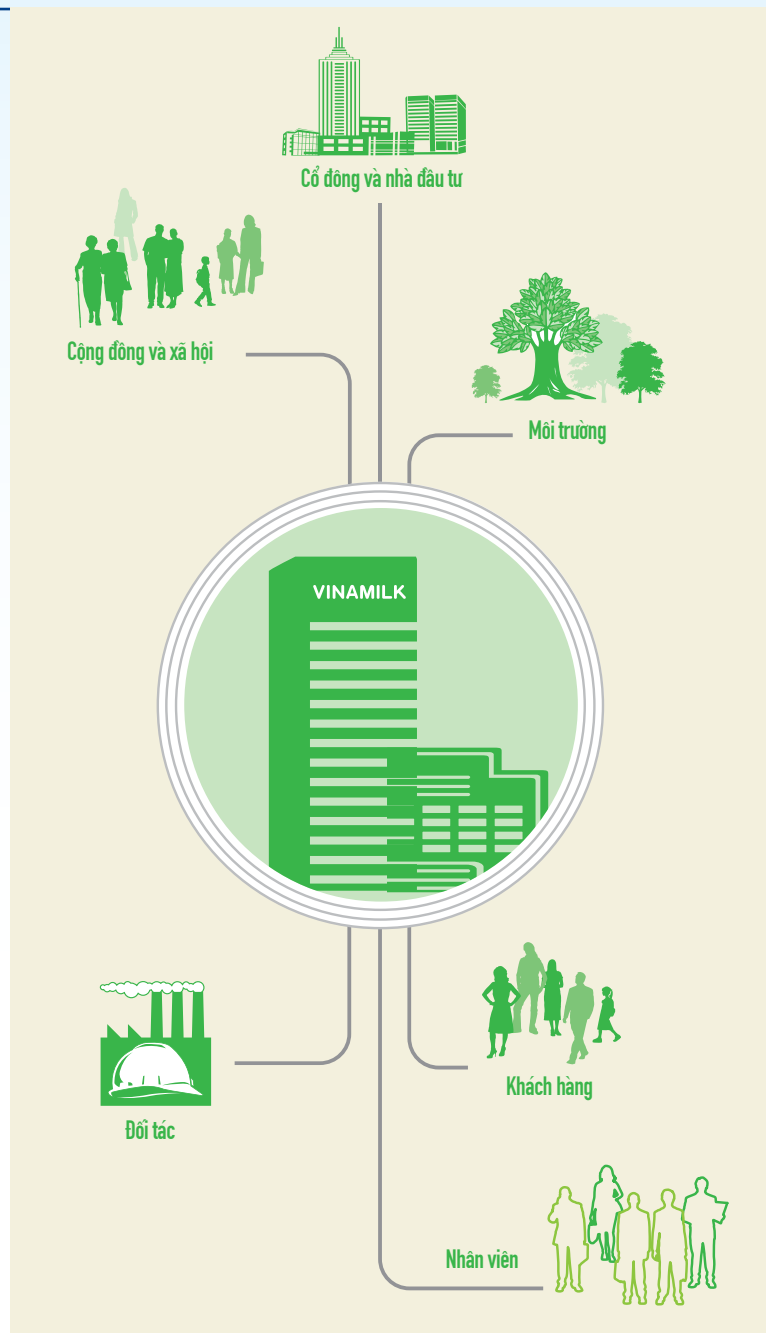
*Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam và cụ thể hóa tại
Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020*



VINAMILK - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ HỘI NHẬP

ĐỊNH HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TẠI VINAMILK, CHÚNG TÔI HIỂU RẰNG SỰ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH CÔNG CỦA MỘT DOANH NGHIỆP KHÔNG CHỈ LÀ NHỮNG CON SỐ VỀ TÀI CHÍNH MÀ CÒN LÀ SỰ GẮN KẾT, ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐẤT NƯỚC, XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG VÀ CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN. VỚI NHẬN ĐỊNH ĐÓ, TRONG NỖ LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA MÌNH, VINAMILK LUÔN NỖ LỰC HẾT MÌNH TRONG VIỆC TÌM KIẾM VÀ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP TRONG ĐỊNH HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐẤT NƯỚC.



Vinamilk luôn tuân thủ và tích cực thực hiện theo các chính sách cũng như các chương trình hành động quốc gia về phát triển bền vững. Tinh thần đó được thể hiện xuyên suốt trong hệ thống quản lý của Vinamilk. Kết quả của những nỗ lực không ngừng đó là những ghi nhận đáng tự hào trong năm 2015.

Thương hiệu Vàng thực phẩm Việt Nam tiêu biểu
 Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam
 Doanh nghiệp văn hóa có nhiều đóng góp cho xã hội
 Môi trường xanh
 Doanh nhân văn hóa vì sự nghiệp xây dựng & phát triển đất nước

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

Chiến lược Tăng trưởng xanh

Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam và các quy định về công tác Bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh

Định hướng của Chính phủ và Nhà nước, các yêu cầu của pháp luật, các thực hành của thế giới

Các chương trình hành động của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên Môi trường, Hiệp hội Sữa Việt Nam và các tổ chức liên quan

Kế hoạch hành động của Vinamilk





Triết lý kinh doanh
 Tầm nhìn, sứ mệnh
 Giá trị cốt lõi
 Quy chế quản trị
 Quy tắc ứng xử

Chính sách chất lượng
 Chính sách môi trường, năng lượng và an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp
 Đầu tư có trách nhiệm
 Quy chế lựa chọn nhà thầu



VINAMILK - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ HỘI NHẬP (tiếp theo)

MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

	Mục tiêu	Giải pháp
Phát triển bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng một Chính sách phát triển bền vững (CSR) rộng khắp và xuyên suốt mọi bộ phận của Công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> Kiên toàn công tác quản lý phát triển bền vững.
Tăng trưởng Kinh tế bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> Tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận. Đảm bảo lợi ích cho cổ đông và nhà đầu tư. Tăng sự nhận biết của khách hàng đối với thương hiệu và sản phẩm của Công ty. Xuất khẩu nước ngoài đóng góp 50% vào tổng doanh thu. 	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư mạnh vào từng nhóm danh mục sản phẩm, nhằm đảm bảo tính cạnh tranh cao. Tối đa hóa danh mục sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường. Đa dạng hóa các mảng kinh doanh Đẩy mạnh mở rộng thị trường tại các quốc gia đang phát triển.
Phát triển Xã hội bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> Tạo sản phẩm chất lượng giúp cải thiện sức khỏe cho người dân. Tạo việc làm ổn định cho người lao động tại địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc về an toàn vệ sinh thực phẩm. Mở các lớp tập huấn, đào tạo để nâng cao kiến thức chăn nuôi và hỗ trợ người dân địa phương, nhằm cải thiện năng suất và hiệu quả chăn nuôi; đảm bảo thu mua ổn định với mức giá cạnh tranh cho hộ cung cấp đạt yêu cầu.
Bảo vệ Môi trường bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Xanh hóa sản xuất và môi trường sống. Thúc đẩy tiêu dùng bền vững. 	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý việc sử dụng nguồn nước và các tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí. Xử lý chất thải tốt, tích cực trồng cây nhằm cải thiện môi trường sống. Cải thiện thiết kế vỏ hộp, giảm thiểu lượng rác thải ra ngoài môi trường.

Củng cố Nhân sự bền vững



- Trở thành nơi làm việc tốt nhất và lý tưởng nhất cho người lao động.
- Thu hút và giữ chân được nhân tài.
- Duy trì môi trường làm việc lý tưởng, chính sách đãi ngộ và phúc lợi tốt.
- Liên tục tổ chức các khóa đào tạo để nâng cao kiến thức cho nhân viên, đặc biệt là nhân viên quản lý.

Hỗ trợ Cộng đồng bền vững



- Luôn là “Thương hiệu gắn bó cộng đồng”.
- Chung tay cùng xây dựng một cộng đồng bền vững.
- Tích cực tổ chức/tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng.
- Đồng hành, chia sẻ và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để giải quyết các vấn đề chung của cộng đồng.





Nền tảng
bền vững



Nuôi dưỡng những **mầm xanh**

1. Vườn cao Việt Nam, vườn tầm thế giới
2. Sản phẩm chất lượng
3. Nguồn lực con người
4. Môi trường và năng lượng
5. Hỗ trợ và phát triển cộng đồng





VƯỜN CAO VIỆT NAM, VƯỜN TẦM THẾ GIỚI





Mục tiêu:

Tiếp tục duy trì và nâng cao vị thế tại Việt Nam và trở thành 1 trong 50 Công ty sữa hàng đầu thế giới.

“ _____
...nguyên tắc kinh doanh của Vinamilk là
không thể dừng lại và tự thỏa mãn. ”

Mai Kiều Liên, Tổng Giám đốc Vinamilk

Để đạt được mục tiêu đề ra, Vinamilk không ngừng đẩy mạnh đầu tư trang thiết bị, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, sử dụng các nguồn lực sẵn có và không ngừng phát triển, nỗ lực vươn cao hơn trên thị trường trong nước, và vươn xa hơn ra các thị trường nước ngoài.



VƯỜN CAO VIỆT NAM, VƯỜN TẦM THẾ GIỚI

VƯỜN CAO VIỆT NAM

Vinamilk hiện chiếm lĩnh 53% thị phần ngành hàng sữa nước, 84% thị phần sữa chua và 80% thị phần sữa đặc trong nước. Các sản phẩm được phân phối mạnh qua mạng lưới gồm 243 nhà phân phối độc quyền và 212.000 điểm bán lẻ, hiện diện ở tất cả các tỉnh thành trên toàn quốc.

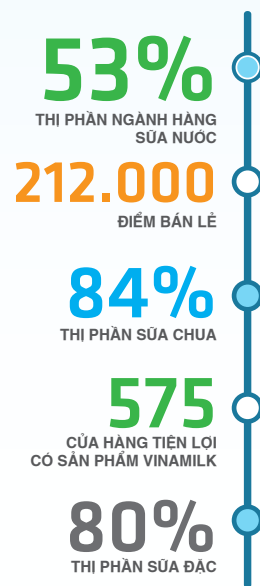
Theo số liệu báo cáo năm 2015, tổng doanh thu đạt 40.223 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2014 và vượt 5% so với kế hoạch ĐHCĐ. Đặc biệt lợi nhuận sau thuế năm 2015 đạt 7.770 tỷ đồng, tăng đến 28% so với năm 2014.

Tổng doanh thu
40.223 tỷ đồng
↑ **14%**
vượt 5% so với kế hoạch ĐHCĐ

Lợi nhuận sau thuế
7.770 tỷ đồng
↑ **28%**

Trong 5 năm qua, Vinamilk đã đầu tư hơn 6.500 tỷ đồng từ nguồn vốn tự có để đầu tư xây dựng nhiều nhà máy có trình độ tự động hóa cao ngang tầm khu vực và thế giới. Hiện nay, Vinamilk có 13 nhà máy trên cả nước, trong đó, Nhà máy Sữa Việt Nam với dây chuyền tích hợp tự động mới nhất, hệ thống kho thông minh có công nghệ hiện đại nhất trên thế giới, công suất nhà máy ước đạt 800 triệu lít sữa/năm trong vòng 5 năm tới. Đây là yếu tố then chốt để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả của Vinamilk nói riêng và ngành sữa Việt Nam nói chung.

Để thực hiện được mục tiêu luôn là Công ty sản xuất và kinh doanh sữa hàng đầu Việt Nam, Vinamilk tập trung vào việc mở rộng thị phần các phân khúc sản phẩm có thị phần chưa cao như sữa bột: mục tiêu chiếm 50% thị phần, sữa nước: mục tiêu chiếm 60% thị phần; tiếp tục thống trị thị trường Việt Nam ở các sản phẩm chủ lực; đồng thời xem xét mở rộng hoạt động kinh doanh đa ngành nghề trong 2-3 năm tới.



“

Vinamilk là công ty sản xuất sữa lớn bậc nhất Việt Nam, với rất nhiều sản phẩm sữa đa dạng. Tiềm năng của Vinamilk được các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá rất cao, do vậy, họ sở hữu đến 49% cổ phần của Công ty. Theo một nghiên cứu của cơ quan nghiên cứu thị trường, tiêu thụ sữa đã tăng hơn 20 lần ở Việt Nam trong 20 năm qua, và Vinamilk đóng góp rất nhiều cho kết quả này.”

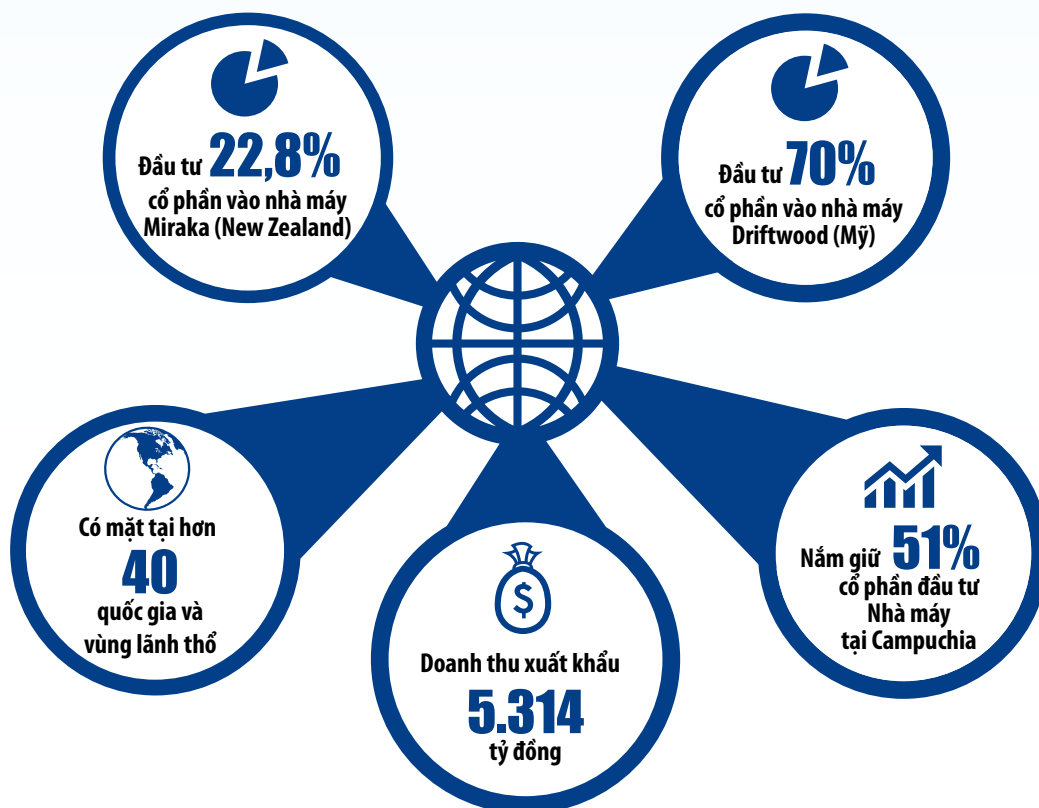
Theo *Nikkei Asian Review*



VƯƠN TẦM THẾ GIỚI

Không chỉ chiếm lĩnh thị trường trong nước, Vinamilk còn tăng cường mở rộng thị trường thế giới. Công ty đã đầu tư 22,8% cổ phần tại Nhà máy Miraka (New Zealand), đầu tư 70% cổ phần vào Nhà máy Driftwood (Mỹ), nắm giữ 51% cổ phần đầu tư Nhà máy tại Campuchia, mở Công ty con tại Ba Lan làm cửa ngõ giao thương các hoạt động thương mại của Vinamilk tại châu Âu. Sản phẩm của Công ty hiện có mặt tại hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ. Dự kiến tăng trưởng xuất khẩu bình quân 10-15%/năm. Doanh thu xuất khẩu năm 2015 đạt trên 5.314 tỷ đồng, gấp 3 lần 2010 (trên 1.673 tỷ đồng).

Trong 3 năm tới, Vinamilk tiếp tục tập trung vào khai phá các thị trường tiềm năng ở Trung Đông, châu Phi, Cuba và đặc biệt là các thị trường đòi hỏi sản phẩm chất lượng cao như Nhật Bản, Canada và Mỹ, đẩy mạnh xuất khẩu chiếm 50% tổng doanh thu của Công ty. Đây là thách thức rất lớn, nhưng cũng hứa hẹn đem lại cơ hội rất lớn cho Vinamilk, là phần tất yếu để Công ty đạt được mục tiêu trở thành 1 trong 50 Công ty sữa lớn nhất thế giới trong năm 2017.





VƯỜN CAO VIỆT NAM, VƯỜN TẦM THẾ GIỚI (tiếp theo)

PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

Tại các tỉnh, thành, khu vực nơi Vinamilk có hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn gắn kết giữa việc mở rộng quy mô hoạt động với sự phát triển của kinh tế địa phương. Tiến độ hoạt động đến năm 2015 của Vinamilk cụ thể như sau:

Đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng cơ sở hạ tầng

Trang trại bò sữa Hà Tĩnh: Đã đi vào hoạt động từ tháng 1/2015. Trang trại hiện có 1.820 con và dự kiến đến tháng 3/2016 sẽ đạt tổng đàn là 2.000 con như thiết kế ban đầu. Trang trại này đã được tổ chức Control Union của Hà Lan công nhận đạt tiêu chuẩn và cấp chứng chỉ Global GAP và các tiêu chuẩn ISO, môi trường.



Trang trại bò sữa Tây Ninh: Có quy mô lớn với thiết kế tổng đàn là 8.000 con. Dự án đang trong giai đoạn hoàn tất các hạng mục cuối để chuẩn bị đi vào hoạt động và đón bò về từ tháng 2/2016.

Tổ hợp các trang trại bò sữa công nghệ cao thuộc Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa, là công ty con 96,11% vốn của Vinamilk: Tổ hợp các trang trại bò sữa công nghệ cao Vinamilk tại đây sẽ nhập khẩu bò từ Úc và Mỹ với quy mô 16.000 con và có thể tăng lên 24.000 con trong giai đoạn 2. Cung cấp sản lượng sữa bình quân 98.630 kg/ngày, tương đương với hơn 36 triệu lít/năm. Dự kiến, công trình sẽ đi vào hoạt động trong năm 2017.





VƯỜN CAO VIỆT NAM, VƯỜN TÂM THẾ GIỚI (tiếp theo)

Dự án xây dựng Nhà máy sữa liên doanh tại Campuchia (thuộc Angkor Dairy Products Co., Ltd.), là công ty con 51% vốn của Vinamilk: Đã hoàn tất và sản xuất thương mại sữa tươi và sữa chua từ tháng 9/2015 và sữa đặc từ tháng 11/2015.

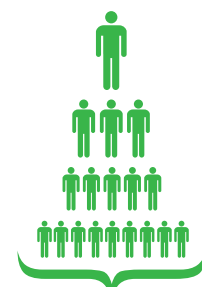
Trong năm 2015, Công ty cũng đã đầu tư mới và mở rộng nhằm tăng công suất của các sản phẩm sữa nước, sữa chua, kem và sữa đặc tại một số nhà máy như Tiên Sơn, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thống Nhất và Lam Sơn.



Tạo việc làm cho lực lượng lao động tại địa phương

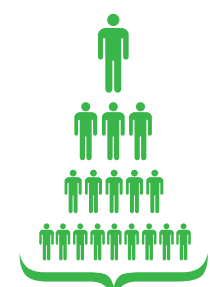
Vinamilk hiện đang cung cấp việc làm ổn định cho khoảng 6.000 lao động và hơn 8.500 lao động gián tiếp (không trực tiếp ký hợp đồng lao động) trên khắp các tỉnh thành. Ngoài hệ thống trang trại hiện hữu, Công ty đang triển khai thêm 2 dự án trang trại bò sữa quy mô lớn Tây Ninh và Thống Nhất - Thanh Hóa. Khi đi vào hoạt động, các trang trại này sẽ góp phần trực tiếp và gián tiếp tạo thêm nhiều việc làm tại các địa phương.

Nhằm chủ động nguồn nguyên liệu sữa tươi đảm bảo cả về số lượng lẫn chất lượng, ngoài các trang trại chất lượng cao của Công ty, Vinamilk cũng triển khai thu mua sữa tươi nguyên liệu đạt chuẩn từ các nông hộ. Trong năm 2015, Vinamilk đã thu mua từ gần 8.000 hộ chăn nuôi bò sữa trên cả nước với tổng số lượng khoảng 178 ngàn tấn sữa bò, tổng giá trị khoảng 2.200 tỷ đồng. Nhờ đó, các hộ nông dân cũng được tạo điều kiện để có được nguồn thu nhập ổn định, giúp cải thiện kinh tế hộ dân và địa phương.



TẠO VIỆC LÀM
ỔN ĐỊNH

6.000
LAO ĐỘNG



8.500
LAO ĐỘNG GIÁN TIẾP

Phát triển nông nghiệp chăn nuôi bò sữa tại địa phương

Bên cạnh hoạt động thu mua sữa, Vinamilk còn duy trì việc khuyến nông, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật miễn phí cho hộ chăn nuôi bò sữa nhằm nâng cao chất lượng sữa, hiệu quả kinh tế nông hộ, bảo vệ môi trường. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty cũng thực hiện hàng nghìn lượt tư vấn trực tiếp tại nông hộ hoặc thông qua các hình thức tư vấn bằng điện thoại, hội thảo tại chuồng nuôi, tổ chức gọt móng cho đàn bò.

Trong năm 2015, Vinamilk tổ chức 31 lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi bò sữa với chuyên đề “ Dinh dưỡng trên bò và cách thức xây dựng khẩu phần ăn hợp lý cho bò sữa” thu hút đông đảo các hộ nông dân tham gia. Đối với các hộ chăn nuôi có chất lượng sữa thấp hoặc khi có yêu cầu, Vinamilk sẽ cử nhân viên kỹ thuật trực tiếp tư vấn cho hộ chăn nuôi.



TỔ CHỨC

31 LỚP TẬP HUẤN



Bên cạnh đó, Vinamilk sẽ tổ chức hệ thống cung cấp thức ăn, vật tư thú y với giá cả hợp lý, loại trừ các yếu tố trung gian để giúp hộ chăn nuôi giảm chi phí chăn nuôi, đạt giá thành sản xuất hợp lý, nâng cao hiệu quả chăn nuôi bò sữa.

Ngày 31/12/2015, Vinamilk đã đồng loạt tái ký hợp đồng thu mua sữa tươi nguyên liệu năm 2016 với hàng ngàn nông hộ trên cả nước, nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch về giá cả và chất lượng sữa tươi nguyên liệu thu mua của các hộ nông dân.

Bên cạnh đó, những chính sách kiểm soát chặt chẽ tiêu chuẩn chất lượng sữa thu mua của Vinamilk nhằm nâng cao nhận thức của người nông dân trong việc hướng đến việc phát triển chăn nuôi bền vững, hiệu quả. Các lớp đào tạo kỹ năng cũng như phương pháp nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm đối với nguyên liệu đầu vào luôn được Vinamilk chú trọng triển khai, tạo tiền đề cho nông dân chăn nuôi bò sữa của Việt Nam tiếp cận dần với các quy chuẩn thế giới.

Với những giải pháp trên, Vinamilk hướng đến mục tiêu chủ động nguồn sữa tươi nguyên liệu chất lượng cho sản xuất. Qua đó, các hộ nông dân cũng được tạo điều kiện để có nguồn thu nhập ổn định, giúp cải thiện kinh tế hộ dân và địa phương. Sản lượng đầu ra sẽ đáp ứng tốt yêu cầu của nhà sản xuất, giúp doanh nghiệp và người nông dân ngày càng gắn bó, hợp tác một cách hiệu quả vì một ngành chăn nuôi phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và chuẩn bị tốt cho hội nhập TPP.





VƯỜN CAO VIỆT NAM, VƯỜN TẦM THẾ GIỚI (tiếp theo)

DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM

- 3 lần liên tiếp được Chính phủ Việt Nam tôn vinh **Thương hiệu quốc gia**;
- Dẫn đầu danh sách **Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2015**;
- 3 năm liên tiếp trong **Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2015**;
- Đứng đầu **Top 10 Doanh nghiệp niêm yết có uy tín nhất trên truyền thông 2015**;
- Đứng đầu **Danh sách 50 Công ty niêm yết tốt nhất của Forbes Việt Nam**;
- Được Brand Finance đánh giá là doanh nghiệp đứng đầu **Top 50 Thương hiệu có giá trị lớn nhất của Việt Nam**
- Là Công ty Sữa duy nhất tại Việt Nam có tên trong **Top Asia 300**
- Tiếp tục là Công ty Sữa duy nhất tại Việt Nam lọt **Top 100 Doanh nghiệp giá trị nhất Đông Nam Á, Top 300 Doanh nghiệp có giá trị nhất Châu Á**
- Liên tục có tên trong **Bảng xếp hạng V1000 - 2015** (1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam) và nhiều danh hiệu khác.



TOP 10
SẢN PHẨM VÀNG
THƯƠNG HIỆU VIỆT HỘI NHẬP WTO



TOP 50
CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM



TOP 500
DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM



TOP 10
DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT
CÓ UY TÍN NHẤT TRÊN TRUYỀN THÔNG



TOP 10
THƯƠNG HIỆU VIỆT
UY TÍN NHẤT VIỆT NAM



SẢN PHẨM VÀNG
AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM



TOP 500
DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM



TOP 50
CÔNG TY NIÊM YẾT
TỐT NHẤT VIỆT NAM

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT TRONG NĂM

Tự hào hàng Việt Nam

Vinamilk vinh dự được Sở Công Thương tỉnh Nghệ An chọn là đơn vị điển hình về sản xuất và cung ứng các sản phẩm xứng đáng với tên gọi “Tự hào hàng Việt Nam”. Vinamilk cũng tích cực phối hợp với chính quyền địa phương tham gia xây dựng chương trình điểm bán hàng, là đơn vị đầu tiên khai

trương điểm bán hàng trong chương trình và được người tiêu dùng tích cực đón nhận.

Sự góp mặt của Vinamilk đã góp phần củng cố vị thế của hàng Việt trong mắt người tiêu dùng, đem lại sự tin tưởng khi chất lượng sản phẩm và an toàn vệ sinh đang là mối quan tâm hàng đầu đối với người tiêu dùng hiện nay.





VƯỜN CAO VIỆT NAM, VƯỜN TÂM THẾ GIỚI (tiếp theo)

Tham dự Hội chợ Hàng Việt Nam chất lượng cao tại Moscow 2015

Từ 12/11 đến 12/12/2015, Vinamilk tham dự Hội chợ Hàng Việt Nam chất lượng cao tại Moscow, Nga, nhằm giới thiệu các dòng sản phẩm dinh dưỡng chất lượng quốc tế, từng bước xâm nhập vào thị trường khắt khe của người tiêu dùng tại Nga.

Vinamilk còn tổ chức cho người tiêu dùng Nga dùng thử sản phẩm và được họ đánh giá cao với nhiều sản phẩm, đặc biệt các loại sữa nước, sữa đậu nành, nước giải khát.

Đây không chỉ là cơ hội mở rộng thị trường, mà còn giúp Vinamilk tìm kiếm các đối tác phân phối tiềm

năng để thâm nhập vào thị trường Nga, góp phần nâng cao hình ảnh và thị phần của Vinamilk trên thị trường quốc tế.

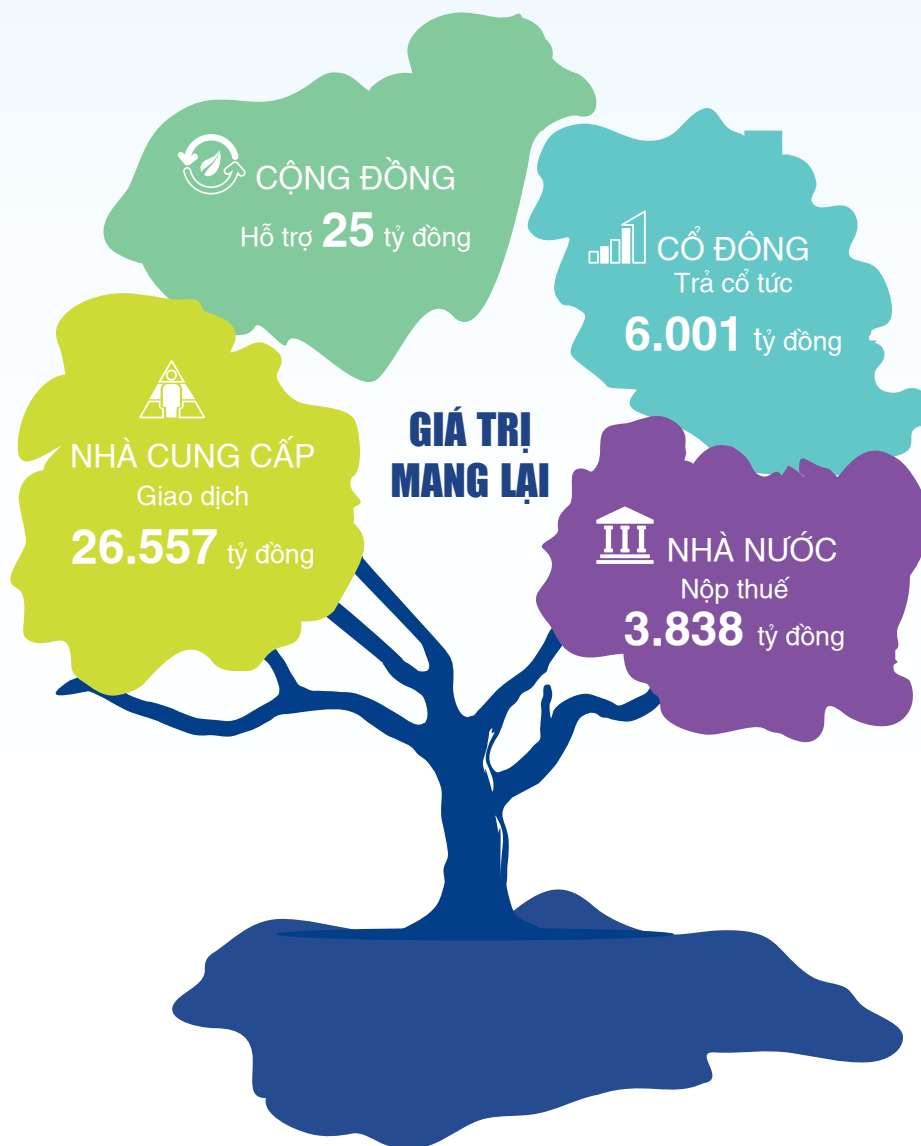
Giao lưu với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài

Vinamilk tham gia nhiều sự kiện gặp gỡ các nhà đầu tư trong nước, và các nhà đầu tư nước ngoài tại Singapore, Mỹ và Anh Quốc. Đây là cơ hội để Vinamilk tiếp cận các nhà đầu tư nhằm hiểu rõ hơn mong ước và nguyện vọng của họ, ngược lại, các nhà đầu tư cũng có cơ hội tìm hiểu thêm về Vinamilk, từ đó trực tiếp đánh giá về tiềm năng khi đầu tư tại Công ty.



GIÁ TRỊ MANG LẠI CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG NĂM 2015

Trong năm 2015, Vinamilk tiếp tục tăng trưởng ổn định. Cùng với sự tăng trưởng đó là sự gia tăng giá trị mang lại cho các bên liên quan. So với năm 2014, giá trị mang lại cho các cổ đông tăng 50%, nộp thuế tăng 10%, hỗ trợ cộng đồng tăng 48%.





SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG

“

Chất lượng là mức độ của một tập hợp các đặc tính vốn có đáp ứng các yêu cầu. ”

ISO 9000:2005

Tại Vinamilk, chất lượng chính là yếu tố sống còn của doanh nghiệp, là hạt giống cơ bản và đầu tiên được ươm mầm và vun đắp tỉ mỉ để vươn mình thành cây đại thụ, trường tồn theo thời gian và vững chãi trước thử thách. Chất lượng chính là chìa khóa của phát triển bền vững.



“

Dân số trung bình năm 2015 của cả nước ước tính 91,70 triệu người, tăng 974,9 nghìn người, tương đương tăng 1,07% so với năm 2014, bao gồm dân số thành thị 31,45 triệu người, chiếm 34,30%; dân số nông thôn 60,25 triệu người, chiếm 65,70%; dân số nam 45,25 triệu người, chiếm 49,35%; dân số nữ 46,45 triệu người chiếm 50,65%.

”

Tổng Cục Thống kê Việt Nam

“

Việt Nam hiện đang phải đối đầu với gánh nặng kép: suy dinh dưỡng thấp còi còn cao và béo phì, thừa cân gia tăng nhanh trong thời gian qua. Hiện chiều cao trung bình của người dân Việt Nam thấp hơn nhiều nước trong khu vực. Chiều cao, cân nặng của thanh niên Việt Nam trong độ tuổi 20-24, nam đạt chiều cao 1,65m, nữ đạt 1,54m.

”

Bộ Y tế, Báo cáo kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng toàn quốc 2009 - 2010.

CHẤT LƯỢNG

Việt Nam dưới lăng kính thực phẩm và dinh dưỡng

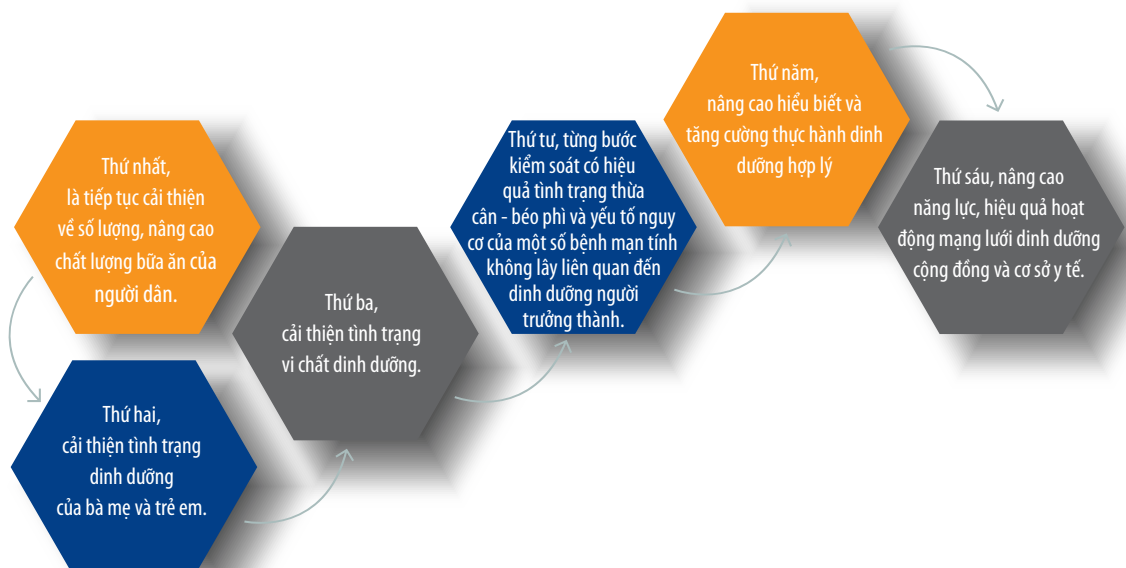
Thực phẩm đóng vai trò to lớn và quyết định trong việc cải thiện sức khỏe con người, nâng cao chất lượng cuộc sống và cải thiện giống nòi. Thách thức hiện nay đối với các doanh nghiệp thực phẩm Việt Nam là cung cấp được nguồn thực phẩm an toàn, đáp ứng nhu cầu không chỉ về lượng mà còn về chất của nhiều thế hệ. Bên cạnh đó, vấn đề về An

toàn thực phẩm đang trở thành niềm trăn trở của quốc gia và là nỗi quan ngại của người tiêu dùng trên khắp cả nước. Đồng thời, nhiệm vụ đó càng thách thức hơn bao giờ hết khi cung cấp nguồn dinh dưỡng phù hợp, chất lượng và an toàn cho 91,70 triệu dân tại Việt Nam.

Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn năm 2030 đã đề cập.

“Cần phấn đấu bảo đảm dinh dưỡng cân đối, hợp lý là yếu tố quan trọng nhằm hướng tới phát triển toàn diện về tầm vóc, thể chất, trí tuệ của người Việt Nam và nâng cao chất lượng cuộc sống”.

Nội dung của Chiến lược bao gồm 6 mục tiêu cụ thể.





SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG (tiếp theo)

SỐNG KHỎE, SỐNG “CHẤT”



Bản khoản về thành phần sản phẩm?

Lượng dùng bao nhiêu là phù hợp?

Tìm kiếm giá trị dinh dưỡng phù hợp?

Dinh dưỡng là yếu tố quyết định sức khỏe và tuổi thọ. Bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng là bữa ăn có đủ các thực phẩm chứa các thành phần dinh dưỡng cả về số lượng và chất lượng. Vinamilk hiểu những trăn trở của người tiêu dùng khi lựa chọn một sản phẩm. Với vai trò là Doanh nghiệp Sữa số 1 Việt Nam, Vinamilk cam kết:

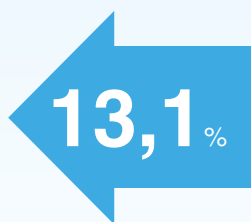
- Tôn trọng sự minh bạch bằng việc thể hiện rõ ràng các thông tin về thành phần, giá trị dinh dưỡng, tuyệt đối tuân thủ yêu cầu của pháp luật.
- Tôn trọng khách hàng bằng việc cung cấp các thông tin xác thực và đầy đủ trên bao bì và tất cả phương tiện truyền thông.
- Đề cao đạo đức kinh doanh, không ngừng nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học, mang lại cho khách hàng những nguồn dinh dưỡng tốt nhất.

Trước những thách thức về thực phẩm và sức khỏe mà thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang đối mặt, chiến lược phát triển sản phẩm của

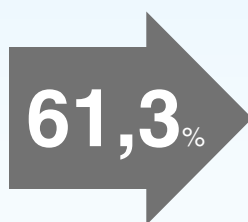
Vinamilk luôn hướng đến sức khỏe của người tiêu dùng và sự phát triển của xã hội thông qua các định hướng cụ thể như:



Theo đó, cơ cấu sản phẩm của Vinamilk hiện nay: 13,1% sản phẩm giảm đường, ít béo và 61,3% sản phẩm được bổ sung thêm các dưỡng chất.



Sản phẩm giảm đường, ít béo



Sản phẩm được bổ sung thêm các dưỡng chất

Hơn tất cả, Vinamilk hiểu rõ thực phẩm đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống hàng ngày và nhu cầu lựa chọn nguồn dinh dưỡng hoàn hảo cả về chất lẫn về lượng, Vinamilk luôn phấn đấu và nỗ lực không ngừng để mang đến nguồn dinh dưỡng tốt nhất, đáp ứng nhu cầu của từng thời kỳ sống và phát triển.

Các sản phẩm được phát triển bởi Vinamilk chú trọng đến nhu cầu dinh dưỡng của từng cá nhân, từ những nhu cầu thường nhật như cung cấp dưỡng chất từ thiên nhiên, bổ sung dinh dưỡng, các nhu cầu đa dạng về sở thích đến các nhu cầu đặc biệt cho người bị tiểu đường, bổ sung canxi, tăng chiều cao, chậm ăn... Chúng tôi trân trọng và nâng niu từng sản phẩm thông qua công thức với các dưỡng chất đặc biệt được nghiên cứu phù hợp với thể trạng của người Việt Nam và nhu cầu không ngừng thay đổi của người tiêu dùng.





SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG (tiếp theo)

SẢN PHẨM VINAMILK ĐỒNG HÀNH CÙNG VÒNG ĐỜI DINH DƯỠNG














Nghiên cứu và phát triển sản phẩm phải luôn sáng tạo!

Ứng dụng thực hành tiên tiến, Vinamilk đã và đang cải tiến toàn diện phương thức hoạt động nghiên cứu phát triển, hướng đến tạo ra những sản phẩm mới hơn, sáng tạo hơn.

Năm 2015, Vinamilk đã nỗ lực không ngừng mang đến những cải tiến cho sản phẩm của mình với 34 sản phẩm mới được tung ra thị trường, cải tiến 14 sản phẩm, đạt 100% mục tiêu đặt ra về phát triển sản phẩm.

Quá trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm tại Vinamilk

	Ý tưởng sản phẩm	Được chọn lọc và phát triển từ những trăn trở của khách hàng về nguồn dinh dưỡng phù hợp, kết hợp với tâm huyết gửi trao những giá trị tuyệt hảo từ thiên nhiên cũng như những sản phẩm chất lượng quốc tế. Thiết lập chiến lược phát triển các sản phẩm có giá trị hướng tới khách hàng thông qua các quy trình sáng tạo.
		
	Chọn đối tác	Lựa chọn và thiết lập mối quan hệ với đối tác chiến lược về nguyên liệu trên cơ sở phân tích kinh tế và kỹ thuật công nghệ. Hợp tác cùng phát triển với các đối tác hàng đầu, lựa chọn đối tác phù hợp nhất thông qua quy trình đánh giá nhà cung cấp để cùng trao gửi những món quà dinh dưỡng đến khách hàng.
		
	Chọn nguyên vật liệu	Chọn lựa nguồn nguyên liệu tốt, chú trọng nguồn gốc từ thiên nhiên, thân thiện với môi trường, không/hạn chế tối đa sử dụng chất bảo quản, cùng việc tự phát triển vùng nguyên liệu, hướng đến phát triển sữa hữu cơ.
		
	Quản lý dự án và nghiên cứu phát triển sản phẩm	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm với đội dự án gồm các chuyên gia và chuyên viên nghiên cứu giàu kinh nghiệm. Tiến trình được quản lý theo thực hành quản lý dự án tiên tiến.
		
	Quản lý danh mục sản phẩm	Quản lý sản phẩm theo danh mục, uơm mầm cho những ý tưởng cải tiến.
		
	Tung sản phẩm ra thị trường	Công bố hợp chuẩn chất lượng theo quy định pháp luật, ghi nhãn thông tin đầy đủ và chuẩn xác, hướng dẫn sử dụng và bảo quản rõ ràng, chi tiết.



SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG (tiếp theo)

Rủi ro sản phẩm nhiễm bẩn - Hãy để Vinamilk làm vui đi nỗi lo của bạn

Rủi ro sản phẩm nhiễm bẩn luôn là mối quan tâm hàng đầu tại Vinamilk. Năm 2015 đánh dấu bước trưởng thành của Hệ thống quản lý rủi ro Vinamilk bằng việc kiểm soát chặt chẽ hơn và triển khai rộng khắp chương trình đánh giá tự kiểm soát trên toàn bộ nhà máy với góc nhìn toàn diện và có hệ thống. Khối Sản xuất với vai trò là chủ sở hữu rủi ro đã tổ chức thực hiện tự đánh giá tại các đơn vị và đánh giá chéo nhằm tăng tính hiệu quả trong kiểm soát. Theo đó, rủi ro được xác định ở từng công đoạn trong suốt quá trình sản xuất và cung ứng.

Các biện pháp kiểm soát được thiết lập và đánh giá hiệu quả theo phương pháp của ISO 31000.

Với bước trưởng thành này, Hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm được củng cố, hướng đến mục tiêu không sai lỗi về chất lượng và cung cấp sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

Với thiết kế hiện tại, Vinamilk đang từng bước tiến đến tích hợp và tinh gọn hệ thống, đưa Quản lý rủi ro trở thành khởi đầu và nền tảng khi thiết lập kiểm soát, đón đầu xu thế quản lý hệ thống trên thế giới hiện nay.

TINH HOA SẢN PHẨM BẮT NGUỒN TỪ NGUYÊN LIỆU “CHẤT”

Sữa tươi nguyên liệu - dưỡng chất thiên nhiên thuần khiết

Với chính sách:

- Phát triển hệ thống các trang trại chăn nuôi bò sữa chuyên nghiệp, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế và quy định của pháp luật Việt Nam.
- Sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm với giá cả cạnh tranh hợp lý, tiệm cận giá thành sản xuất trung bình của thế giới.
- Hoạt động sản xuất - kinh doanh có hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực.

Năm 2015, có thể được xem là một năm chuyển mình mạnh mẽ và thành công của các trang trại bò sữa Vinamilk.

- Hệ thống trang trại đẳng cấp quốc tế: hệ thống trang trại được quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001 và Global GAP, đảm bảo mọi hoạt động được quản lý theo thực hành tiên tiến và đầu ra là những dòng sữa chất lượng, gìn giữ và gửi trao những giá trị thuần khiết nhất từ thiên nhiên.
- Triển khai áp dụng một cách đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật, các công nghệ chăn nuôi tiên tiến trên thế giới từ công nghệ làm mát, thay thế những loại cây trồng, cỏ chất lượng thấp bằng những loại cỏ chất lượng cao, cải tiến khẩu phần... đã giúp cho việc tăng năng suất đàn bò một cách ấn tượng, sức khỏe đàn bò ngày càng tốt hơn.

- Ký kết hợp đồng dài hạn thu mua thức ăn thô xanh với các hộ dân khu vực lân cận trang trại, đảm bảo nguồn nguyên liệu và thức ăn tinh cho các trang trại và hộ chăn nuôi bò sữa.



Chuồng trại với hệ thống làm mát hiện đại tại trang trại Hà Tĩnh

Đáp lại những nỗ lực không ngừng làm mới và hoàn thiện bản thân, năm 2015, bò sữa Vinamilk đã đạt được những ghi nhận xứng đáng, ngày càng củng cố hơn niềm tin của người tiêu dùng về một vùng nguyên liệu xanh, sạch và thuần khiết.

Các giải thưởng/khen tặng đạt được trong năm:

- Giấy Chứng nhận Doanh nghiệp Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- Giấy Chứng nhận Cơ sở an toàn dịch bệnh.
- Chứng nhận Thương hiệu - Dịch vụ nổi tiếng Asean - 2015 dành cho Công ty Bò sữa.

Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Năm 2015, Vinamilk hiện đã có 8 trang trại quy mô lớn và được Bộ NN&PTNT công nhận Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Đây là sự kiện lớn đánh dấu sự phát triển vượt bậc ngành chăn nuôi bò sữa của Vinamilk theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, qua đó khẳng định Vinamilk là Nhà sản xuất Sữa hàng đầu tại Việt Nam.

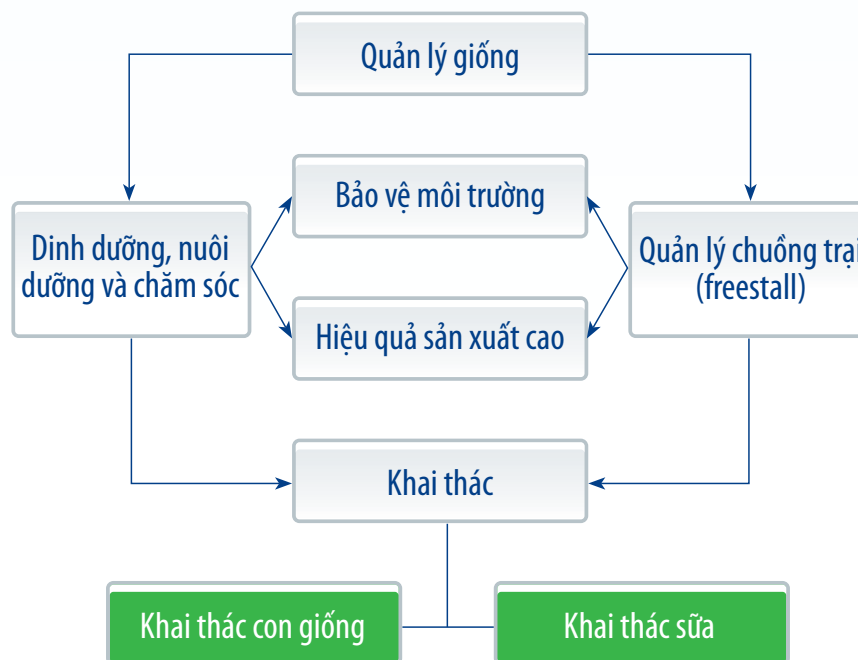
Để đạt được sự công nhận này, Vinamilk đã áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và quốc tế.

Quản lý giống:

- Bò Holstein Friesian (HF) được xác định là giống bò chủ yếu tại các Trang trại của Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam, nguồn bò giống HF được nhập từ Úc và Mỹ, có gia phả rõ ràng.

Dinh dưỡng, nuôi dưỡng và chăm sóc:

- Hệ thống nhu cầu dinh dưỡng và thành phần dinh dưỡng các loại thức ăn của bò sữa được thiết lập dựa trên các tài liệu quốc gia và các thực hành tiên tiến.
- Hệ thống quản lý đàn: Các trang trại được trang bị hệ thống quản lý đàn tiên tiến nhất thế giới hiện nay. Hệ thống này được công nghệ hoá. Mỗi bò được trang bị một chip đeo vào cổ. Tất cả các trạng thái của bò đều được ghi nhận và chuyển trực tiếp về trung tâm kiểm soát đàn. Tình trạng sức khoẻ, động dục, sinh sản, chất lượng sữa... là những thông số được kiểm soát hàng ngày.
- Chăm sóc dựa theo từng nhóm bò: Tùy từng nhóm bò, kỹ thuật chăm sóc sẽ khác nhau và được quy định thành các quy trình/hướng dẫn nuôi dưỡng chăm sóc cho từng đối tượng.





SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG (tiếp theo)

Không ngừng vươn cao đến sự hoàn hảo

SẢN PHẨM VIỆT NAM - CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

Với hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế FSSC 22000 về an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 17025, công nghệ tiên tiến cùng nền tảng quản lý chất lượng theo hệ thống ISO 9001, Vinamilk đang giữ vững cam kết và thực thi sứ mệnh “Vinamilk cam kết mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng và

chất lượng cao cấp hàng đầu bằng chính sự trân trọng, tình yêu và trách nhiệm cao của mình với cuộc sống con người và xã hội”.

Tính đến năm 2015, tất cả nhà máy trực thuộc Vinamilk đều đạt các chứng nhận quốc tế về Phòng thí nghiệm, An toàn vệ sinh thực phẩm và Hệ thống quản lý chất lượng.

Hệ thống quản lý chất lượng tại các nhà máy Vinamilk năm 2015

ĐƠN VỊ	ISO 9001:2008	FSSC 22000	PAS 99	ISO 14001	ISO 17025	ISO 50001	ISO 27001
1 Văn phòng Công ty	<input checked="" type="checkbox"/>						<input checked="" type="checkbox"/>
2 Nhà máy Sữa Tiên Sơn	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
3 Nhà máy Sữa Lam Sơn	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
4 Nhà máy Sữa Nghệ An	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
5 Nhà máy Sữa Đà Nẵng	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
6 Nhà máy Sữa Bình Định	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
7 Nhà máy Dielac	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
8 Nhà máy Sữa Thống Nhất	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
9 Nhà máy Sữa Trường Thọ	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
10 Nhà máy Sữa Sài Gòn	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
11 Nhà máy Sữa Việt Nam	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
12 Nhà máy Nước giải khát	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
13 Nhà máy Sữa Bột Việt Nam	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
14 Nhà máy Sữa Cần Thơ	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

FSSC 22000: Hệ thống quản lý chất lượng được công nhận bởi GFSI

“

Trong bối cảnh nhu cầu và áp lực từ phía người tiêu dùng ngày càng tăng lên, các đơn vị bán lẻ yêu cầu các nhà cung cấp phải chứng minh được khả năng tuân thủ tiêu chuẩn an toàn thực phẩm đã được công nhận. Trong số các tiêu chuẩn được ban hành vài năm gần đây, có một số tiêu chuẩn được xây dựng bởi các nhà cung cấp hoặc các hiệp hội. Điều này có nghĩa rằng mỗi đơn vị sản xuất được đánh giá và chứng nhận theo một loạt rất nhiều các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm khác nhau, hậu quả là dễ gây nhầm lẫn cho cả đơn vị sản xuất lẫn người tiêu dùng. Chính vì điều này, Hiệp hội Chứng nhận An toàn Thực phẩm đã kết hợp hai chứng chỉ ISO 22000 và ISO TS22002-1 thành tiêu chuẩn FSSC 22000 (Chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm), và được tổ chức GFSI chấp thuận. Tiêu chuẩn FSSC 22000 được xem là tiêu chuẩn ngang cấp và có thể thay thế cho các tiêu chuẩn được công nhận trước đây bởi GFSI như BRC, IFS, SQF.

”

Bureau Veritas





SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG (tiếp theo)

Bằng việc chuyển đổi hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm của toàn bộ hệ thống nhà máy từ HACCP sang FSSC 22000, Vinamilk thể hiện khao khát không ngừng vươn đến những cải tiến mới, giá trị mới và đẳng cấp mới. Với việc triển khai hệ thống FSSC 22000, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của Vinamilk đang được vận hành theo những tiêu chuẩn và thực hành tiên tiến, đẳng cấp hàng đầu thế giới:

- Kế thừa cơ chế quản lý an toàn thực phẩm toàn cầu.
- Được xác nhận và công nhận bởi tổ chức GFSI.
- Được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn đã được công nhận.
- Chia khóa thâm nhập hệ thống chuỗi bán lẻ toàn cầu.

- Giảm thiểu tối đa rủi ro trong vấn đề an toàn thực phẩm.
- Quản lý hiệu quả quá trình sản xuất nội bộ và giảm thiểu nguy cơ thất bại trong sản xuất kinh doanh.
- củng cố và xây dựng cách tiếp cận sáng tạo để hướng đến vấn đề an toàn thực phẩm.

Với sự chuyển mình này, toàn bộ hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm đã được rà soát và cấu trúc phù hợp. Cơ sở hạ tầng được thiết kế và đầu tư bài bản hơn, các mối nguy về an toàn thực phẩm được rà soát và đánh giá triệt để hơn, các kiểm soát được thiết lập chặt chẽ hơn. Từ đó mà mỗi sản phẩm trao đến tay người tiêu dùng sẽ an toàn hơn và chất lượng được đảm bảo.



CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG VỀ TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM

STT	Tiêu chí	Mức độ
1	Tỷ lệ các sản phẩm không sử dụng chất bảo quản/Tổng số sản phẩm	100%
2	Nhà máy có chứng nhận về FSSC và ISO 9001: 2008	13/13
3	Tỷ lệ Nhà máy có Phòng thử nghiệm đạt Chứng chỉ công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 về lĩnh vực Hóa, Sinh	13/13
4	Số vụ vi phạm về an toàn vệ sinh thực phẩm	0
5	Số vụ vi phạm về nhãn hiệu, công bố thông tin sản phẩm	0
6	Số vụ phải thu hồi sản phẩm do không đảm bảo chất lượng	0
7	Phần trăm sản phẩm và dịch vụ trọng yếu được đánh giá tác động sức khỏe và an toàn để cải thiện	100%
8	Tổng số sự cố không tuân thủ các quy định và các chuẩn mực (tự nguyện tham gia) liên quan đến sự tác động về sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ trong suốt vòng đời	0
9	Tổng số sự cố không tuân thủ các quy định và quy tắc tự nguyện liên quan đến thông tin sản phẩm, dịch vụ và việc ghi nhãn	0
10	Bán sản phẩm bị cấm và đang tranh chấp	0
11	Tổng số vụ không tuân thủ các quy định và bộ luật tự nguyện về truyền thông tiếp thị, bao gồm hoạt động quảng cáo, khuyến mãi và tài trợ theo loại kết quả	0
12	Tổng số khiếu nại có chứng cứ về hành vi vi phạm quyền riêng tư của khách hàng và việc mất dữ liệu khách hàng	0
13	Giá trị bằng tiền của các khoản tiền phạt đáng kể cho việc không tuân thủ luật pháp và các quy định về việc cung cấp, sử dụng sản phẩm và dịch vụ	0

Số vụ vi phạm về
ATVS thực phẩm

0
vụ

Tỷ lệ các sản phẩm không
sử dụng chất bảo quản

100
%

Số vụ phải thu hồi sản phẩm
do không đảm bảo chất lượng

0
vụ



NGUỒN LỰC CON NGƯỜI

“ Tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp chính là con người. ”

Matsushita Konosuke - Ông tổ của phương thức kinh doanh kiểu Nhật



Tinh thần và ý chí về tuyển dụng của Vinamilk được thể hiện mạnh mẽ trong chính sách tuyển dụng và đào tạo của Công ty và được thể hiện thực thi thành những quy trình và hướng dẫn công việc liên quan đến hoạt động nhân sự. Bên cạnh đó, Bộ Quy tắc ứng xử cũng được thiết lập, chính là kim chỉ nam cho mọi hoạt động trong môi trường doanh nghiệp, thể hiện rõ quan điểm với các bên liên quan và trách nhiệm của Vinamilk và từng thành viên trong gia đình Vinamilk trong các mối quan hệ đó.

Quan hệ lao động của Công ty tuân thủ pháp luật lao động của Việt Nam, đảm bảo không sử dụng lao động trẻ em, không cưỡng bức hay ép buộc lao động.

“



- Công ty luôn có định hướng xây dựng đội ngũ nhân viên ngày càng vững mạnh nhằm tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững. Do đó, trong công tác tuyển dụng, Công ty xác lập hệ thống các tiêu chuẩn cho từng vị trí nhằm đảm bảo tuyển dụng được đúng nhân sự theo mong đợi và điều này cũng làm tăng tính minh bạch trong công tác tuyển dụng.
- Nhằm hỗ trợ công tác tuyển dụng một cách hiệu quả, Công ty sẽ bổ sung, chỉnh sửa các chính sách liên quan để tạo sự thống nhất như: Lương, thu nhập, thưởng, đãi ngộ; môi trường làm việc, văn hóa doanh nghiệp; kế hoạch phát triển nghề nghiệp của nhân viên; chính sách đánh giá; đào tạo... cũng như một ngân sách tuyển dụng hợp lý.

”

Trích “Chính sách tuyển dụng” của Vinamilk

“



- Với phương châm “Nguồn nhân lực là tài sản quý của doanh nghiệp và là một yếu tố quan trọng để đạt được hiệu quả công việc”, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn được coi là chiến lược đầu tư lâu dài cho sự thành công trong tương lai của Công ty. Chính sách đào tạo của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam được xây dựng với định hướng khuyến khích và cung cấp những cơ hội đào tạo và phát triển cho nhân viên trong việc không ngừng nâng cao các kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ.
- Với chính sách này, Công ty luôn sẵn sàng tạo điều kiện cho nhân viên các cơ hội học hỏi, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thông qua các chương trình, nội dung đào tạo đa dạng, các hình thức đào tạo linh hoạt, các phương thức hỗ trợ phù hợp... nhằm đảm bảo nhân viên đáp ứng được yêu cầu công việc ngày càng cao, hoàn thiện cho kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mình và góp phần xây dựng nguồn nhân lực vững mạnh của Công ty.

”

Trích “ Chính sách đào tạo” của Vinamilk



NGUỒN LỰC CON NGƯỜI (tiếp theo)

Trong gần 4 thập kỷ hình thành và không ngừng lớn mạnh, Vinamilk luôn xem con người là yếu tố quyết định đối với sự thành công và phát triển của Công ty. Vinamilk luôn hướng tới mục tiêu trở thành nơi làm việc tốt nhất của người lao động, và để đạt được mục tiêu đó, Công ty luôn duy trì môi trường làm việc lý tưởng, chính sách đãi ngộ và phúc lợi ưu đãi với nhiều chương trình đào tạo phát triển tài năng. Chiến lược môi trường làm việc lý tưởng của Vinamilk được gắn kết trực tiếp với một trong các Giá trị chung của Công ty, và là một trong những ưu tiên về tính bền vững của Công ty.

Chiến lược này tập trung vào bốn lĩnh vực chính:

ĐA DẠNG VÀ BÌNH ĐẲNG

Vinamilk hiện có hơn 6.000 lao động, ở mọi tuổi tác, giới tính, dân tộc và tôn giáo. Công ty khuyến khích tính đa dạng và tôn trọng sự khác biệt, không có ranh giới hay bất kỳ sự kỳ thị nào về giới tính, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc, tuổi tác hay nhóm thiểu số. Các chính sách, chương trình, quy trình và hệ thống của Công ty đều hướng đến việc hỗ trợ nền văn hóa tôn trọng lẫn nhau và tạo điều kiện cho tất cả các nhân viên làm việc một cách hiệu quả.

Tất cả các nhân viên đều có cơ hội bình đẳng và Vinamilk ghi nhận rằng nền tảng kiến thức và kinh nghiệm riêng của mỗi cá nhân đều đóng góp vào sự thành công của tổ chức. Mọi hành vi phân biệt trong hoạt động tuyển dụng, thăng cấp và mọi quyết định về nhân sự đều bị nghiêm cấm. Việc tuyển dụng được tiến hành dựa trên nhu cầu lao động, yêu cầu của vị trí để thực hiện kế hoạch kinh doanh, sản xuất của Công ty.

Xem Phụ lục để biết thêm chi tiết số liệu thống kê về người lao động.



AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP



Nguyên tắc vận hành hệ thống an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

Để triển khai chính sách **An toàn - Vệ sinh lao động - Sức khỏe nghề nghiệp**, Vinamilk cam kết:

- Thực hiện đúng các tiêu chuẩn quy phạm về an toàn và vệ sinh lao động; Bảo vệ môi trường liên quan đến thiết bị và công nghệ sản xuất của Công ty.
- Xây dựng và ban hành nội quy về an toàn lao động, vệ sinh lao động, vận hành máy móc thiết bị và việc làm có nguy cơ tai nạn, nguy hiểm, độc hại. Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ (tháng, quý, năm) về an toàn lao động, vệ sinh lao động.
- Chăm lo, cải thiện điều kiện lao động và thực hiện đúng quy định về bảo hộ lao động, trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước.
- Tổ chức đào tạo, huấn luyện, hướng dẫn người lao động về công tác an toàn vệ sinh lao động và sử dụng các loại phương tiện bảo hộ lao động, đồng thời tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát người lao động thực hiện đúng quy định.
- Các cơ sở hoạt động của Công ty (Văn phòng/ Chi nhánh/Nhà máy/Xí nghiệp) đều có bộ phận y tế để khám và cấp thuốc điều trị kịp thời các bệnh thông thường hoặc yêu cầu người lao động đi khám chuyên khoa nếu nghi ngờ/phát hiện dấu hiệu các bệnh khác.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động nhằm đảm bảo sức khỏe hoặc điều trị kịp thời nếu phát hiện dấu hiệu các loại bệnh tật.



NGUỒN LỰC CON NGƯỜI (tiếp theo)



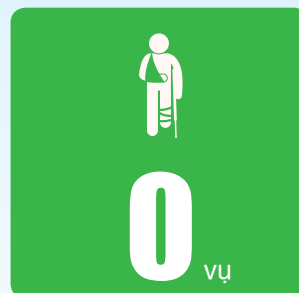
Số lượng tai nạn lao động



Số người bị tai nạn lao động/tử vong của các nhà thầu độc lập làm việc tại cơ sở của Vinamilk



Tổng số giờ lao động bị mất do tai nạn/tổng số giờ làm việc trong năm



Số trường hợp bị ảnh hưởng đến khả năng lao động do tai nạn lao động

Tỷ lệ phần trăm tổng lực lượng lao động trong các ủy ban về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp	5,6%
Chi phí liên quan đến an toàn lao động (bảo hộ lao động, chi phí đào tạo, tập huấn, trang thiết bị...).	10,97 tỷ đồng

Cuối năm 2015, cùng với thành công trong việc triển khai chứng nhận hệ thống tích hợp PAS 99, lần đầu tiên Vinamilk triển khai chương trình Đánh giá nội bộ tích hợp hệ thống An toàn - Sức khỏe nghề nghiệp - Môi trường tại các nhà máy. Chương trình với trọng tâm hướng đến người lao động, nâng cao nhận thức về An toàn sức khỏe nghề nghiệp - Môi trường của từng thành viên trong chuỗi sản xuất.

Có thể nói, với chương trình đánh giá này, Vinamilk đang đặt những viên gạch vững chắc trong việc xây dựng và nâng cao nhận thức của nhân viên về an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường. Các thành viên tại mỗi vị trí công việc khi tham gia sẽ được trao đổi trực tiếp về công việc đang thực hiện và các rủi ro liên quan cùng các phương pháp giảm thiểu cũng như loại trừ rủi ro. Qua đó, người lao động cùng Vinamilk

xác định các rủi ro bằng cái nhìn bao quát và có hệ thống hơn. Hơn tất cả, điều đạt được là góc nhìn chung từ những nhà hoạch định hệ thống và những con người trực tiếp thực thi công việc. Nhờ đó mà hệ thống An toàn vệ sinh lao động và sức khỏe nghề nghiệp, Môi trường được quản lý tốt hơn và ngày càng trưởng thành hơn. Mỗi thành viên trong chuỗi hoạt động cũng chính là những nhà xây dựng hệ thống.

“
Nói với tôi và tôi sẽ quên. Dạy tôi và tôi sẽ nhớ. Hãy để tôi tham gia và tôi sẽ học.”

Benjamin Franklin

Sức khỏe nghề nghiệp

Hàng năm, các tiêu chuẩn về vi khí hậu, vệ sinh, môi trường làm việc đều được đo đạc và kiểm tra để đảm bảo điều kiện làm việc an toàn cho nhân viên. Đối với những khu vực có chỉ tiêu vượt ngưỡng cho phép, các biện pháp kỹ thuật sẽ được triển khai để giảm thiểu các yếu tố gây hại, điều chỉnh môi trường làm việc tốt hơn. Bên cạnh đó, nhân viên được trang bị và cung cấp đủ và đúng các loại bảo hộ lao động và nhận chế độ bồi dưỡng

độc hại bằng hiện vật đối với các lao động làm việc trong môi trường không đạt chuẩn.

Mỗi năm các nhân viên được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật. Thống kê đến năm 2015 có 8 trường hợp mắc chứng suy giảm thính lực, bệnh đốm nghề nghiệp. Các nhân viên đều được điều chuyển công việc thích hợp và đồng thời được hưởng các chính sách hỗ trợ từ Công ty theo Thỏa ước lao động tập thể.

THU HÚT VÀ GIỮ CHÂN NHÂN TÀI



Trở thành nơi làm việc tốt nhất và lý tưởng nhất cho người lao động luôn là một trong những mục tiêu hàng đầu mà Vinamilk hướng tới. Xuất phát từ sự thấu hiểu những điều nhân viên quan tâm, Vinamilk đã thiết lập một tiêu chuẩn mới về nơi làm việc lý tưởng, nơi tất cả nhân viên được cam kết quan tâm toàn diện và phát triển tối đa. Qua đó, chúng tôi mong muốn, người lao động tại Vinamilk luôn gắn kết và đóng góp hết mình, mang lại giá trị bền vững cho doanh nghiệp, cho xã hội, cũng như nhận lại nhiều giá trị cho chính họ, và góp phần xây dựng một Việt Nam thịnh vượng, giàu đẹp và hạnh phúc hơn.



Bà Bùi Thị Hương - Giám đốc Điều hành Vinamilk

Có hai yếu tố giúp Vinamilk thu hút và giữ chân nhân tài:



Quản trị nguồn nhân lực tốt



Môi trường làm việc hấp dẫn



NGUỒN LỰC CON NGƯỜI (tiếp theo)

Môi trường làm việc hấp dẫn

Vinamilk liên tục đứng trong **Top 3 của “100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam”** và là **Doanh nghiệp nội có thứ hạng cao nhất** trong danh sách này. Để đạt được điều này, Vinamilk không chỉ xác định, đề cao vai trò và tầm quan trọng của nhân tài trong tổ chức, mà còn hiện thực hóa các chính sách phúc lợi thiết thực và hấp dẫn để thu hút và giữ chân nhân tài:

Chế độ lương thưởng

Chính sách lương thưởng rõ ràng và công bằng, mức lương thưởng cạnh tranh và được đánh giá cao trên thị trường lao động tại Việt Nam. Vinamilk được bình chọn là thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất tại Việt Nam, ở tiêu chí Lương, Thưởng, Phúc lợi.

Phúc lợi ưu đãi

Chăm sóc sức khỏe

Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe

Ngoài các quyền lợi về khám chữa bệnh theo chế độ Bảo hiểm y tế, Công ty còn mua thêm Bảo hiểm sức khỏe và Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể người lao động trong Công ty. Người thân của cấp quản lý (cha, mẹ, vợ/chồng, con) được Công ty mua bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn 24/24.

Chương trình khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên

+ Lao động nam: 1 lần/năm

+ Lao động nữ: 2 lần/năm

Tổ chức tiêm phòng vắc xin ngừa bệnh Cúm cho tất cả nhân viên

Bữa ăn hàng ngày

Cung cấp các bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm cho tất cả nhân viên.

Chương trình thể dục thể thao

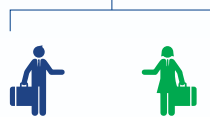
Vinamilk cũng tổ chức các chương trình, lớp học và khuyến khích tất cả nhân viên tham gia phát triển thể dục, thể thao, tăng cường sức khỏe.



KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ



Bảo hiểm tai nạn 24/24



1 lần/năm



2 lần/năm



Bữa ăn hàng ngày



Chương trình thể dục thể thao



Chế độ đối với các trường hợp nghỉ dài (thai sản, ốm đau...)

100% nhân viên nghỉ thai sản hoặc ốm đau được trở lại làm việc theo chế độ của Công ty, trong năm 2015, toàn Công ty có 91 nhân viên nghỉ thai sản, tất cả đều đã quay lại làm việc sau thời gian nghỉ theo quy định.

Các chế độ khác

Phụ cấp nghỉ mát hàng năm, tặng quà nhân dịp lễ, Tết, sinh nhật... và tặng thưởng cho con của người lao động có thành tích cao trong học tập. Tất cả các phúc lợi này đều được nêu rõ trong Thỏa ước Lao động, áp dụng với toàn bộ nhân viên Công ty.





NGUỒN LỰC CON NGƯỜI (tiếp theo)

Văn hóa doanh nghiệp

Vinamilk hướng đến một môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, hòa đồng, và tôn trọng lẫn nhau. Một môi trường làm việc dựa trên những giá trị cốt lõi, quy tắc ứng xử minh bạch, công bằng với phương

châm hòa hợp giữa mục tiêu của tổ chức với mục tiêu cá nhân, phối hợp làm việc trên tinh thần “chặt chẽ nhưng không cứng nhắc”, “linh hoạt nhưng không tùy tiện”, “hợp tác nhưng không thỏa hiệp”.

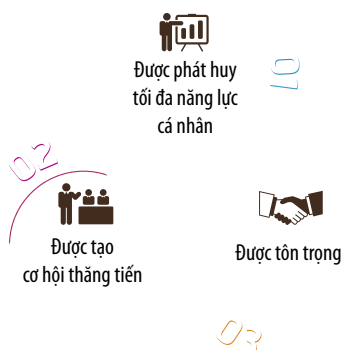


Lắng nghe nhân viên:

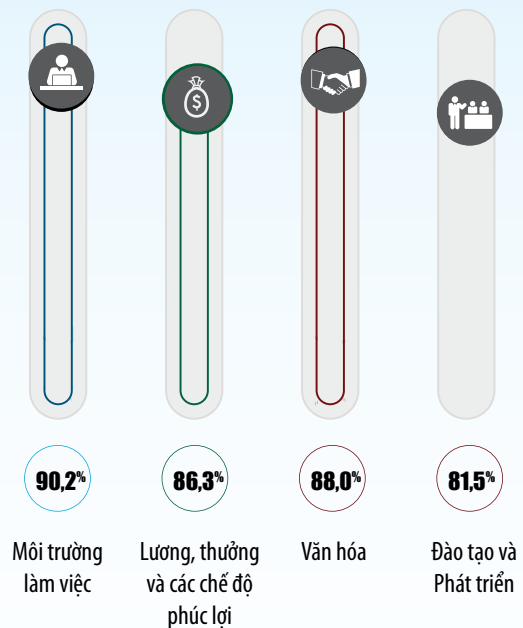
- Mọi ý kiến đóng góp, bức xúc của nhân viên đều được khuyến khích chia sẻ và cùng giải quyết thông qua nhiều hình thức: Hộp thư góp ý, email hoặc trao đổi hàng ngày với cấp trên hoặc Công đoàn, cuộc họp với đại diện Công đoàn được tổ chức định kỳ hàng tháng, hoặc Hội nghị người lao động hàng năm... các kiến nghị/khiếu nại này được ghi vào Biên bản đối thoại người lao động và được giải quyết sớm nhất có thể. Trong năm 2015, toàn Công ty có 11 trường hợp khiếu nại, tất cả đều đã được giải quyết thỏa đáng cho người lao động.
- Hàng năm, Vinamilk tổ chức khảo sát ý kiến nhân viên nhằm đo lường và ghi nhận sự nhận biết và thỏa mãn của nhân viên đối với hình ảnh Công ty, môi trường làm việc, công việc hiện tại, các mối quan hệ làm việc và các hoạt động của Công ty. Năm 2015, tỷ lệ nhân viên tham gia khảo sát đạt mức 95,1% và bình quân mức độ hài lòng nhân viên đạt mức 87,7%.

Quản trị nguồn nhân lực tốt

Vinamilk được khối ASEAN và Ủy ban Chứng khoán Philippines đánh giá là **“Quản trị công ty tốt nhất Việt Nam”** mà trong đó, quản trị nguồn nhân lực là một phần tối quan trọng của quản trị doanh nghiệp. Những lợi ích của nhân viên khi làm việc tại Vinamilk:



Bảng kết quả khảo sát của nhân viên



Vinamilk thấu hiểu rằng những yếu tố này là then chốt để thu hút nhân tài, khiến họ muốn cống hiến cho Công ty và đã thành công trong việc hiện thực hóa những nhu cầu đó.

Các chương trình tuyển dụng lớn được phát động trong năm 2015:

- Chương trình Quản trị viên tập sự
- Chương trình tuyển dụng tại các trường Đại học
- Các chương trình thực tập



NGUỒN LỰC CON NGƯỜI (tiếp theo)

NUÔI DƯỠNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN VIÊN

Đào tạo nhân viên - Vì lợi ích trăm năm trồng người.

Nguồn nhân lực chất lượng cao là mục tiêu mà Vinamilk rất chú trọng để góp phần hiện thực hóa ngôi vị trở thành 1 trong 50 Công ty sữa lớn nhất thế giới vào năm 2017. Vì vậy, Công ty luôn tạo cơ hội và điều kiện tốt nhất để nhân viên được đào tạo, nâng cao kiến thức, phát triển bản thân thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài.

Trong năm 2015, Vinamilk đặc biệt chú trọng về việc đào tạo cho cả cấp quản lý và cấp nhân viên toàn Công ty, ngân sách dành cho việc đào tạo lên tới gần 12 tỷ đồng, tăng hơn gấp đôi so với ngân sách năm 2014. Trên thực tế, Công ty đã tổ chức 404 khóa đào tạo, với chi phí đào tạo lên đến 6,7 tỷ đồng. Trong đó, thời gian đào tạo trung bình cho:

- Cấp quản lý: 135,64 giờ/người/năm
- Cấp nhân viên: 51,71 giờ/người/năm

Các chương trình đào tạo cụ thể:

Nâng cao năng lực của đội ngũ quản lý:

- Chương trình Hoạch định nhân sự kế thừa.
- Chương trình Quản trị viên tập sự.
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (EMBA do các trường nước ngoài mở tại Việt Nam).
- Đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng quản lý, tài chính, nhân sự,... cho cán bộ quản lý. Các khóa: Kỹ năng quản trị cho lãnh đạo cấp cao; Nguyên tắc của nhà lãnh đạo kiệt xuất; Văn hóa chịu trách nhiệm; Thẻ điểm cân bằng (BSC); Mô hình hoạch định phối hợp Kinh doanh và Cung ứng; Hoạch định nhu cầu; Hoạch định cung ứng;



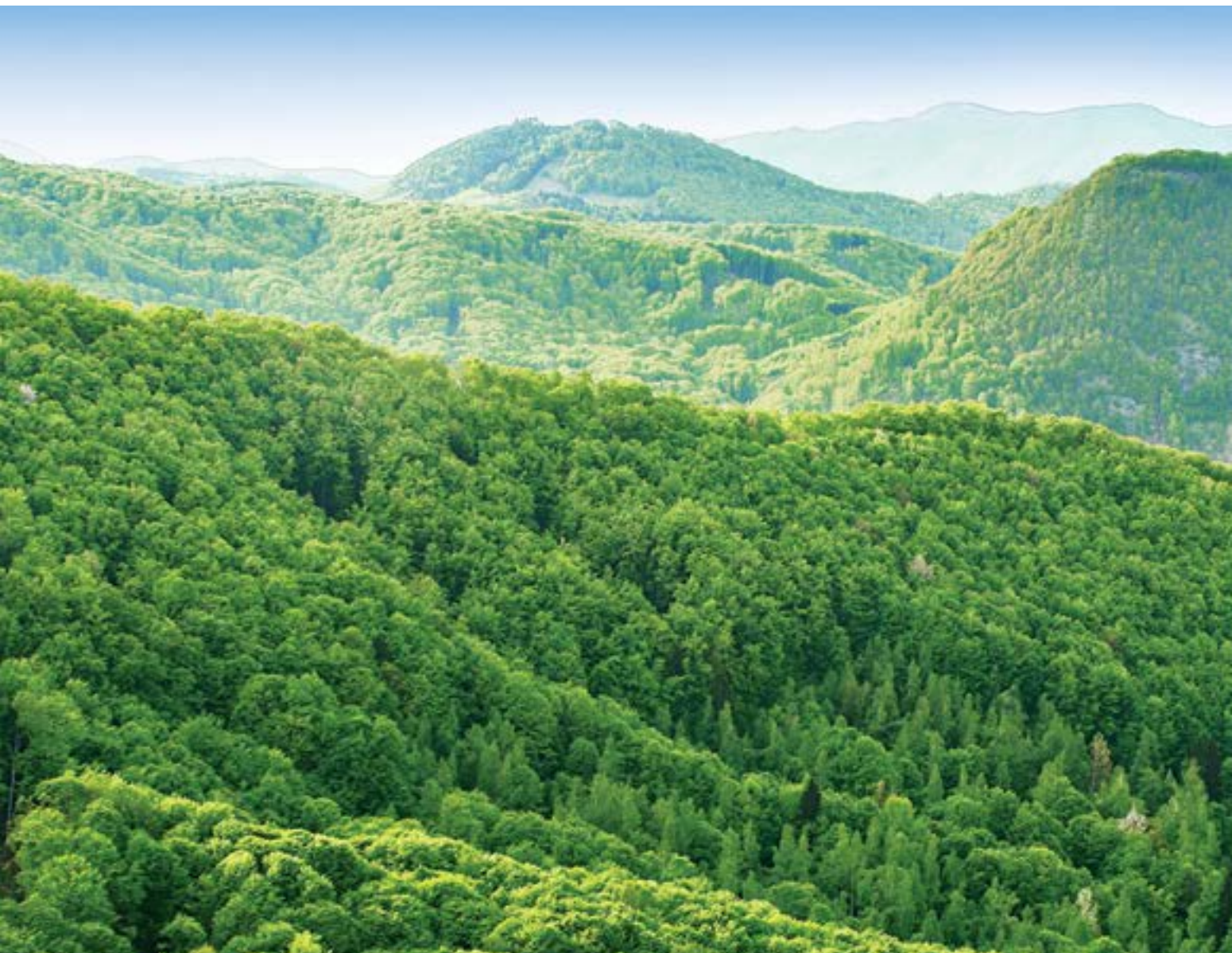
Phát triển đội ngũ nhân viên:

- Đào tạo kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng chăm sóc khách hàng, kỹ năng đàm phán,...
- Kiến thức và Kỹ năng quản lý bán hàng; Phát triển hệ thống phân phối; Động viên và phát triển đội ngũ nhân viên bán hàng; Hiểu biết hành vi người mua hàng; Các công cụ tư duy và giải quyết vấn đề,...
- Nâng cao kiến thức và kỹ năng cho các bộ phận hỗ trợ: Kế toán, Tài chính, Nhân sự, Marketing, Dự án, Chuỗi cung ứng...; Đào tạo cập nhật các quy định của pháp luật về lao động, thuế, kế toán,...
- Đào tạo các nội dung về an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn điện, an toàn hóa chất, an toàn vận hành thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt, phòng chống cháy nổ, sơ cấp cứu,...
- Đào tạo nhận thức các bộ tiêu chuẩn chất lượng (ISO 90001; HACCP, ISO 14001, ISO 17025, ISO 50001, OSHAS 18001,...) và đào tạo Đánh giá viên nội bộ.

- Đào tạo Quy trình công nghệ sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, vận hành, sửa chữa bảo trì máy móc thiết bị,...
- Đào tạo cho khách hàng của Công ty:
- Đào tạo kiến thức chuyên môn và kỹ năng làm việc cho nhân viên của các nhà phân phối.
- Đào tạo kiến thức và hướng dẫn thực hành kỹ thuật nuôi và chăm sóc bò sữa cho nông dân.
- Tổ chức các hội thảo phổ biến kiến thức dinh dưỡng cho các đối tượng khách hàng (người cao tuổi, bà mẹ mang thai và cho con bú, nhân viên các cơ sở y tế,...).

Nhờ môi trường làm việc được yêu thích, chế độ phúc lợi, cũng như chương trình đào tạo hấp dẫn, Vinamilk đã rất thành công trong việc thu hút và giữ chân nhân viên. Trong năm 2015, Công ty tuyển mới 556 nhân viên, trong khi chỉ có 354 nhân viên nghỉ việc, trong đó có 21 trường hợp nghỉ hưu. **Tỷ lệ thôi việc** tại Vinamilk chỉ khoảng 6%, đây là tỷ lệ lý tưởng cho thấy **“sức khỏe nguồn nhân lực”** của Vinamilk đang duy trì ở mức lành mạnh, biến động nhân sự không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, mà vẫn đảm bảo có sự đổi mới, sàng lọc.





Năng lượng

NGUỒN NĂNG LƯỢNG MỚI NÀO SẼ SOÁN NGÔI NGUỒN NĂNG LƯỢNG ĐỊA KHAI SẮP CẠN KIẾT?

Tình trạng cạn kiệt nguồn năng lượng địa khai không còn là cảnh báo của một tương lai xa mà đang được chứng minh bằng những con số cụ thể và những sự kiện diễn ra nhanh chóng trong thực tế. Theo các chuyên gia trong và ngoài nước, đây là hậu quả tất yếu của việc khai thác quá mức các nguồn năng lượng hóa thạch mà quên đầu tư vào các nguồn năng lượng tái tạo.



“

Việt Nam có khá nhiều và đa dạng các nguồn năng lượng sơ cấp: Nhiên liệu hóa thạch, năng lượng sinh khối, năng lượng gió, năng lượng mặt trời... Tuy nhiên, nguồn năng lượng chủ yếu vẫn sử dụng từ các nhiên liệu hóa thạch: Than đá, dầu thô, khí đốt... và thủy điện. Dự báo nguồn năng lượng này cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng và sản xuất, nhưng đến năm 2030, Việt Nam sẽ không còn tiềm năng thủy điện lớn vì đã khai thác hết, trữ lượng than đá cũng đang cạn dần. Năm 2015, khả năng khai thác than đá đáp ứng từ 96% - 100% nhu cầu sử dụng. Năm 2020, khả năng khai thác chỉ đáp ứng được 60% và đến năm 2035, tỉ lệ này chỉ còn 34%.

”

Tiến sĩ Ngô Đức Lâm, Chuyên gia về Năng lượng

Bên cạnh đó, nguồn năng lượng truyền thống không tái tạo như than, dầu, hạt nhân... gây ra những vấn đề lớn về môi trường, gây ra hiệu ứng nhà kính. Do đó, việc nghiên cứu ứng dụng các dạng năng lượng tái tạo đang trở thành nhu cầu cấp bách của mỗi quốc gia.

Trước những cảnh báo cạn kiệt nguồn năng lượng địa khai buộc nhân loại phải vào cuộc tìm kiếm nguồn năng lượng thay thế. Không chỉ trên thế giới, tại Việt Nam vấn đề này cũng đã được đặt ra từ lâu và một số nguồn năng lượng giải pháp đã được các nhà khoa học nước ta nghiên cứu, thử nghiệm và đưa vào ứng dụng thành công.



MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG (tiếp theo)

NĂM 2015, VINAMILK TIẾP TỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ TẠI CÁC NHÀ MÁY TRỰC THUỘC VINAMILK.

NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Phân công thực hiện
1	Tiết kiệm ít nhất 3% năng lượng sau 5 năm theo hướng phát triển của Vinamilk.	<p>Theo dõi thường xuyên tình hình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm tại các nhà máy.</p> <p>Đánh giá chỉ số tiết kiệm năng lượng hàng năm từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các nhà máy.</p>	<p>Ban Quản lý Năng lượng & Môi trường thuộc Khối Sản xuất.</p> <p>Các nhà máy thực hiện và báo cáo.</p>
2	Hình thành và đưa vào hoạt động có hiệu quả hệ thống quản lý sử dụng năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001 trong hoạt động quản lý tại các đơn vị trực thuộc Vinamilk.	<p>Xây dựng mô hình quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho tất cả các nhà máy trực thuộc Vinamilk:</p> <ul style="list-style-type: none"> Duy trì, cải tiến liên tục quy trình quản lý năng lượng. Các hướng dẫn thực thi. <p>Xây dựng hệ thống quản lý năng lượng cho tất cả các nhà máy trực thuộc Vinamilk đạt tiêu chuẩn ISO 50001:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thiết lập hệ thống tài liệu, hồ sơ quản lý năng lượng. Các báo cáo theo yêu cầu của Luật. Đánh giá và cấp chứng nhận ISO 50001. 	<p>Ban Quản lý Năng lượng & Môi trường thuộc Khối Sản xuất</p> <p>Các nhà máy thực hiện và triển khai đánh giá.</p>
3	Tăng cường quản lý và nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho toàn thể nhân viên của Vinamilk.	<p>Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực quản lý về lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho lãnh đạo đơn vị và người quản lý năng lượng.</p> <p>Triển khai, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho tất cả các nhà máy.</p> <p>Vận động tham gia các chương trình hoạt động cộng đồng về tiết kiệm năng lượng gắn với bảo vệ môi trường, thực hiện phát triển kinh tế xã hội bền vững.</p>	<p>Các nhà máy triển khai thực hiện các chương trình.</p> <p>Ban Quản lý Năng lượng & Môi trường thuộc Khối Sản xuất.</p>

<p>4 Triển khai các nội dung kiểm toán năng lượng định kỳ 3 năm/lần cho các nhà máy trực thuộc Vinamilk theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p>	<p>Thực hiện kiểm toán năng lượng định kỳ tại các nhà máy. Xây dựng kế hoạch thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng được đề xuất sau kiểm toán năng lượng.</p>	<p>Ban Quản lý Năng lượng & Môi trường thuộc Khối Sản xuất. Các nhà máy thực hiện và báo cáo.</p>
<p>5 Triển khai các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong lĩnh vực chiếu sáng</p>	<p>Xây dựng kế hoạch đầu tư cải tạo hệ thống chiếu sáng như: điều chỉnh thiết kế, sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện (đèn compact T5-T8, đèn LED,...) và chóa đèn phù hợp, lắp đặt thiết bị tiết giảm công suất, hệ thống điều khiển theo yêu cầu. Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho 100% nhân viên của các đơn vị.</p>	<p>Ban Quản lý Năng lượng & Môi trường thuộc Khối Sản xuất. Các nhà máy thực hiện các giải pháp.</p>
<p>6 Đầu tư, xây dựng các mô hình ứng dụng năng lượng mới và năng lượng tái tạo (biogas, biomass, năng lượng mặt trời, phong điện...)</p>	<p>Tiếp tục thực hiện kế hoạch mua hơi bão hòa (sử dụng công nghệ lò hơi tầng sôi đốt bằng nguyên liệu Biomass), hoặc sử dụng khí CNG thay thế dần lò hơi đốt dầu FO tại các nhà máy. Xây dựng kế hoạch đầu tư các hệ thống nước nóng (dùng cho chế biến) sử dụng năng lượng mặt trời.</p>	<p>Ban Quản lý Năng lượng & Môi trường thuộc Khối Sản xuất. Các nhà máy thực hiện các giải pháp.</p>





MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG (tiếp theo)

MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu tổng quát

Xây dựng chương trình hành động gồm nhiều kế hoạch triển khai cụ thể về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các nhà máy trực thuộc Vinamilk.

Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm các hoạt động xây dựng mô hình quản lý; Khuyến khích, thúc đẩy, tuyên truyền, ứng dụng khoa học công nghệ và các biện pháp quản lý để tạo chuyển biến thực hiện đi dần từ các bước nâng cao nhận thức nhằm thực hiện đồng bộ các hoạt động về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Thông qua chương trình nhằm đạt được mục tiêu về tổng mức năng lượng tiết kiệm cụ thể, tiết giảm được một phần mức đầu tư phát triển hệ thống cung ứng năng lượng, mang lại lợi ích kinh tế trong sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội; đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, khai thác hợp lý các nguồn năng lượng, thực hiện phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Mục tiêu cụ thể

- (1) Chương trình xác định kế hoạch giai đoạn 2013 - 2017 nhằm thực hiện mục tiêu tiết kiệm ít nhất 3% năng lượng sau 5 năm theo định hướng phát triển của Vinamilk.
- (2) Hình thành và đưa vào hoạt động có hiệu quả hệ thống quản lý sử dụng năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001 trong hoạt động quản lý tại các nhà máy trực thuộc Vinamilk.

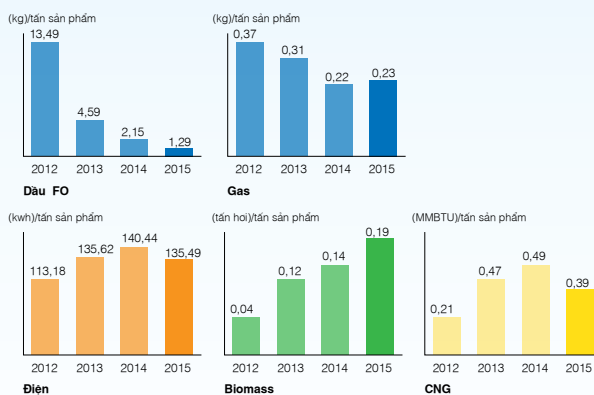
- (3) Tăng cường quản lý và nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho toàn thể nhân viên của Vinamilk.
- (4) Triển khai các nội dung kiểm toán năng lượng định kỳ 3 năm/lần cho các nhà máy trực thuộc Vinamilk theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
- (5) Triển khai các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong lĩnh vực chiếu sáng.
- (6) Đầu tư, xây dựng các mô hình ứng dụng năng lượng mới và năng lượng tái tạo (biogas, biomass, năng lượng mặt trời, phong điện...).





Trong xu hướng đó, Vinamilk nhận thức rõ vai trò của mình trong việc tiết kiệm năng lượng và đẩy mạnh sử dụng các nguồn năng lượng thay thế để giảm thiểu các tác động đến môi trường. Hãy cùng nhìn những thành quả Vinamilk gặt hái được trong giai đoạn 2012 - 2015.

Tính đến 2015, Vinamilk đã có:



Các chỉ số về năng lượng trong sản xuất năm 2015

<p>13/13 nhà máy đạt chứng nhận ISO 50001:2011</p>	<p>10 nhà máy sử dụng năng lượng Biomass</p>	<p>4 nhà máy sử dụng năng lượng CNG</p>	<p>6 nhà máy thực hiện kiểm toán năng lượng định kỳ</p>	<p>0 không có khiếu nại về môi trường</p>
---	---	--	--	--


Năm 2015, Vinamilk đã nhận được những giá trị động viên tích cực từ Nhà nước và các bên liên quan.


Nhà máy Sài Gòn	Bộ Tài nguyên Môi trường	Chứng nhận đóng góp tích cực “Diễn đàn đổi mới phát triển hướng đến kinh tế xanh” do báo Tài nguyên Môi trường tổ chức
Nhà máy Trường Thọ	Bộ Tài nguyên Môi trường	Giải thưởng môi trường Việt Nam năm 2015
Nhà máy Dielac	Sở Công Thương Đồng Nai	Bằng khen “Thành tích tốt trong công tác tiết kiệm điện năng 2015”
Nhà máy Thống Nhất	Báo Sài Gòn Giải phóng	Doanh nghiệp xanh



MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG (tiếp theo)

Năng lượng tiêu thụ cho hoạt động tại các nhà máy

Năm 2014	Số lượng	Tiết kiệm (quy đổi qua kg dầu FO)
CNG (MMBTU)	415.871	534.539
Hơi bão hòa (tấn)	118.527	3.129.106
Tiết kiệm tương ứng với lượng dầu FO (Kg FO)		3.663.644
Năng lượng tiết kiệm được (Kjun)		153.506.696.150

Năm 2015	Số lượng	Tiết kiệm (quy đổi qua kg dầu FO)
CNG (MMBTU)	379.255	487.474
Hơi bão hòa (tấn)	184.256	4.864.347
Tiết kiệm tương ứng với lượng dầu FO (Kg FO)		5.351.821
Năng lượng tiết kiệm được (Kjun)		224.241.300.514

Tiêu chí báo cáo	2013	2014	2015
Tổng sản lượng (Tấn)	814.387	843.557	977.719
% Biến động sản lượng	5,96%	3,58%	15,90%
Dầu FO			
(kg)	3.741.599	1.811.057	1.261.476
% biến động so với năm trước	-63,9%	-51,60%	-30,35%
Bình quân (kg)/tấn sản phẩm	4,59	2,15	1,29
Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	156.623.334.140	75.810.861.559	52.805.396.621
Gas			
(kg)	255.245	185.887	224.564
% biến động	-9,85%	-27,17%	20,81%
Bình quân (kg)/tấn sản phẩm	0,31	0,22	0,23
Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	11.230.780.000	8.179.015.432	9.880.805.055

Tiêu chí báo cáo	2013	2014	2015
Điện			
(kwh)	110.452.250	118.470.050	132.468.905
% biến động	26,98%	7,26%	11,82%
Bình quân (kwh)/tấn sản phẩm	135,62	140,44	135,49
Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	397.623.681.910	426.487.442.660	476.882.758.884
Biomass			
(Tấn hơi)	97.061	118.527	184.256
% biến động	199,45%	22,12%	55,45%
Bình quân (tấn hơi)/tấn sản phẩm	0,12	0,14	0,19
Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	341.289.770.640	416.768.415.030	647.886.827.961
CNG			
MMBTU	380.737	415.871	379.255
% biến động	134,57%	9,23%	-8,80%
Bình quân (MMBTU)/tấn sản phẩm	0,47	0,49	0,39
Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	401.628.800.664	438.690.815.248	400.065.073.819
Tổng tiêu thụ năng lượng/tấn sản phẩm			
Kjun/tấn sản phẩm	1.606.602,72	1.619.257,93	1.623.698,50

Năng lượng tiêu thụ cho hoạt động tại các trang trại

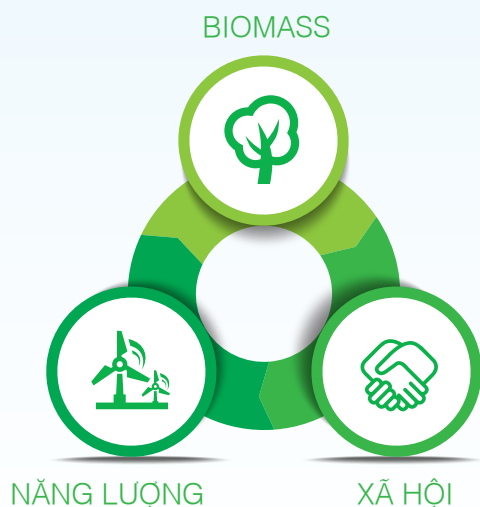
Tiêu chí báo cáo	2014	2015
Tổng năng lượng sử dụng qua các năm, phân loại theo loại năng lượng		
Dầu (kg)	227.283	329.011
Gas (kg)	-	840
Điện (kwh)	4.950.842	4.950.842
Biomass	-	8.898.259
Tổng năng lượng tiêu thụ trên một đơn vị sản phẩm qua các năm		
Dầu DO (kg/tấn sản phẩm)	39,92	9,15
Gas (kg/tấn sản phẩm)	-	0,05
Điện (kwh/tấn sản phẩm)	778	252
Tổng năng lượng tiết kiệm được nhờ vào các phương pháp áp dụng (Kw) điện	40.873	93.092



MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG (tiếp theo)



NĂNG LƯỢNG SINH KHỐI NGUỒN NĂNG LƯỢNG CHO TƯƠNG LAI XANH



Biomass

Hiểu rõ lợi ích của nguồn năng lượng thân thiện môi trường và trách nhiệm với môi trường trong việc sử dụng các nguồn năng lượng địa khai, Vinamilk không ngừng đẩy mạnh việc tìm kiếm các nguồn năng lượng thay thế, thân thiện với môi trường và đẩy mạnh việc sử dụng các nguồn năng lượng đó. Và Biomass chính là một trong những giải pháp.

Vinamilk những năm qua đã áp dụng giải pháp sử dụng nguồn năng lượng sinh khối (Biomass) tạo ra hơi nước bão hòa để thay thế các lò hơi sử dụng dầu FO/dầu DO. **Năm 2015, tại các nhà máy Vinamilk đã sử dụng 184.256 tấn hơi nước bão hòa từ nguồn năng lượng sinh khối (tương đương giảm phát thải 47.518 tấn CO₂).**



Kể từ khi đưa Biomass vào sử dụng, liên tục qua các năm từ **2012-2015, lượng sử dụng đã tăng hơn 5 lần**. Kế thừa những lợi ích đó, Vinamilk đã mở rộng từ **5 nhà máy năm 2013 lên thành 10 nhà máy trong năm 2015** sử dụng nguồn năng lượng này.

Biomass	2012	2013	2014	2015
(Tấn hơi)	32.413	97.061	118.527	184.256
Bình quân (tấn hơi)/tấn sản phẩm	0,04	0,12	0,14	0,19



SỬ DỤNG
184.256 TẤN HƠI NƯỚC BẢO HÒA
TỪ NGUỒN NĂNG LƯỢNG SINH KHỐI



GIẢM PHÁT THẢI
47.518 TẤN CO₂



Bạn có biết?

- Sinh khối là các phế phẩm từ nông nghiệp (rơm rạ, bã mía, vỏ, xơ bắp...), phế phẩm lâm nghiệp (lá khô, vụn gỗ...), giấy vụn, mêtan từ các bãi chôn lấp, trạm xử lý nước thải, phân từ các trại chăn nuôi gia súc và gia cầm. Sinh khối chứa năng lượng hóa học, nguồn năng lượng từ mặt trời tích lũy trong thực vật qua quá trình quang hợp.
- Đây là một nguồn năng lượng khá hấp dẫn với nhiều ích lợi to lớn cho môi trường .
 - Có thể tái sinh được.
 - Tận dụng chất thải làm nhiên liệu. Do đó, vừa làm giảm lượng rác vừa biến chất thải thành sản phẩm hữu ích.
- Làm giảm sự thay đổi khí hậu bất lợi, giảm hiện tượng mưa axit, giảm sức ép về bãi chôn lấp...



MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG (tiếp theo)



NĂNG LƯỢNG BIOGAS TẠI CÁC TRANG TRẠI CÁCH MẠNG NÂU CHO NĂNG LƯỢNG XANH

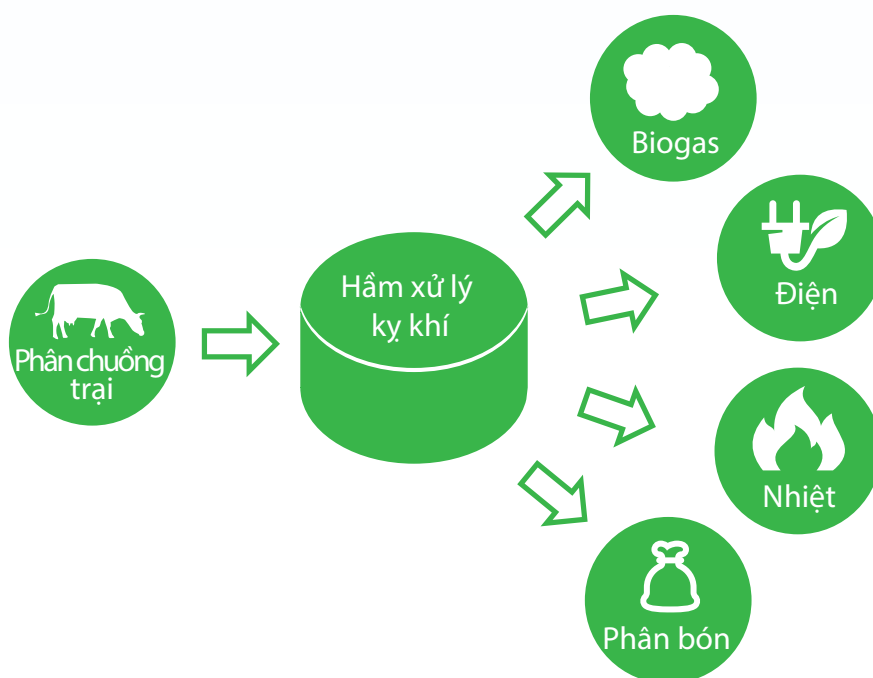
BIOGAS

Được mệnh danh là “Cuộc cách mạng nâu” trong lĩnh vực năng lượng mới (The Brown Revolution), Biogas hiện nay được nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi trên thế giới, đặc biệt ở các nước đang phát triển có khí hậu nhiệt đới (Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil, Nepal, Kenia, Thái Lan, Việt Nam...)

Không chỉ xử lý chất thải hữu cơ, làm sạch môi trường, phát triển Biogas còn cung cấp bã thải là phân bón có giá trị cao cho nông nghiệp, tăng độ phì cho đất.

Với hàng loạt những lợi ích về kinh tế - xã hội và môi trường như trên, Biogas hứa hẹn tiềm năng to lớn trong việc góp phần giải quyết vấn đề chất đốt sinh hoạt hiện nay.

Năm 2015, nguồn năng lượng từ Biogas thu hồi tận dụng từ hệ thống xử lý nước thải các trang trại lên đến 8.898.259 kwh.





CNG - GIẢI PHÁP NĂNG LƯỢNG TẠI VINAMILK TRONG THỜI GIAN QUA

CNG

Tiếp tục duy trì việc sử dụng khí CNG tại 4 nhà máy và áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng. Năm 2015, lượng khí CNG tiêu thụ trên mỗi đơn vị sản phẩm tại Vinamilk là 0,39 (MMBTU)/tấn sản phẩm.

CNG	2012	2013	2014	2015
MMBTU	16.231	380.737	415.871	379.255

Với việc kết hợp duy trì và sử dụng Biomass và CNG trong sản xuất đã thay thế 24.489 tấn dầu FO đồng thời nguồn năng lượng tiết kiệm được tương đương 224.241.300 Mega Jun trong năm 2015, tăng 21% so với năm 2014.



Bạn có biết?

CNG là khí thiên nhiên nén, thành phần chủ yếu là CH_4 - metane (chiếm 85% - 95%) được lấy từ những mỏ khí thiên nhiên, mỏ dầu (khí đồng hành) hoặc khí nhà máy (thu được trong quá trình sản xuất của các nhà máy lọc dầu), qua xử lý và nén ở áp suất cao (200 đến 250 bar) để tồn trữ vào bồn chuyên dụng và vận chuyển tới các nơi tiêu thụ... Do thành phần đơn giản, dễ xử lý để loại bỏ các hợp chất độc hại như SO_x , NO_x , CO_2 , không có benzene và hydrocarbon thơm kèm theo, nên khi đốt nhiên liệu này không giải phóng nhiều khí độc như SO_2 , NO_2 , $CO...$, và hầu như không phát sinh bụi. Vì vậy, sử dụng CNG thay thế các nhiên liệu truyền thống như than, dầu sẽ bảo vệ môi trường và giảm chi phí.



MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG (tiếp theo)

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG NHỮNG BƯỚC ĐI VỮNG CHẮC TRÊN LỘ TRÌNH BỀN VỮNG

Tại các nhà máy, năm 2015 có 31 sáng kiến tiết kiệm điện năng lượng được triển khai, tiết kiệm được 4.900 triệu đồng. Chỉ tiết các sáng kiến vui lòng tham khảo Phụ lục Báo cáo thực hiện các giải pháp, sáng kiến cải tiến tiết kiệm năng lượng năm 2015.

Các sáng kiến nổi bật

- Thu hồi nước làm mát sữa hệ thống UHT Stork, tiết kiệm được 372,1 triệu đồng.
- Thu hồi nhiệt khói thải của các lò hơi tiết kiệm được 603,8 triệu đồng, tương đương 12,3% tổng chi phí tiết kiệm được.
- Thiết kế bơm nạp dầu máy nén lạnh (phục vụ công tác châm dầu thêm không cần phải chạy máy nén lạnh).

- Cải tạo hệ thống điều khiển chiếu sáng theo thời gian sản xuất phòng rót và khu vực DE A1, điều khiển tự động theo thời gian sản xuất.
- Quy hoạch lại hệ thống khí nén: Chuyển tất cả các máy nén khí tập trung về khu vực ĐL1. Cài đặt áp suất và phương thức hoạt động của các máy nén.

Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống trang trại

Bằng việc áp dụng vận hành máy móc thiết bị tại các giò cao điểm khác nhau để giảm chi phí điện năng, giảm tải giò cao điểm và thực hiện tiết kiệm điện năng bằng biện pháp kỹ thuật và biện pháp hành chính, năm 2015, tổng năng lượng tiết kiệm được ở các trang trại gấp 2,27 lần năm 2014.

Tổng năng lượng tiêu thụ trên một đơn vị sản phẩm qua các năm	2014	2015	So sánh
• Dầu DO (kg/tấn sp)	39,92	9,15	↓ 77%
• Điện (kwh/tấn sp)	778	252	↓ 68%
Tổng năng lượng tiết kiệm được nhờ vào các phương pháp áp dụng (Kw) điện	40.873	93.092	↑ 2,27 lần

PHÁT THẢI

Việt Nam là 1 trong 5 quốc gia chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu. GDP hàng năm thiệt hại khoảng 1,5% do thiên tai và cả tác động của biến đổi khí hậu. Theo kịch bản về biến đổi khí hậu, cuối thế kỷ này, tức năm 2100 thì nhiệt độ trung bình của nước ta sẽ tăng 2-3 độ C và mực nước biển có thể cao lên khoảng 1m so với giai đoạn 1980 đến 1999. Nếu nước biển tăng lên cao 1m, tình trạng ngập úng sẽ diễn ra trên diện rộng. Đồng bằng sông Cửu Long sẽ ngập đến 39% diện tích, thành phố Hồ Chí Minh sẽ ngập khoảng 20% diện tích, các tỉnh Đồng bằng sông Hồng có biến ngập khoảng 10%, các tỉnh miền Trung khoảng 3%. 10% dân số Việt Nam cũng sẽ chịu tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu.

“Việt Nam vẫn cam kết giảm 8% lượng phát thải khí nhà kính vào năm 2030”, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng khẳng định tại Hội nghị lần thứ 21 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP 21) tại Paris, Pháp.

Trách nhiệm với môi trường được thể hiện không chỉ qua chính sách, tuyên ngôn trên báo cáo mà thể hiện xuyên suốt trong mọi hoạt động. Từ việc đầu tư hệ thống xử lý tương ứng với công suất, đến việc giám sát xử lý và xả thải ra môi trường theo đúng yêu cầu pháp luật và tận dụng các nguồn thải một cách thích hợp. Tất cả đều thể hiện sự chân thành của Vinamilk trong việc chung tay bảo vệ môi trường.

Phát thải tại các nhà máy

Năm 2015 với việc mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng sản lượng, Vinamilk vẫn đảm bảo các hoạt động phát thải được kiểm soát và hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường bằng việc xử lý các nguồn thải theo đúng yêu cầu của pháp luật.

Tiêu chí báo cáo	2013	2014	2015
Tổng sản lượng	814.387	843.557	977.719
Khối lượng chất thải nguy hại			
Chất thải lỏng nguy hại (lít)	17.149	26.008	22.985
Chất thải rắn (kg)	35.248	24.942	30.060
Khối lượng chất thải không nguy hại			
Chất thải lỏng (m ³)	2.731.112	2.790.618	2.931.953
+Thải trực tiếp ra môi trường bên ngoài	829.359	1.601.638	1.776.619
+ Thải ra khu xử lý chung của Khu công nghiệp	1.901.753	1.188.980	1.155.334
Chất thải rắn (kg)	4.896.454	5.160.834	6.372.551
Bùn thải (tấn)	3.125	3.047	5.022
Phát thải CO ₂ (kg) (số liệu quy đổi)	89.566.251	88.670.776	89.953.626

Số liệu về phát thải tại các nhà máy có điều chỉnh so với năm 2014 do thay đổi trong phương pháp tính.

Tỷ lệ	2013	2014	2015
Chất thải rắn không nguy hại (kg)/tấn sản phẩm	6,01	6,12	6,52
Chất thải lỏng không nguy hại (m³)/tấn sản phẩm	3,35	3,31	3,00
Bùn thải (tấn)/tấn sản phẩm	0,00	0,00	0,01
Chất thải rắn nguy hại (kg)/tấn sản phẩm	0,04	0,03	0,03
Chất thải lỏng nguy hại (lít)/tấn sản phẩm	0,02	0,03	0,02
Nước sử dụng (m ³)/tấn sản phẩm	4,56	4,58	4,25
Nước tái sử dụng (m ³)/tấn sản phẩm	4,19	3,53	3,22
Phát thải CO ₂ (kg)/tấn sản phẩm (số liệu quy đổi)	110	105	92



MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG (tiếp theo)

Phát thải tại các trang trại

Tất cả 7 trang trại đều được đăng ký nước thải theo QCVN 39:2011/BTNMT (nước thải dùng cho tưới tiêu) không xả thải ra môi trường. Toàn bộ lượng thải sau khi qua hệ thống xử lý Biogas được chứa trong các hồ lót bạt HDPE và tái sử dụng phục vụ tưới tiêu đồng cỏ của trang trại và đồng cỏ của người dân vùng lân cận (không xả thải ra môi trường).

Chất thải lỏng:

Toàn bộ nước tắm bò, bê, vệ sinh máy móc thiết bị, phân, nước tiểu bò... sẽ được thu gom và theo các mương chảy về tập trung tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải, tại đây hỗn hợp nước thải được bơm lên máy tách phân, phần phân, chất rắn được tách ra khỏi dung dịch nước và đưa vào nhà chứa phân tập trung. Toàn bộ lượng phân sau khi tách được chứa và ủ trong nhà chứa phân. Phân sau ủ được bán cho nông dân vùng lân cận và bón đồng cỏ của trang trại.

Lượng nước thải sau khi qua máy tách phân được đưa vào xử lý yếm khí (Biogas), sau đó nước được chứa trong hồ sinh học có lót bạt HDPE chống thấm thấu và sử dụng cho mục đích tưới tiêu (không thải ra môi trường) tiêu chuẩn nước sau xử lý đạt QCVN 39:2011/BTNMT (tiêu chuẩn nước dùng cho tưới tiêu).

Chất thải rắn:

Rác thải sinh hoạt:

Toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất đều được thu gom đưa về khu tập trung, rác được chứa trong các thùng chuyên dùng có nắp đậy và sẽ được đơn vị chức năng đến thu gom theo định kỳ.

Chất thải nguy hại:

7 trang trại đều có kho chứa chất thải nguy hại, tất cả rác thải phát sinh trong quá trình sản xuất như: dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu, lọ thuốc thú y, kim tiêm, bóng đèn... được thu gom đưa về kho chứa và được phân loại chi tiết, mỗi loại chất thải đều được chứa trong từng thùng riêng biệt có biển báo và nhãn dạng. Các trang trại đều ký hợp đồng với nhà thầu bên ngoài cho chức năng về xử lý chất thải theo luật định và định kỳ hàng tháng, quý các nhà thầu đến trang trại thu gom và xử lý.

Chất thải khí:

Tất cả các trang trại đều dùng chế phẩm sinh học để khử mùi đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường về mùi.

Tiêu chí báo cáo	2013	2014	2015
Tổng khối lượng chất thải qua từng năm, bao gồm rắn - lỏng - khí:			
+ Rắn (kg)	17.992.525	20.801.237	26.637.419
+ Lỏng (lít)	201.680.572	258.338.263	323.930.751
Tổng khối lượng chất thải qua từng năm, bao gồm rắn - lỏng - khí phân loại theo phương pháp xử lý		276.262.201	350.542.011
Tỷ lệ chất thải nguy hại trong tổng lượng chất thải		0,49 %	0,0019 %
Lượng chất thải trên 1 đơn vị sản phẩm qua các năm (kg/tấn sp)		48.936	9.948

NƯỚC

3/4 diện tích Trái đất được bao phủ bởi nước. Tuy nhiên, lượng nước ngọt trên Trái đất chỉ chiếm một lượng rất nhỏ (khoảng 2-3%). Với chủ đề “Nước là cốt lõi của phát triển bền vững”, ngày Nước thế giới năm 2015 hướng đến kêu gọi sự quan tâm của cộng đồng về mối liên hệ giữa phát triển bền vững và tài nguyên nước.

Vinamilk cũng trân trọng giá trị của tài nguyên nước, bên cạnh việc áp dụng các biện pháp tiết kiệm để bảo vệ nguồn tài nguyên nước và đưa ra các sáng kiến tái sử dụng nguồn nước.



Tiêu chí đo lường	2013	2014	2015
Tổng khối lượng nước sử dụng theo từng nguồn (m³):	4.111.163	4.247.455	4.801.848
+ Khai thác nước ngầm	1.894.055	2.095.129	2.426.281
+ Mua từ đơn vị cung cấp nước	2.109.433	2.044.651	2.267.892
+ Nước hồ tự nhiên	107.675	107.675	107.675
+ Sản xuất	3.711.163	3.860.330	4.159.123
+ Chăn nuôi	400.000	387.125	642.725
Bình quân trong sản xuất (m ³ /tấn sp)	4,56	4,58	4,25
Bình quân trong chăn nuôi (m ³ /1000L sữa tươi)	16,70	13,13	15,99
Tái chế/tái sử dụng trong sản xuất			
+ Tỷ lệ	4,19%	3,53%	3,22%
Tái chế/tái sử dụng trong chăn nuôi			
+ Tỷ lệ	100%	100%	100%



HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Ổn định sản xuất, phát triển kinh doanh, xây dựng văn hóa, cải tiến không ngừng, Vinamilk đồng thời áp ủ hình ảnh một thương hiệu gắn liền với hỗ trợ và phát triển cộng đồng như một lời tri ân. Năm 2015, tiếp nối truyền thống và vun đắp thêm cho những giá trị ấp ủ, những hoạt động, chương trình hướng tới mục tiêu **“Vinamilk - Doanh nghiệp vì cộng đồng”** ngày càng được đẩy mạnh.



VINAMILK - VÌ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM VIỆT NAM

Quý sữa “Vườn cao Việt Nam”: Trao yêu thương - thêm gắn kết

Được thành lập từ năm 2008, đến nay, Quý sữa Vườn cao Việt Nam gắn với chiến lược phát triển trao 2 triệu ly sữa đến hơn 23 nghìn trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại các trung tâm bảo trợ xã hội, trung tâm nhà mồ, khuyết tật trên toàn quốc. Tính đến thời điểm hiện tại, chương trình Quý sữa Vườn cao Việt Nam đã trao 1.961.730 ly sữa nước cho tổng số 21.797 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn tại 727 cơ sở thuộc 63 tỉnh, thành phố trên cả nước.

Trong năm 2015, Quý sữa Vườn cao Việt Nam đã tổ chức 3 sự kiện tại: Nghệ An (27/7/2015), Lâm Đồng (26/9/2015) và Bến Tre (2/12/2015).

Qua đó cho thấy cam kết của Vinamilk đối với các thế hệ người Việt, đặc biệt là trẻ em Việt Nam với mong muốn mọi trẻ em đều được uống sữa mỗi ngày và phát triển về thể chất cũng như trí não.





HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)

CHUNG TAY BẢO VỆ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Trong gần 40 năm có mặt tại thị trường Việt Nam, không chỉ mang đến cho người tiêu dùng nhiều sản phẩm có lợi cho sức khỏe, Vinamilk còn luôn luôn quan tâm đến các hoạt động hướng về cộng đồng:

- Chung tay cùng Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo TP. HCM trong chương trình “Cứu trẻ em bệnh tim bẩm sinh” nhằm mang đến cho trẻ em nghèo không may bị bệnh tim trở lại cuộc sống bình thường.
- Trong năm 2015, Vinamilk đã tổ chức 26 buổi hội thảo chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi và tư vấn sử dụng các sản phẩm sữa tốt cho sức khỏe, thông qua Hội Bảo vệ người tiêu dùng, Hội Phụ nữ, Hội Người cao tuổi, Hội Cựu chiến binh các địa phương: Khánh Hòa, Đà Nẵng, Quảng Nam, Hà Nội, Nghệ An, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, TP. HCM, Đắk Lắk, Long An, Tiền Giang, Đồng Nai, Bình Dương, Bến Tre...
- Vinamilk còn thành lập các trung tâm tư vấn dinh dưỡng sức khỏe trên cả nước, có chuyên trang về Dinh dưỡng - Sức khỏe, thường xuyên cập nhật và đăng tải các bài tư vấn sức khỏe từ các bác sĩ hàng đầu Việt Nam và các tài liệu Y khoa đáng tin cậy trên thế giới.
- Cuối năm 2015, Vinamilk đã ký kết hợp tác chiến lược với Viện Dinh dưỡng Quốc gia cho dự án “Hỗ trợ thực hiện mô hình điểm cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng bệnh viện và suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em tại cộng đồng”.
- Hỗ trợ kinh phí chữa bệnh: Công đoàn của các đơn vị của Vinamilk cũng đã tham gia hỗ trợ kinh phí chữa bệnh cho các trường hợp ốm đau, bệnh nan y, bệnh tật hiếm nghèo ở các địa phương và ở các bệnh viện với kinh phí khoảng 956 triệu đồng, một phần được trích ra từ kinh phí hoạt động của Vinamilk và một phần đến từ sự đóng góp của toàn thể cán bộ công nhân viên.
- Ngoài ra, Vinamilk cũng phụng dưỡng nhiều Bà mẹ Việt Nam anh hùng tại Quảng Nam, Bến Tre...; Khám và cung cấp sữa miễn phí hàng năm cho hàng nghìn lượt trẻ em, học sinh tiểu học và đối tượng suy dinh dưỡng; Hỗ trợ cho các em bé mồ côi, phẫu thuật miễn phí cho trẻ sút cân, hở hàm ếch...
- Đồng hành cùng chương trình “Hành trình 10 năm 2015”: Hàng năm, các cán bộ nhân viên của Vinamilk đều tích cực tham gia hiến máu nhân đạo. Năm 2015, có tổng cộng 850 đơn vị máu được hiến.





“

Ngoài việc chăm lo dinh dưỡng cho cộng đồng thì môi trường sống, xanh, sạch đẹp để nâng cao sức khỏe cho người dân cũng chính là sự quan tâm, là mục tiêu hướng đến của Vinamilk trong suốt những năm qua.

”

Bà Bùi Thị Hương - Giám đốc Điều hành Vinamilk

CHUNG TAY CÙNG CỘNG ĐỒNG, VÌ MỘT TƯƠNG LAI XANH

Quý 1 triệu cây xanh cho Việt Nam

Sau 4 năm thực hiện chương trình, Quý 1 triệu cây xanh cho Việt Nam đã thực hiện trồng cây tại 20 tỉnh thành trên cả nước, với tổng số hơn 250.000 cây xanh các loại.

Chương trình năm 2015 đã thực hiện trồng hơn 13.000 cây xanh tại Khu mộ Đại Tướng Võ Nguyên Giáp tại Quảng Bình vào ngày 6/3/2015; Trồng 5.610 cây sao đen, cây keo vào ngày 26/7 tại Ngã ba Đồng Lộc, Hà Tĩnh và gần 11.000 cây tại Khu di tích đường Hồ Chí Minh trên biển tại Bến Tre vào ngày 2/12/2015.

Hỗ trợ đồng bào gặp thiên tai lũ lụt

Ngoài ra, Vinamilk còn tham gia ủng hộ chương trình “Tấm lưới nghĩa tình” vì ngư dân Hoàng Sa, Trường Sa với số tiền trị giá 300 triệu đồng. Ủng hộ hàng tỷ đồng cho cán bộ, chiến sĩ cảnh sát biển và lực lượng kiểm ngư Việt Nam trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.





HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)

TUÂN THỦ

Tuân thủ luật pháp, quy tắc ứng xử và các chính sách, quy định của Công ty là một trong năm giá trị cốt lõi của Vinamilk. Trong đó, khía cạnh tuân thủ luật pháp và các quy định pháp luật luôn được Vinamilk chú trọng đặt lên hàng đầu.

Tất cả các hoạt động, giao dịch liên quan đến luật định đều được bộ phận Pháp lý soát xét và đánh giá đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và các chế định liên quan.

Bên cạnh đó, hoạt động kiểm toán nội bộ cũng là một trong các phương thức để Công ty rà soát việc tuân thủ pháp luật.

Trong năm 2015, không có khoản phạt đáng kể nào phát sinh liên quan đến việc không tuân thủ luật pháp và quy định.



CHỐNG HẠN CHẾ CẠNH TRANH, CHỐNG ĐỘC QUYỀN

Vinamilk luôn tôn trọng việc cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp. Cạnh tranh lành mạnh sẽ tạo động lực cho các doanh nghiệp tiến bộ, phát triển và từ đó mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng, người tiêu dùng. Điều này được thể hiện rõ trong Chính sách về Cạnh tranh và Bộ Quy tắc ứng xử của Công ty.

Trích Bộ Quy tắc ứng xử của Vinamilk:

Luật cạnh tranh

Luật cạnh tranh đảm bảo sự công bằng và rộng mở cho việc tham gia thương trường của tất cả các doanh nghiệp/lĩnh vực không chiếm vị thế độc quyền, chi phối. Nhận thức rất rõ điều đó, Vinamilk ủng hộ và cam kết tuân thủ Luật cạnh tranh.

Vinamilk sẽ luôn cạnh tranh trên nguyên tắc trung thực, không xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

Vinamilk cam kết không thực hiện những hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Cụ thể như: không đưa ra bất kỳ nhận xét sai lệch nào về sản phẩm của đối thủ cạnh tranh; không thu thập thông tin bí mật của đối thủ cạnh tranh bằng những cách thức không hợp pháp hoặc phi đạo đức; không thực hiện những hành vi làm giảm, sai lệch hay cản trở cạnh tranh trên thị trường.

Trong kỳ, không phát sinh các vụ tranh chấp liên quan đến hành vi hạn chế cạnh tranh và độc quyền.

CHỐNG THAM NHỮNG VÀ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Quy tắc ứng xử của Vinamilk là cam kết sự chính trực, minh bạch trong tất cả các mối quan hệ với các cơ quan chính phủ, đối tác, nhà cung cấp. Quy tắc này được truyền đạt đến tất cả nhân viên của Vinamilk.

Đối với việc chống xung đột lợi ích trong hoạt động và các giao dịch, Vinamilk đã triển khai các biện pháp, giải pháp nhằm ngăn ngừa và phát hiện các hành vi xung đột lợi ích:

- Tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và tất cả các cấp quản lý đều thực hiện kê khai các thông tin liên quan đến việc đánh giá khả năng xung đột lợi ích với Công ty theo Chính sách về Quản lý giao dịch các bên liên quan của Công ty với định kỳ 6 tháng và ngay khi có sự thay đổi thông tin.

- Các Nhà thầu khi tham gia vào các gói thầu do Vinamilk phát hành cần thực hiện kê khai về các thông tin để đánh giá xung đột lợi ích và cam kết không cung cấp các khoản lợi ích dưới bất kỳ hình thức nào đối với các nhân viên Vinamilk. Các Nhà thầu được đánh giá là có xung đột lợi ích thì sẽ không được tiếp tục lựa chọn tham gia giao dịch với Vinamilk.

- Định kỳ, các báo cáo giao dịch của Vinamilk với các bên liên quan (bao gồm cả giao dịch với các công ty con) được lập và gửi đến Ban Kiểm soát.

Các chính sách, quy trình kiểm soát về chống xung đột lợi ích đều được triển khai đến tất cả các cấp nhân viên.

Trong kỳ, không phát sinh vụ việc nào liên quan đến tham nhũng và xung đột lợi ích.

Có thể nói, với những thành quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã đạt được trong năm 2015, cùng với những chương trình đầy ý nghĩa nhân văn với xã hội và cộng đồng đang giúp Vinamilk bước đi từng bước vững chắc, không chỉ giúp duy trì được vị thế của Công ty Sữa số 1 tại Việt Nam, mà còn giúp Vinamilk tiến gần hơn tới mục tiêu trở thành 1 trong 50 Công ty Sữa hàng đầu thế giới trong một tương lai không xa.

DANH MỤC ĐỐI CHIẾU G4

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015	Trang
TIÊU CHUẨN CHUNG			
CHIẾN LƯỢC VÀ PHÂN TÍCH			
G4-1	Đưa ra tuyên bố của người ra quyết định cao nhất của tổ chức, Chủ tịch hoặc vị trí cấp cao về sự liên quan của phát triển bền vững với tổ chức và chiến lược của tổ chức về phát triển bền vững.	✓	5
G4-2	Đưa ra các mô tả về tác động, rủi ro và cơ hội chính.	✓	5
HỒ SƠ TỔ CHỨC			
G4-3	Tên công ty.	✓	9
G4-4	Các thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ chính.	✓	10&11
G4-5	Trụ sở chính.	✓	16
G4-6	Số lượng các quốc gia công ty có hoạt động, tên các quốc gia hoặc các khu vực hoạt động chủ yếu hoặc khu vực có liên quan đến vấn đề phát triển bền vững được đề cập trong báo cáo.	✓	14&32
G4-7	Loại hình sở hữu và hình thức pháp lý.	✓	9&14
G4-8	Thị trường kinh doanh. (theo khu vực địa lý, theo phân khúc thị trường, đối tượng khách hàng)	✓	14&17
G4-9	Quy mô Công ty.	✓	14,16&17
G4-10	Báo cáo về lực lượng lao động.	✓	19
G4-11	Tỷ lệ phần trăm tổng số người lao động được bao gồm trong các Thỏa ước lao động tập thể.	<input checked="" type="checkbox"/>	
G4-12	Mô tả chuỗi cung ứng của tổ chức.	✓	20&21
G4-13	Bất kể thay đổi nào đáng kể trong kỳ báo cáo liên quan đến quy mô, cấu trúc, quyền sở hữu hoặc chuỗi cung ứng.	✓	26&27
G4-14	Báo cáo tổ chức có đưa ra phương pháp phòng ngừa hoặc nguyên tắc phòng ngừa hay không áp dụng xử lý thế nào.	✓	28&29
G4-15	Liệt kê các điều khoản, nguyên tắc về kinh tế, môi trường, xã hội được phát triển bên ngoài tổ chức hoặc các sáng kiến khác mà tổ chức tán thành và ủng hộ.	✓	15
G4-16	Liệt kê quyền hội viên trong các hiệp hội và các tổ chức vận động trong nước và quốc tế mà tổ chức nắm giữ.	<input checked="" type="checkbox"/>	
XÁC ĐỊNH CÁC RANH GIỚI TRỌNG YẾU			
G4-17	Liệt kê các đơn vị bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức hoặc tài liệu tương đương. Báo cáo về việc một đơn vị nào đó có trong các báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức hoặc tài liệu tương đương không được đề cập trong báo cáo hay không.	✓	32

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015	Trang
G4-18	Giải thích quy trình xác định nội dung báo cáo và ranh giới các lĩnh vực Giải thích cách tổ chức đã triển khai các nguyên tắc báo cáo cho việc xác định nội dung báo cáo như thế nào.	✓	34
G4-19	Liệt kê tất cả các lĩnh vực trọng yếu đã xác định trong quy trình xác định nội dung báo cáo.	✓	34&35
G4-20	Với mỗi lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực trong tổ chức.	✓	34&35
G4-21	Với mỗi lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực bên ngoài tổ chức.	✓	32&33
G4-22	Báo cáo tác động của bất kỳ việc trình bày lại thông tin đã cung cấp nào trong báo cáo trước đó, và những nguyên nhân của việc trình bày lại đó.	☒	
G4-23	Báo cáo những thay đổi đáng kể về Quy mô và các Ranh giới lĩnh vực so với các giai đoạn báo cáo trước đây.	☒	
SỰ THAM VẤN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN			
G4-24	Cung cấp danh sách các nhóm liên quan được tổ chức mời tham gia.	✓	32-33
G4-25	Báo cáo cơ sở của việc xác định và lựa chọn các bên liên quan để mời tham gia.	✓	32-33
G4-26	Báo cáo phương pháp tiếp cận của tổ chức với sự tham vấn của các bên liên quan, bao gồm tần suất tham gia theo loại và các nhóm liên quan, và chỉ ra có sự tham vấn nào đã được triển khai đặc biệt trong khuôn khổ của quy trình lập báo cáo hay không.	✓	32-33
G4-27	Báo cáo các chủ đề và mối quan ngại chính đã được đưa ra thông qua sự tham vấn của các bên liên quan, và tổ chức đã phản ứng như thế nào đối với các chủ đề và mối quan ngại chính này, bao gồm cả các báo cáo mà tổ chức đã công bố. Báo cáo về các bên liên quan đã đưa ra từng chủ đề và mối quan ngại chính.	✓	32-33
HỒ SƠ BÁO CÁO			
G4-28	Giai đoạn báo cáo (như năm tài chính hoặc năm theo lịch) dành cho thông tin được cung cấp.	✓	32
G4-29	Ngày lập báo cáo trước đây gần nhất (nếu có).	✓	32
G4-30	Chu kỳ báo cáo (quý, nửa năm, hàng năm ...).	✓	32
G4-31	Thông tin liên hệ nếu có câu hỏi/ thắc mắc liên quan đến báo cáo hay nội dung của báo cáo.	✓	35
G4-32	a. Báo cáo phương án 'phù hợp' mà tổ chức đã chọn. b. Báo cáo Bảng chú dẫn Mục lục GRI dành cho phương án đã chọn (xem các bảng dưới đây). c. Báo cáo tài liệu tham chiếu đến Báo cáo Đảm bảo Bên ngoài, nếu báo cáo này đã được đảm bảo bên ngoài (GRI khuyến khích sử dụng đảm bảo bên ngoài nhưng đó không phải là yêu cầu để 'phù hợp' với Hướng dẫn).	✓	106-117

DANH MỤC ĐỐI CHIẾU G4
(tiếp theo)

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015	Trang
G4-33	<p>a. Báo cáo chính sách và thông lệ hiện hành của tổ chức về việc sử dụng đảm bảo bên ngoài cho báo cáo.</p> <p>b. Nếu không được bao gồm trong báo cáo đảm bảo kèm theo báo cáo phát triển bền vững, báo cáo quy mô và cơ sở của bất kỳ đảm bảo bên ngoài được cung cấp nào.</p> <p>c. Báo cáo mối quan hệ giữa tổ chức và các nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo.</p> <p>d. Báo cáo liệu có cấp quản trị cao nhất hoặc cấp điều hành cao có tham gia vào việc tìm kiếm đảm bảo cho báo cáo phát triển bền vững của tổ chức hay không.</p>	☒	
QUẢN TRỊ			
G4-34	Cơ cấu quản trị, quản lý của tổ chức, bao gồm cả các ủy ban của cơ quan quản lý cao nhất, chịu trách nhiệm cho các trách nhiệm cụ thể.	✓	26-29
G4-35	Báo cáo quy trình ủy quyền cho các chủ đề về kinh tế, môi trường và xã hội từ cơ quan quản trị cao nhất đến các Giám đốc Điều hành cấp cao và các nhân viên khác.	✓	28&29
G4-36	Báo cáo liệu tổ chức đã chỉ định vị trí cấp điều hành hoặc các vị trí chịu trách nhiệm về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội hay không, và những người nắm giữ các vị trí đó có báo cáo trực tiếp cho các cơ quan quản trị cao nhất hay không.	✓	28&29
G4-37	Báo cáo quy trình tham vấn giữa các bên liên quan và cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, xã hội, môi trường. Nếu việc tham vấn được ủy quyền thì mô tả người được ủy quyền là ai và bất kỳ quy trình phản hồi cho cơ quan quản trị cao nhất nào.	✓	33
G4-38	Báo cáo thành phần của cơ quan quản trị cao nhất và các ủy ban của cơ quan này.	✓	26-31
G4-39	Báo cáo Chủ tịch của cơ quan quản trị cao nhất có phải Giám đốc Điều hành hay không (và, nếu có, chức năng của Chủ tịch trong quá trình hoạt động quản trị của tổ chức và lý do sự sắp xếp này).	✓	26
G4-40	Báo cáo các quy trình chỉ định và lựa chọn dành cho cơ quan quản trị cao nhất và các ủy ban của nó, và những tiêu chí sử dụng cho việc chỉ định và lựa chọn thành viên của cơ quan quản trị cao nhất.	✓	28&29
G4-41	Báo cáo quy trình dành cho cơ quan quản trị cao nhất để đảm bảo tránh và kiểm soát được xung đột lợi ích. Báo cáo liệu xung đột lợi ích có được công bố cho các bên liên quan hay không?	✓	105
G4-42	Báo cáo vai trò của cơ quan quản trị cao nhất và Giám đốc Điều hành cấp cao trong việc xây dựng, phê duyệt, và cập nhật mục đích, giá trị hoặc các tuyên bố sứ mệnh, chiến lược, chính sách và mục tiêu của tổ chức liên quan đến tác động kinh tế, môi trường và xã hội.	✓	23&29
G4-43	Báo cáo các biện pháp được triển khai để phát triển và tăng cường kiến thức tổng hợp của cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội.	☒	

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015	Trang
G4-44	<p>a. Báo cáo các quy trình đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan quản trị cao nhất về công tác quản trị các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội. Báo cáo công tác đánh giá như trên có độc lập hay không và tần suất đánh giá. Báo cáo công tác đánh giá như trên có phải là hình thức tự đánh giá hay không.</p> <p>b. Báo cáo các hành động được triển khai để đáp ứng công tác đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan quản trị cao nhất về công tác quản trị các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội, bao gồm, tối thiểu, những thay đổi trong quyền thành viên và thực hành của tổ chức.</p>	✓	29
G4-45	<p>a. Báo cáo vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc xác định và quản trị các tác động, rủi ro và cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội.</p> <p>b. Báo cáo hoạt động tham vấn của các bên liên quan có được sử dụng để hỗ trợ việc xác định và quản trị các tác động rủi ro và cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội của cơ quan quản trị cao nhất hay không.</p>	✓	28&29
G4-46	Báo cáo vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc rà soát lại tính hiệu quả của các quy trình quản trị rủi ro của tổ chức đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội.	✓	28&29
G4-47	Báo cáo tần suất rà soát lại các tác động, rủi ro về cơ hội kinh tế, môi trường và xã hội của cơ quan quản trị cao nhất.	✓	28&29
G4-48	Báo cáo ủy ban hoặc người nắm vị trí cao nhất trong việc rà soát và phê duyệt chính thức báo cáo phát triển bền vững của tổ chức và đảm bảo rằng tất cả các Lĩnh vực trọng yếu đều được đề cập trong báo cáo.	✓	5
G4-49	Báo cáo quy trình truyền đạt các quan ngại cấp bách nhất đến cơ quan quản trị cao nhất.	<input checked="" type="checkbox"/>	
G4-50	Báo cáo bản chất và tổng số các mối quan ngại cấp bách đã được truyền đạt tới cơ quan quản trị cao nhất và cơ chế sử dụng để xử lý và giải quyết các mối quan ngại này.	<input checked="" type="checkbox"/>	
G4-51	<p>Chính sách thù lao cho cơ quan quản trị cao nhất và Giám đốc Điều hành cấp cao.</p> <p>Báo cáo tiêu chí hiệu quả hoạt động trong chính sách thù lao liên quan đến những mục tiêu kinh tế, môi trường, xã hội của cơ quan quản trị cao nhất và Giám đốc Điều hành cấp cao.</p>	✓	28-29
G4-52	Báo cáo quy trình quyết định mức thù lao. Báo cáo về việc các nhà tư vấn về thù lao có tham gia vào việc quyết định mức thù lao hay không và họ có độc lập với ban quản trị hay không. Báo cáo bất kỳ mối quan hệ khác nào của các nhà tư vấn về thù lao với tổ chức.	✓	28-29
G4-53	Báo cáo quan điểm của các bên liên quan về thù lao, bao gồm các kết quả biểu quyết cho các chính sách và đề xuất thù lao.	<input checked="" type="checkbox"/>	
G4-54	Báo cáo Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm cho các cá nhân được trả lương cao nhất tại mỗi quốc gia có hoạt động trọng yếu trong tổng thù lao trung bình hàng năm cho tất cả người lao động.	<input checked="" type="checkbox"/>	

DANH MỤC ĐỐI CHIẾU G4 (tiếp theo)

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015	Trang
G4-55	Báo cáo Tỷ lệ phần trăm trong tổng thù lao hàng năm cho cá nhân được trả lương cao nhất tại mỗi quốc gia của cơ sở hoạt động trọng yếu so với phần trăm tăng trung bình trong tổng thù lao hàng năm cho tất cả người lao động.	<input checked="" type="checkbox"/>	
ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC			
G4-56	Mô tả các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực hành vi của tổ chức như bộ quy tắc ứng xử và bộ quy tắc đạo đức.	<input checked="" type="checkbox"/>	22-23 & 105
G4-57	Báo cáo cơ chế nội bộ và bên ngoài tổ chức để có được sự tu vấn về hành vi đạo đức và tuân thủ pháp luật, các vấn đề liên quan đến tính chính trực, như đường dây trợ giúp/đường dây tu vấn.	<input checked="" type="checkbox"/>	22-23 & 105
G4-58	Báo cáo cơ chế nội bộ và bên ngoài tổ chức cho việc báo cáo những mối quan ngại về hành vi không hợp đạo đức hoặc phi pháp và các vấn đề liên quan đến tính chính trực của tổ chức, như báo cáo vượt cấp lên cấp quản trị cao hơn, các cơ chế tố cáo và đường dây nóng.	<input checked="" type="checkbox"/>	105
TIÊU CHUẨN CỤ THỂ			
DANH MỤC: KINH TẾ			
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	<input checked="" type="checkbox"/>	49
EC1	Giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra và phân phối.	<input checked="" type="checkbox"/>	50-51 & 59
EC2	Tác động về mặt tài chính, các rủi ro và cơ hội khác trong hoạt động của tổ chức do biến đổi khí hậu.	<input checked="" type="checkbox"/>	
EC3	Phạm vi trách nhiệm của tổ chức về đáp ứng nghĩa vụ theo kế hoạch phúc lợi đã xác định của tổ chức.	<input checked="" type="checkbox"/>	
EC4	Những hỗ trợ tài chính nhận được từ Chính phủ.	<input checked="" type="checkbox"/>	
SỰ CÓ MẶT TRÊN THỊ TRƯỜNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	<input checked="" type="checkbox"/>	
EC5	Tỷ lệ tiền lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của địa phương ở những khu vực làm việc cụ thể.	<input checked="" type="checkbox"/>	
EC6	Tỷ lệ quản trị cấp cao thuê từ cộng đồng địa phương tại các điểm hoạt động trọng yếu.	<input checked="" type="checkbox"/>	
TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	<input checked="" type="checkbox"/>	49
EC7	Sự phát triển và tác động của việc đầu tư cơ sở hạ tầng và cung cấp các dịch vụ.	<input checked="" type="checkbox"/>	52-54
EC8	Mô tả các tác động gián tiếp về kinh tế chủ yếu, bao gồm cả phạm vi tác động.	<input checked="" type="checkbox"/>	52-59
PHƯƠNG THỨC MUA SẮM			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	<input checked="" type="checkbox"/>	

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015	Trang
EC9	Tỷ lệ chi tiêu cho các Nhà cung cấp địa phương tại các địa điểm hoạt động trọng yếu.	<input checked="" type="checkbox"/>	
DANH MỤC: MÔI TRƯỜNG			
VẬT LIỆU			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	<input checked="" type="checkbox"/>	
EN1	Vật liệu được sử dụng theo Khối lượng/ Trọng lượng.	<input checked="" type="checkbox"/>	
EN2	Phần trăm vật liệu được sử dụng là nguyên liệu đầu vào từ tái chế.	<input checked="" type="checkbox"/>	
NĂNG LƯỢNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	86-96
EN3	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức.	✓	90-96
EN4	Tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức.	<input checked="" type="checkbox"/>	
EN5	Cường độ năng lượng.	✓	90-96
EN6	Giảm tiêu thụ năng lượng.	✓	90-96
EN7	Cắt giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ	✓	90-96
NƯỚC			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	99
EN8	Tổng lượng nước khai thác phân loại theo nguồn.	✓	99
EN9	Các nguồn nước bị ảnh hưởng đáng kể bởi việc khai thác nước.	✓	99
EN10	Phần trăm và tổng khối lượng nước được tái chế và tái sử dụng.	✓	99
ĐA DẠNG SINH HỌC			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	<input checked="" type="checkbox"/>	
EN11	Vị trí và diện tích của đất, thuộc quyền sở hữu, cho thuê, quản lý là khu vực có đa dạng sinh học cao hoặc liền kề khu bảo tồn và các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao được bảo vệ.	<input checked="" type="checkbox"/>	
EN12	Mô tả các tác động của hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đến sự đa dạng sinh học trong khu vực được bảo tồn và các khu vực có đa dạng sinh học cao ngoài khu vực được bảo tồn.	<input checked="" type="checkbox"/>	
EN13	Môi trường sống tự nhiên được bảo tồn hoặc khôi phục.	<input checked="" type="checkbox"/>	
EN14	Số loài động thực vật trong danh sách đỏ của IUCN và danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong khu vực bị ảnh hưởng bởi hoạt động và mức độ nguy cơ tuyệt chủng.	<input checked="" type="checkbox"/>	
PHÁT THẢI			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	96&98
EN15	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1).	✓	96&98
EN16	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp năng lượng (Phạm vi 2).	✓	96&98

DANH MỤC ĐỐI CHIẾU G4 (tiếp theo)

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015	Trang
EN17	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3).	✓	96&98
EN18	Cường độ Phát thải khí nhà kính (GHG).	✓	96&98
EN19	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG).	✓	96&98
EN20	Các chất hủy diệt tầng OZON (ODS).	☒	
EN21	No _x , SO _x và các phát thải khí đáng kể khác.	☒	
NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	96&98
EN22	Tổng lượng nước thải theo chất lượng thải và nơi thải.	✓	96&98
EN23	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý.	✓	96&98
EN24	Tổng số lượng các vụ tràn (chất thải) và khối lượng tràn.	✓	96&98
EN25	Trọng lượng của chất thải vận chuyển, nhập khẩu, xuất khẩu, hoặc xử lý được coi là nguy hiểm theo các điều khoản của Công ước Basel Phụ lục I, II, III, và VIII, và tỷ lệ phần trăm chất thải vận chuyển quốc tế.	☒	
EN26	Nhận dạng kích cỡ, tình trạng bảo tồn đa dạng sinh học của các khu vực chứa nước và các môi trường sống liên quan bị ảnh hưởng đáng kể bởi việc thải nước và dòng nước thải của tổ chức.	☒	
THÔNG TIN VÀ NHÂN SẢNH PHẨM DỊCH VỤ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	60-71
EN27	Phạm vi giảm nhẹ tác động môi trường của sản phẩm và dịch vụ.	✓	60-71
EN28	Tỷ lệ phần trăm sản phẩm đã bán và vật liệu đóng gói chúng được tái chế theo danh mục.	☒	
TUÂN THỦ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	105
EN29	Tổng số tiền phạt và tổng số lần bị phạt (phi tài chính) do không tuân thủ quy định về môi trường và luật pháp.	✓	105
VẬN CHUYỂN			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	☒	
EN30	Các tác động đến môi trường chủ yếu trong quá trình vận chuyển các sản phẩm, hàng hóa và nguyên liệu khác được dùng cho hoạt động của tổ chức, quá trình di chuyển lực lượng lao động.	☒	
TỔNG THỂ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	89
EN31	Tổng chi phí và đầu tư cho môi trường theo từng loại.	✓	89
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA NHÀ CUNG CẤP			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	☒	

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015	Trang
EN32	Tỷ lệ phần trăm các NCC mới đã được đánh giá so bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường.	<input checked="" type="checkbox"/>	
EN33	Các tác động môi trường tiêu cực thực tế và tiềm ẩn đáng kể trong chuỗi cung ứng và các biện pháp đã triển khai.	<input checked="" type="checkbox"/>	
CO CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ MÔI TRƯỜNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	<input checked="" type="checkbox"/>	
EN34	Số lượng khiếu nại về các tác động môi trường đã nộp, đã xử lý và giải quyết thông qua cơ chế khiếu nại chính thức.	<input checked="" type="checkbox"/>	
DANH MỤC: XÃ HỘI			
CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM BỀN VỮNG			
VIỆC LÀM			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	72-73
LA1	Tổng số lượng và tỷ lệ người lao động thuê mới và luân chuyển lao động theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực.	✓	120
LA2	Phúc lợi đã cung cấp cho người lao động toàn thời gian không áp dụng cho người lao động tạm thời hoặc bán thời gian, theo địa điểm và hoạt động trọng yếu.	✓	78-79
LA3	Tỷ lệ quay lại làm việc và giữ lại sau khi nghỉ việc để chăm sóc con nhỏ mới sinh, theo giới tính.	✓	79
QUAN HỆ QUẢN TRỊ/ LAO ĐỘNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	81
LA4	Các thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động, bao gồm những việc thay đổi này có được nêu cụ thể trong các thoả thuận tập thể hay không.	✓	77
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	75
LA 5	Tỷ lệ phần trăm tổng lực lượng lao động trong các ủy ban về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.	✓	76
LA6	Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày nghỉ việc và tình trạng người lao động vắng mặt, và tổng số trường hợp tử vong liên quan đến công việc theo khu vực và giới tính.	✓	76
LA7	Người lao động có tỷ lệ hoặc nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp cao.	✓	76-77
LA8	Các chủ đề về an toàn và sức khỏe được nêu trong các thoả thuận chính thức với công đoàn.	✓	75-77
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	82

DANH MỤC ĐỐI CHIẾU G4
(tiếp theo)

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015	Trang
LA9	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên theo giới tính và theo danh mục người lao động.	✓	82
LA10	Các chương trình về quản trị kỹ năng và học tập dài hạn hỗ trợ khả năng tiếp tục làm việc của người lao động và giúp họ về việc chấm dứt quan hệ lao động.	✓	82-83
LA11	Phần trăm người lao động được nhận đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ, theo giới tính và theo danh mục người lao động.	✓	81
SỰ ĐA DẠNG VÀ CÁC CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG VỚI NHAU			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	74
LA 12	Thành phần các cơ quan quản lý và danh sách chi tiết người lao động trong từng danh mục người lao động theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số và các chỉ số về tính đa dạng khác.	✓	120
CÔNG BẰNG VÀ THÙ LAO CHO NAM VÀ NỮ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	74
LA 13	Tỉ lệ lương và thù lao cơ bản của lao động nữ so với lao động nam theo danh mục người lao động, theo địa điểm hoạt động trọng yếu.	☒	
ĐÁNH GIÁ CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NHÀ CUNG CẤP			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	☒	
LA 14	Tỷ lệ phần trăm các Nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí cách đối xử với người lao động.	☒	
LA 15	Các tác động tiêu cực thực tế và tiềm ẩn đáng kể đối với cách đối xử với người lao động trong chuỗi cung ứng và các biện pháp đã triển khai.	☒	
CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	81
LA 16	Số lượng khiếu nại về cách đối xử với người lao động đã nộp, xử lý và giải quyết thông qua cơ chế khiếu nại chính thức.	✓	81
QUYỀN CON NGƯỜI			
ĐẦU TƯ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	☒	
HR1	Tỷ lệ và tổng số các thoả thuận và hợp đồng lớn có đề cập đến vấn đề nhân quyền, hoặc có xem xét quyền con người.	☒	
HR2	Tổng số giờ đào tạo nhân viên về chính sách và thủ tục liên quan đến quyền con người trong hoạt động. Bao gồm cả phần trăm nhân viên được huấn luyện.	☒	
KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	74

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015	Trang
HR3	Tổng các sự cố về phân biệt đối xử và các hành động khắc phục.	✓	74
TỰ DO LẬP HỘI			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	☒	
HR4	Các hoạt động của công ty và của nhà cung cấp chính được xác định là có thể vi phạm hoặc có nguy cơ vi phạm việc thực hiện hoạt động các hiệp hội tự do, các thỏa thuận tập thể và các hành động để hỗ trợ thực hiện các quyền này.	☒	
LAO ĐỘNG TRẺ EM			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	73
HR5	Các hoạt động của công ty và của các nhà cung cấp chính được xác định là có những rủi ro nghiêm trọng về tai nạn lao động trẻ em, biện pháp để đóng góp hiệu quả vào việc không sử dụng lao động trẻ em.	☒	
LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC VÀ ÉP BUỘC			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	73
HR6	Hoạt động của công ty và của các nhà cung cấp chính được xác định là có thể có nguy cơ liên quan đến lao động cưỡng bức và biện pháp đóng góp để loại trừ tất cả hình thức sử dụng lao động cưỡng bức và ép buộc.	☒	
CÁC PHƯƠNG THỨC BẢO VỆ TÀI SẢN			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	☒	
HR7	Tỷ lệ phần trăm của các nhân viên an ninh được đào tạo theo các chính sách của công ty hoặc các thủ tục liên quan đến các khía cạnh của quyền con người có liên quan đến hoạt động.	☒	
QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒	
HR8	Tổng số vụ vi phạm liên quan đến quyền lợi của người dân bản địa và hành động khắc phục.	☒	
ĐÁNH GIÁ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	☒	
HR9	Tổng số và Tỷ lệ phần trăm các hoạt động cần phải rà soát về Quyền con người hoặc đánh giá tác động.	☒	
ĐÁNH GIÁ QUYỀN CON NGƯỜI ĐỐI VỚI NCC			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	☒	
HR10	Tỷ lệ phần trăm các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về Quyền con người.	☒	
HR11	Các tác động về Quyền con người tiêu cực thực tế và tiềm ẩn đáng kể trong chuỗi cung ứng và những biện pháp đã triển khai.	☒	

DANH MỤC ĐỐI CHIẾU G4
(tiếp theo)

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015	Trang
CƠ CHẾ KHIẾU NẠI VỀ QUYỀN CON NGƯỜI			
HR12	Số lượng khiếu nại liên quan đến lĩnh vực quyền con người được tiếp nhận, xử lý thông qua cơ chế khiếu kiện chính thức.	<input checked="" type="checkbox"/>	
XÃ HỘI			
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	<input checked="" type="checkbox"/>	100
SO1	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động được thực hiện với cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển.	<input checked="" type="checkbox"/>	101-103
SO2	Các hoạt động có các tác động tiêu cực thực tế hoặc tiềm tàng lên cộng đồng địa phương.	<input checked="" type="checkbox"/>	
CHỐNG THAM NHŨNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	<input checked="" type="checkbox"/>	105
SO3	Tỷ lệ phần trăm và tổng số các đơn vị kinh doanh được phân tích rủi ro là có liên quan đến tham nhũng và những rủi ro đáng kể được xác định.	<input checked="" type="checkbox"/>	104
SO4	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng.	<input checked="" type="checkbox"/>	104
SO5	Các vụ tham nhũng được xác định và các biện pháp đã triển khai.	<input checked="" type="checkbox"/>	104
CHÍNH SÁCH CÔNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	<input checked="" type="checkbox"/>	
SO6	Tổng giá trị của những đóng góp chính trị theo quốc gia và người nhận/người thụ hưởng.	<input checked="" type="checkbox"/>	
HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	<input checked="" type="checkbox"/>	104-105
SO7	Tổng số hành động pháp lý đối với hành vi hạn chế cạnh tranh, chống độc quyền và các thông lệ chống độc quyền và kết quả của những hành động đó.	<input checked="" type="checkbox"/>	104-105
TUÂN THỦ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	<input checked="" type="checkbox"/>	104
SO8	Tổng giá trị tiền phạt và tổng số vụ xử phạt phi tài chính do không tuân thủ luật pháp và các quy định.	<input checked="" type="checkbox"/>	104
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA NHÀ CUNG CẤP ĐỐI VỚI XÃ HỘI			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	<input checked="" type="checkbox"/>	
SO9	Tỉ lệ phần trăm các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về tác động đối với xã hội.	<input checked="" type="checkbox"/>	
SO10	Các tác động tiêu cực thực tế và tiềm ẩn đáng kể đối với xã hội trong chuỗi cung ứng và những hành động đã triển khai.	<input checked="" type="checkbox"/>	

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2015	Trang
CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	<input checked="" type="checkbox"/>	
SO11	Số lượng khiếu nại về các tác động đối với xã hội đã nộp, xử lý, giải quyết thông qua cơ chế khiếu nại chính thức.	<input checked="" type="checkbox"/>	
TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM			
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE CỦA KHÁCH HÀNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	60&61
PR1	Tỉ lệ phần trăm danh mục sản phẩm và dịch vụ trọng yếu được đánh giá tác động sức khỏe và an toàn để cải thiện.	✓	63
PR2	Tổng số sự cố không tuân thủ các quy định và các chuẩn mực (tự nguyện tham gia) liên quan đến sự tác động về sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ trong suốt vòng đời, phân loại theo loại kết quả.	✓	71
THÔNG TIN NHÂN SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	<input checked="" type="checkbox"/>	
PR3	Loại thông tin về sản phẩm và dịch vụ được yêu cầu đối với thông tin sản phẩm và dịch vụ về việc ghi nhãn, tỷ lệ phần trăm danh mục sản phẩm và dịch vụ được yêu cầu thông tin như vậy.	✓	65
PR4	Tổng số sự cố không tuân thủ các quy định và quy tắc tự nguyện liên quan đến thông tin sản phẩm và dịch vụ và việc ghi nhãn, phân theo loại kết quả.	✓	71
PR5	Kết quả khảo sát đánh giá sự hài lòng của khách hàng.	<input checked="" type="checkbox"/>	
TRUYỀN THÔNG TIẾP THỊ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	65
PR6	Bán sản phẩm bị cấm và đang tranh chấp.	✓	71
PR7	Tổng số vụ không tuân thủ các quy định và bộ luật tự nguyện về truyền thông tiếp thị, bao gồm hoạt động quảng cáo, khuyến mãi và tài trợ theo loại kết quả.	✓	71
PR8	Tổng số khiếu nại có chứng cứ về hành vi vi phạm quyền riêng tư của khách hàng và việc mất dữ liệu khách hàng.	✓	71
TUÂN THỦ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	✓	71
PR9	Giá trị bằng tiền của các khoản tiền phạt đáng kể cho việc không tuân thủ luật pháp và các quy định về việc cung cấp và sử dụng sản phẩm và dịch vụ.	✓	71



PHỤ LỤC

Một số giải thưởng tiêu biểu

STT	Thời gian	Tên danh hiệu, giải thưởng	Tổ chức cấp
1	T1/2015	Thương hiệu Việt uy tín lần thứ 11 năm 2015	Liên hiệp các hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam - Tạp chí Thương hiệu Việt
2	T1/2015	Top Doanh nghiệp Việt Nam đạt chỉ số tốt nhất năng lực hoạt động 2014	Báo Diễn đàn doanh nghiệp
3	T1/2015	Top 10 “Sản phẩm, Dịch vụ thương hiệu Việt tiêu biểu” 2014	Báo Công Thương
4	T1/2015	Tổng Giám đốc: Top 50 Nhà Lãnh đạo doanh nghiệp - Mark of Respect 2014	Nhịp cầu đầu tư
5	T1/2015	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2014 (đúng hạng thứ 2)	VNR 500
6	T2/2015	Tổng Giám đốc: “Doanh nhân văn hóa vì sự nghiệp xây dựng & phát triển đất nước”	Trung tâm Văn hóa doanh nhân
7	T2/2015	Danh hiệu Doanh nghiệp văn hóa có nhiều đóng góp cho xã hội	Trung tâm Văn hóa doanh nhân
8	T2/2015	Top Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR tốt nhất năm 2014	Vietstock
9	T2/2015	Giấy chứng nhận Danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao 2015”	Hội DN HVNCLC & BSA
10	T2/2015	Asia’s Power Businesswomen 2015	Tạp chí Forbes
11	T3/2015	Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2014 (đúng hạng thứ 2)	Công ty Nghiên cứu thị trường Nielsen và mạng Anphabe.com
12	T3/2015	Tổng Giám đốc: Doanh nhân nữ ASEAN 2015 (AWEF)	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Hội đồng Doanh nhân Nữ Việt Nam
13	T4/2015	Thương hiệu vàng thực phẩm Việt Nam tiêu biểu năm 2014: Top 20 - Sữa tươi tiệt trùng không đường (Vinamilk)	Bộ Y tế - Cục ATTP
14	T4/2015	Thương hiệu vàng thực phẩm Việt Nam năm 2014: Top 100 - Sữa chua táo chuối Su Su và Dielac Alpha Gold	Bộ Y tế - Cục ATTP
15	T4/2015	Tổng Giám đốc: “Doanh nhân vì chất lượng cuộc sống 2014”	Bộ Y tế - Cục ATTP
16	T5/2015	Cúp vàng sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm năm 2015 sản phẩm “Sữa tươi tiệt trùng không đường”	Liên hiệp các hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam - Trung tâm Khoa học & Công nghệ thực phẩm

STT	Thời gian	Tên danh hiệu, giải thưởng	Tổ chức cấp
17	T5/2015	Top 10 “Sản phẩm vàng thương hiệu Việt hội nhập WTO lần thứ 10 - 2015”	Liên hiệp các hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam - Trung tâm Khoa học & Công nghệ thực phẩm
18	T5/2015	Tổng Giám đốc: Giải thưởng Nikkei Châu Á	Tập đoàn truyền thông hàng đầu Nhật Bản - Nikkei Inc.
19	T5/2015	Công ty tăng trưởng bền vững giai đoạn 2011 - 2014	Nhịp cầu đầu tư
20	T5/2015	1 trong 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam	Nhịp cầu đầu tư
21	T6/2015	Nhà máy Sữa Trường Thọ - Giải thưởng môi trường Việt Nam 2015	Bộ Tài nguyên và Môi trường
22	T7/2015	Top 10 Doanh nghiệp niêm yết có uy tín nhất truyền thông (đứng hạng thứ nhất)	VNR 500
23	T7/2015	Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất	Báo Đầu tư Chứng khoán và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
		Giải II: Báo cáo thường niên có Quản trị công ty tốt nhất	
		Giải II: Báo cáo Phát triển bền vững	
24	T8/2015	Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam	Forbes Việt Nam
25	T10/2015	Top 50 Thương hiệu có giá trị lớn nhất Việt Nam	Brand Finance của Anh (Bảng đánh giá)
26	T11/2015	Top 100 Thương hiệu Tin và Dừng	Thời báo Kinh tế Việt Nam
27	T11/2015	Giải thưởng New Zealand - ASEAN	New Zealand
28	T11/2015	Quản trị công ty tốt nhất Việt Nam - khu vực Asean tại Manila, Philippines	Khối Asean và UBCK Philippines
29	T11/2015	Top 100 Asean - Top 300 Asia	Nikkei Asian Review
30	T11/2015	Bảng xếp hạng V1000 - 2015 (1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam)	V1000
31	T12/2015	Top 10 Bảng xếp hạng 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam 2015	VNR 500
32	T12/2015	“Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích” - Sữa tươi Vinamilk - Sữa đặc Ông Thọ - Dielac Grow	Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội



PHỤ LỤC (tiếp theo)

Thống kê tổng số người lao động

Người lao động	Nam	Nữ	Tổng
Thống kê theo loại hợp đồng lao động	4.538	1.498	6.036
Không xác định thời hạn	3.768	1.269	5.037
Xác định thời hạn 1 - 3 năm	760	227	987
Hợp đồng thời vụ, ngắn hạn	10	2	12
Thống kê theo ngành nghề	4.538	1.498	6.036
Sản xuất chế biến (tại nhà máy):	1.652	289	1.941
Bán hàng	321	43	364
Hoạt động hỗ trợ (hành chính, văn phòng, kế toán...)	2.319	1.045	3.364
Hoạt động nông nghiệp (các trang trại)	246	121	367
Thống kê theo độ tuổi	4.538	1.498	6.036
+ Tuổi < 30:	1.334	434	1.768
+ Tuổi từ 30 đến 40:	1.923	654	2.577
+ Tuổi từ 40 đến 50:	979	329	1.308
+ Tuổi > 50:	302	81	383

Thống kê số người lao động tuyển mới

Người lao động	Nam	Nữ	Tổng
Thống kê theo ngành nghề	458	98	556
Sản xuất chế biến (tại nhà máy)	169	3	172
Bán hàng	45	4	49
Hoạt động hỗ trợ (hành chính, văn phòng, kế toán...)	179	65	244
Hoạt động nông nghiệp (các trang trại)	65	26	91
Thống kê theo độ tuổi	431	95	556
+ Tuổi < 30:	347	78	425
+ Tuổi từ 30 đến 40:	96	19	115
+ Tuổi từ 40 đến 50:	9	-	9
+ Tuổi > 50:	6	1	7

Thống kê về chương trình đào tạo

Tiêu chí	2012	2013	2014	2015
KPIs về chỉ số đào tạo				
Số lượng khóa đào tạo	240	258	222	404
Số lượt tham dự đào tạo	8.525	9.251	13.055	27.271
KPIs về ngân sách, chi phí dành cho hoạt động đào tạo				
Ngân sách dành cho đào tạo (tỷ đồng)	5	6,5	5,32	12
Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (tỷ đồng)	1,8	3,2	3,8	6,7
Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách (%)	36,4%	49%	71%	56%



PHỤ LỤC (tiếp theo)

Báo cáo thực hiện các giải pháp, sáng kiến cải tiến tiết kiệm năng lượng năm 2015

STT	Các giải pháp, sáng kiến cải tiến
1	Giải pháp làm mát cho các máy thổi chai Probi sử dụng phương pháp tuần hoàn nước
2	Giải pháp tiết kiệm hơi và nước lạnh tại hệ xay đậu nành và CBSC PX2
3	Thu hồi nước làm mát sữa hệ thống UHT Stork
4	Cài đặt tần số biến tần máy nén lạnh chạy sản xuất cho mùa lạnh (5 tháng)
5	Thi công hệ thống thông gió giải nhiệt cho các máy nén khí, lấy khí đầu vào từ nguồn có nhiệt độ thấp
6	Cải tạo pasteurizer 6000l/h sử dụng sản xuất sữa chua theo công nghệ hoàn nguyên nóng
7	Cải tạo hệ thống rót nút trên máy Benco, giảm số lần CIP máy
8	Thay thế Tole sáng cho khu vực PXSX và kho thành phẩm để giảm chi phí điện chiếu sáng ban ngày
9	Bọc lại cách nhiệt các vị trí bảo ôn không tốt trên hệ thống đường ống hơi
10	Bọc lại cách nhiệt các vị trí bảo ôn không tốt trên hệ thống đường ống nước lạnh
11	Thu hồi nhiệt khói thải của các lò hơi
12	Thu hồi nước ngưng khu vực Sữa tươi, Sữa đậu nành
13	Làm cửa đóng mở tự động cho kho lạnh số 2
14	Quy hoạch lại HT khí nén: Chuyển tất cả các máy nén khí tập trung về khu vực ĐL1 Cài đặt áp suất và phương thức hoạt động của các máy nén
15	Thiết kế lắp đặt hệ thống phun sương giải nhiệt các dàn nóng kho lạnh
16	Lắp cầu dao đảo cho các máy thổi khí XLNT để các máy thổi khí đều dùng biến tần
17	Giảm nhiệt độ sát trùng nắp từ 180°C->150°C
18	Không sử dụng máy đồng hóa khi sản xuất hệ TTDH P90 Lắp cầu nối, van bypass homo P90 khi thanh trùng ủ dịch sữa chua Ageing lạnh
19	Lắp tấm lấy sáng cho mái nhà PXSX để hạn chế mở đèn vào ban ngày
20	Thay thế các bộ đèn huỳnh quang 0,6m bằng các đèn led
21	Chuyển đổi sử dụng CNG cho đốt lò, chuyển đổi vào tháng 11/2014 theo dõi chạy ổn định cả năm 2015
22	Thiết kế lắp đặt biến tần cho máy nén lạnh RFX39 nhằm tiết kiệm năng lượng
23	Thiết kế lắp đặt đường ống, bồn chứa để thu hồi PAA từ Unidox Chủ động việc xả PAA trước khi nồng độ cao vượt hệ thống xả không kịp gây dùng máy
24	Tận dụng nhiệt thải từ khói thải lò hơi Standard Kessel để gia nhiệt nước cấp lò
25	Cải tạo hệ thống điều khiển chiếu sáng theo thời gian sản xuất phòng rót và khu vực DE A1, điều khiển tự động theo thời gian sản xuất
26	Lắp đặt hệ thống điều khiển AUTO hệ thống thông thoáng khu vực CB và DE
27	Giải pháp tách nguồn và điều khiển tự động chiếu sáng khu vực WIP bao bì
28	Giải pháp tách nguồn và điều khiển tự động chiếu sáng khu vực WIP nguyên vật liệu
29	Thiết kế bơm nạp dầu máy nén lạnh (phục vụ công tác châm dầu thêm không cần phải chạy máy nén lạnh)
30	Tối ưu hóa các thông số vận hành LGV hạn chế sạc pin lại nhiều lần tiết kiệm điện năng
31	Cải tiến hệ thống chiếu sáng tu điện khu vực DEA3
Tổng cộng	

Tiết kiệm năng lượng					Chi phí đầu tư (triệu đồng)	Chi phí tiết kiệm (triệu đồng/năm)	Đơn vị thực hiện
Điện (Kwh/năm)	Dầu (kg/năm)	CNG (mmBTU/năm)	Nước (m ³ /năm)	Hơi (kg/năm)			
			21.000		100,0	168,0	TSP
24.000				36.000	100,0	64,8	TSP
10.024			28.800		5,0	374,1	LSP
60.000					-	93,1	NAP
6.146					12,5	10,7	BDP
45.600					95,0	79,7	BDP
960					8,0	1,7	BDP
15.600					109,0	27,3	BDP
				1.560	4,0	1,1	BDP
504					3,8	0,9	BDP
		2.625			1.780,0	603,8	TTP
		1.113			830,0	256,0	TTP
46.800					90,0	70,2	TTP
299.000					30,0	448,5	TTP
4.800					20,0	7,2	TTP
7.900					2,0	11,8	TTP
12.600					-	18,9	TTP
525.000					5,4	787,5	SGP
4.653					107,0	7,0	CTP
4.507					4,5	6,8	CTP
		4.200			-	1.048,1	GKP
33.750	-	-	-	-	180,0	48,9	GKP
-	-	294	-	-	16,0	73,5	GKP
		450			7,0	112,3	GKP
107.747	-	-	-	-	5,0	161,6	SVP
107.310	-	-	-	-	5,0	161,0	SVP
13.456	-	-	-	-	7,5	20,2	SVP
8.410	-	-	-	-	4,6	12,6	SVP
91.250					20,0	136,9	SVP
52.560					-	78,8	SVP
4.460					-	6,7	SVP
1.487.036	-	8.682	49.800	37.560	3.551	4.900	

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Trụ sở chính:

- 10 Tân Trào, Phường Tân Phú,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- (+84. 8) 54 155 555
- (+84. 8) 54 161 226

www.vinamilk.com.vn

